

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

----- 80 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa điểm: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miên, tỉnh Hải Dương

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



**GIÁM ĐỐC
AN QUỐC ĐỊNH**

Thanh Miên, tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	2
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	2
2. Tên dự án đầu tư.....	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	4
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu.....	4
4.2. Nhu cầu phụ liệu, điện, nước cho sản xuất	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	5
5.1. Vị trí dự án	5
5.2. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án.....	5
5.2.1. Cơ cấu sử dụng đất của dự án	5
5.2.2. Các hạng mục công trình xây dựng	5
5.3. Máy móc thiết bị dự án	9
5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	9
5.4.1. Tiến độ thực hiện dự án.....	9
5.4.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư	10
5.4.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	10
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch.....	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	15
1.3. Xử lý nước thải:	16
1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải	16
1.3.2. Công trình xử nước thải chung	16
1.3.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	21
2.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động	23
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	23

3.1. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải sản xuất	23
3.2. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt	24
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	24
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	25
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	26
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải.....	26
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về hệ thống xử lý khí thải	26
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	26
6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó ngừa sự cố tai nạn lao động.....	27
6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó ngừa sự cố mất an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh	27
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	29
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	30
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	30
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	31
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	33
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	35
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	36
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	36
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	36
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	37
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	38

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu của dự án	4
Bảng 1. 2. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu khác tính cho 1 năm sản xuất.....	4
Bảng 1. 3. Cơ cấu sử dụng đất của dự án	5
Bảng 1. 4. Các hạng mục công trình của dự án.....	6
Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án.....	9
Bảng 3. 1. Các công trình, thiết bị chính của hệ thống	19
Bảng 5. 1. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2021 của nhà máy .	33
Bảng 5. 2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2021	35

DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất của dự án	3
Hình 1. 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy	10
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước thải	15
Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải công suất 80m ³ /ngày đêm	17

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Shints BVT được thành lập theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0800006025, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/04/2021 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp có trụ sở tại KDC Phú Tào, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận đầu tư số 6582836083 lần đầu ngày 05/11/2014 và thay đổi lần thứ nhất ngày 30/5/2016 cho dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT đại chi tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương với mục tiêu sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc, mũ bảo hiểm, găng tay, phụ kiện ngành may.

Công ty đã tiến hành thuê lại đất tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để thực hiện dự án “Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT” với nội dung như sau:

- Diện tích thực hiện dự án: 14.382m²;
- Quy mô dự án:
 - + Sản xuất quần thể thao: 400.000 bộ/năm
 - + Sản xuất quần áo trượt tuyết: 300.000 bộ/năm.

Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 954/GXN-UBND ngày 21/10/2016.

Công ty đã tiến hành thực hiện các thủ tục khác, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc và đi vào hoạt động. Hiện tại, nhà máy đang hoạt động ổn định.

Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2168/GP-UBND ngày 25/7/2017 với thời hạn 05 năm.

Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT có tổng vốn đầu tư là 28.641.000.000 (Hai mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu đồng) là dự án nhóm C, thuộc khoản 3, điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Dự án nhóm III thuộc số thứ tự 2, mục I, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Vì vậy, tuân thủ theo luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Công ty TNHH Shints BVT đã kết hợp với Công ty CP công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án theo hướng dẫn tại phụ lục XII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 để trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định và phê duyệt.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Shints BVT
- Địa chỉ văn phòng: KDC Phú Tảo, phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
Ông An Quốc Định Chức danh: Giám đốc
- Điện thoại: 0220.3861727
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 6582836083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05/11/2014 và thay đổi lần thứ nhất ngày 30/5/2016.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miên, tỉnh Hải Dương
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số: 954/GXN-UBND ngày 21/10/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miên cấp.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C thuộc khoản 3, điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

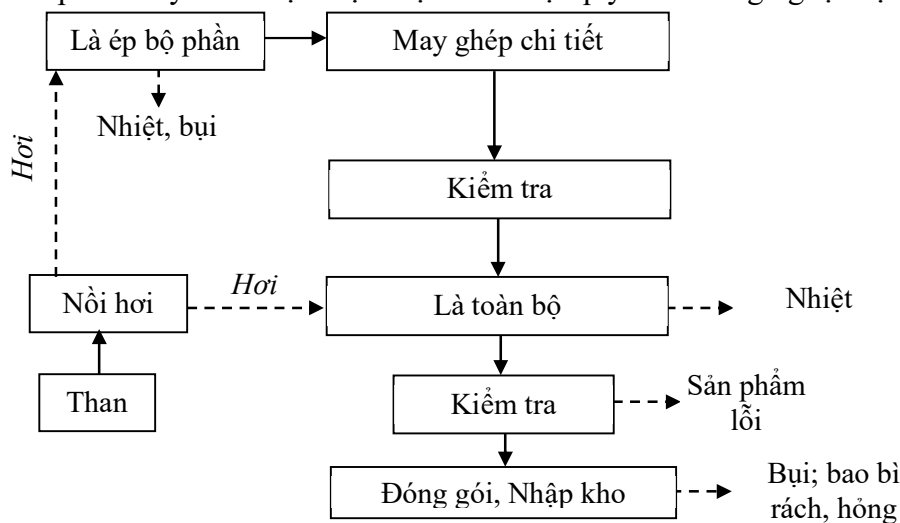
Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc:

- + Sản xuất quần thể thao: 400.000 bộ/năm;
- + Sản xuất quần áo trượt tuyết: 300.000 bộ/năm;

Tại thời điểm lập giấy phép, Công ty đang hoạt động 100% công suất sản xuất.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sản phẩm của Công ty bao gồm quần thể thao và quần áo trượt tuyết, tuy nhiên các sản phẩm này đều được thực hiện theo một quy trình công nghệ. Cụ thể như sau:



Hình 1. 1. Quy trình sản xuất của dự án

* Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu nhập về, qua kiểm tra đưa vào kho chứa, sau đó được đưa xuống xưởng cắt theo định mức của từng đơn hàng. Nguyên liệu không đạt yêu cầu sẽ được trả lại nhà sản xuất. Các cuộn vải được công nhân trải lên bàn cắt. Mẫu thiết kế được lập trình trên phần mềm máy tính chuyên dụng và máy in tạo mẫu mã lên chất liệu giấy (làm đường mẫu). Mẫu trên giấy được trải lên mặt vải, dùng máy cắt vải theo đường mẫu qua công đoạn kiểm tra một số chi tiết được đưa đến công đoạn vắt sổ, một số chi tiết đưa đến công đoạn là ép bộ phận để tạo chi tiết theo yêu cầu của sản phẩm.

Sau đó toàn bộ các chi tiết được chuyển sang công đoạn may ghép chi tiết hoàn thiện sản phẩm. Sản phẩm qua công đoạn kiểm tra loại bỏ các sản phẩm lỗi, không đạt yêu cầu của đơn hàng (các sản phẩm ít lỗi kỹ thuật được chỉnh sửa và may lại). Sản phẩm sau khi may sẽ được đưa đến công đoạn là toàn bộ để loại bỏ các nếp nhăn, định hình form sản phẩm và kiểm tra ngoại quan sản phẩm lần cuối. Sản phẩm hoàn chỉnh đóng gói, bảo quản tại kho trước khi xuất xưởng.

Các công đoạn như nhập nguyên liệu, phân loại, làm đường mẫu, cắt vải, nhồi bông (đối với các sản phẩm quần áo trượt tuyết) đều được thực hiện tại Công ty TNHH Shints BVT tổng tại phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Dương sau đó bán thành phẩm được chuyển xuống chi nhánh dự án tại Thanh Miện.

Tại nhà máy Công ty TNHH Shints BVT chi nhánh huyện Thanh Miện chỉ thực hiện các công đoạn còn lại như: ép bộ phận, may gia công ghép chi tiết thành sản phẩm hoàn thiện sau đó là toàn bộ thành phẩm, đóng gói.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- + Quần thể thao: 400.000 bộ/năm
- + Quần áo trượt tuyết: 300.000 bộ/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu

Nhu cầu nguyên, phụ liệu phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án trong 1 năm như sau:

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu của dự án

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Quy đổi ra tấn
1	Vải các loại	m ²	1.032.000	40
2	Chỉ may các loại	Cuộn	86.800	1,0
3	Mặt nguyệt	Cái	1.000	0,2
4	Chân vịt	Cái	36.000	3,6
5	Thoi suốt	Bộ	5.000	1,0
6	Kim	Cái	48.000	0,02
7	Bao bì đóng gói: túi nilong, thùng carton, băng dính	Kg	5.000	5,0
	Tổng			50,82 tấn/năm

Nguồn: Công ty TNHH Shints BVT – tháng 5/2022

4.2. Nhu cầu phụ liệu, điện, nước cho sản xuất

Bảng 1. 2. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu khác tính cho 1 năm sản xuất

TT	Các loại nhiên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích
1	Điện	kwh/tháng	49.394	Sản xuất và sinh hoạt
2	Nước	m ³ /tháng	840	Sinh hoạt, nồi hơi
2.1	Nước cấp cho sinh hoạt	m ³ /tháng	798	
2.2	Nước cấp cho lò hơi	m ³ /tháng	24	
2.3	Nước bổ sung cho đập bụi lò hơi	m ³ /tháng	18	
4	Than	Tấn/năm	10	Cấp cho lò hơi

Nguồn: Công ty TNHH Shints BVT – tháng 5/2022

+ Hiện tại theo hóa đơn tiền nước 03 tháng gần nhất (T2-T4/2022) cho thấy, lượng nước cấp trung bình khoảng 840m³/tháng sử dụng cho các mục đích sau:

- Lượng nước cấp cho nồi hơi: Nồi hơi công suất 2 tấn hơi/h. Lò hơi hoạt động 8h/ngày và lượng nước cấp là 1m³/ngày tương đương 24m³/tháng.

- Lượng nước cấp cho hệ thống đập bụi lò hơi: định kỳ hàng ngày công ty bổ sung 0,5m³/ngày vào hệ thống đập bụi do bay hơi tương đương 12m³/tháng; định kỳ 2

tuần/lần công ty thải bỏ toàn bộ lượng nước từ hệ thống dập bụi tương ứng 3m^3 tương ứng là $6\text{m}^3/\text{tháng}$.

- Lượng nước cấp cho sinh hoạt: $798\text{m}^3/\text{tháng}$ tương đương $33,25\text{m}^3/\text{ngày}$

+ Hiện tại Công ty có 1.000 công nhân lượng nước cấp sử dụng là $33,25\text{m}^3/\text{ngày}$ tương ứng là 33,25 lít/người/ngày.

+ Khi hoạt động ổn định, Công ty có 1.058 công nhân lượng nước sử dụng là $35,17\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Công ty sử dụng mạng lưới điện Quốc gia do Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Nguồn điện cung cấp cho khu vực dự án được lấy từ đường trung áp khu vực tới trạm biến áp phân phối. Từ trạm biến áp phân phối cấp điện cho các tủ điện động lực, từ đó sẽ cấp cho các hạng mục của công ty cần sử dụng như: sản xuất, chiếu sáng, hoạt động khu vực văn phòng.

- Than nhà máy sử dụng được mua từ các đại lý cung cấp trong khu vực huyện và các huyện lân cận.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí dự án

Dự án chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT được thực hiện tại khu đất thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương trên tổng diện tích 14.382m^2 .

Vị trí cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc: giáp cơ sở gia công phun sơn và lắp ráp sản phẩm đồ chơi;
- Phía Đông Nam: giáp Công ty TNHH Hoàng Anh;
- Phía Đông Bắc: giáp hành lang sông Cửu An;
- Phía Tây Nam: giáp đường thôn.

5.2. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án

5.2.1. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

Bảng 1. 3. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích xây dựng công trình	9.522	66,21
2	Diện tích cây xanh	1.504,0	10,46
3	Diện tích sân đường nội bộ	3.319,8	23,08
4	Đất hành lang giao thông	36,2	0,25
	Tổng	14.382	100

Nguồn: Công ty TNHH Shints BVT – tháng 5/2022

5.2.2. Các hạng mục công trình xây dựng

Dự án thuê lại đất của UBND huyện Thanh Miện với tổng diện tích 14.382m^2 được chia làm 3 khu:

Khu 1: Diện tích 6.445,0m²

Khu 2: Diện tích 4.350,0m²

Khu 3: Diện tích 3.587m²

Hiện tại, chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng hoàn thiện và đưa các công trình đi vào hoạt động theo đúng quy hoạch được duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 1. 4. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Tên công trình	Đơn vị	Diện tích	Công năng sử dụng	
				Theo QH	Thực tế
A	Hạng mục công trình xây dựng chính				
1	Nhà xưởng số 1	m ²	2.060,0	Xưởng may	Xưởng may
2	Nhà xưởng số 2	m ²	3.490,5	Xưởng may	Xưởng may
3	Nhà kho số 1	m ²	207,5	Kho bông	Kho vải tồn
4	Nhà kho số 2	m ²	692,0	Kho nguyên liệu	Xưởng hoàn thiện
5	Nhà kho số 3	m ²	286,0	Kho thành phẩm	Kho thành phẩm
B	Hạng mục công trình phụ trợ				
1	Nhà điều hành	m ²	155,0	Đang sử dụng đúng công năng	
2	Nhà ăn, căng tin	m ²	765,0	Đang sử dụng đúng công năng	
3	Nhà bảo vệ (02 nhà)	m ²	21,0	Đang sử dụng đúng công năng	
4	Nhà để xe	m ²	498,0	Đang sử dụng đúng công năng	
5	Trạm biến áp	m ²	7,5	Đang sử dụng đúng công năng	
6	Cổng	m ²	16,5	Đang sử dụng đúng công năng	
7	Nhà nồi hơi	m ²	56,0	Đang sử dụng đúng công năng	
8	Nhà y tế	m ²	52,0	Đang sử dụng đúng công năng	
9	Bể chứa nước ngầm + PCCC	m ²	60,0	Đang sử dụng đúng công năng	
C	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
1	Nhà vệ sinh (02 nhà)	m ²	62,0	Đang sử dụng đúng công năng	
2	Bể xử lý nước thải	m ²	93,0	Đang sử dụng đúng công năng	
3	Kho chứa chất thải	m ²	80,0	Không có	Kho chứa chất thải
D	Hạ tầng				
1	Diện tích cây xanh	m ²	1.504,0	-	
2	Diện tích sân đường nội bộ	m ²	3.319,8	-	
3	Đất hành lang giao thông	m ²	36,2	-	
	Tổng diện tích	m ²	14.382		

Nguồn: Công ty TNHH Shints BVT – tháng 5/2022

Các hạng mục công trình chính như nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng, nhà ăn.... được xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Đối với 02 nhà kho có thay đổi về

công năng sử dụng phù hợp với hoạt động sản xuất và xây dựng thêm kho chứa chất thải.

*** Các công trình chính:**

- **Nhà xưởng sản xuất:** gồm 2 xưởng: xưởng số 1 diện tích 2.060m²; xưởng số 2 diện tích 3.490,5m². Được thiết kế là nhà công nghiệp; xây dựng 1 tầng, kết cấu khung thép zamin, móng đổ giằng BTCT, mái lợp tôn chống nóng trên hệ xà gồ, nền bê tông mác 250, tường xây bằng tám bê tông đúc rỗng giữa, ốp gạch ốp lát ceramic, cửa chính bằng tôn, kích thước 3x4m được thiết kế đẩy ra 2 bên ở phía bên ngoài. 02 nhà xưởng được bố trí làm xưởng may gia công chi tiết.

- **Nhà kho:** Nhà máy xây dựng 03 nhà kho. Tuy nhiên, thực tế dự án chỉ gia công từ các bán thành phẩm đã cắt, nhồi bông sẵn mà không tiến hành cắt, nhồi bông, do vậy không cần kho chứa bông và kho nguyên liệu.

Công năng thay đổi phù hợp với hoạt động sản xuất, như sau:

+ *Kho số 1 (kho bông):* Thực tế là kho chứa vải tồn của khách hàng diện tích 207,5m². Kho được xây dựng giáp nhà ăn. Kho có kết cấu móng bê tông, phần trên có kết cấu khung thép sơn chống gỉ, mái lợp tôn.

+ *Kho số 2 (nguyên liệu):* Thực tế là nhà xưởng hoàn thiện diện tích 692m². Nhà được xây dựng giáp nhà xe. Nhà có kết cấu móng bê tông, phần trên có kết cấu khung thép sơn chống gỉ, mái lợp tôn.

+ *Kho số 3 (kho thành phẩm):* diện tích 286m². Nhà được xây dựng giáp khu bể xử lý nước thải. Nhà có kết cấu móng bê tông, phần trên có kết cấu khung thép sơn chống gỉ, mái lợp tôn.

*** Các công trình phụ trợ:**

- **Nhà điều hành:** Diện tích xây dựng là 155m². Quy mô: 1 tầng, được xây dựng theo quy cách nhà văn phòng hiện đại, kết cấu khung, dầm, móng đổ giằng BTCT, mái đổ bê tông, có mái tôn chống nắng, tường xây gạch đặc, nền bằng bê tông gạch vỡ, lát gạch ceramic.

- **Nhà ăn + căng tin:** Diện tích 765m², quy mô: 1 tầng, kết cấu BTCT.

- **Nhà bảo vệ:** Diện tích 21m² bao gồm 02 nhà giáp với 02 cổng ra vào của nhà máy.

- **Nhà để xe:** Kết cấu thép mái lợp tôn sóng dày 0,45mm; sàn bê tông. Diện tích xây dựng: 498m².

- **Bể ngầm + PCCC:** Diện tích 60m² thể tích 120m³ chứa nước dự phòng cho công tác PCCC.

- **Nhà nồi hơi:** Kết cấu thép mái lợp tôn sóng dày 0,45mm; sàn bê tông. Diện tích xây dựng: 56m².

- **Nhà y tế:** Diện tích xây dựng là 52m². Quy mô: 1 tầng, được xây dựng theo quy cách nhà văn phòng hiện đại, kết cấu khung, dầm, móng đổ giằng BTCT, mái đổ bê tông, có mái tôn chống nắng, tường xây gạch đặc, nền bằng bê tông gạch vỡ, lát gạch ceramic.

*** Các công trình bảo vệ môi trường:**

- **Nhà vệ sinh:** Được bố trí 02 nhà, 01 nhà giá nhà xưởng số 2 và 01 nhà giáp nhà kho số 3 và nhà ăn. Tổng diện tích xây dựng 62m².

- **Nhà rác** (diện tích nằm trong diện tích đất sân đường): Có tổng diện tích 80m² cạnh khu nhà nồi hơi. Nhà có kết cấu khung kết cấu thép, vây tôn, lán nền chống thấm, có rãnh thu nước và ngăn thành 3 khu vực, cụ thể: khu vực kho CTNH: 20 m²; khu để chứa CTR sản xuất: 50 m²; khu để chứa CTR sinh hoạt tạm thời: 10 m².

- **Khu vực bể xử lý nước thải:** diện tích xây dựng 93m², được bố trí cạnh kho số 3 và nhà nồi hơi.

*** Các công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- **Hệ thống thoát nước thải:** Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của Công ty trước khi thải ra sông Cửu An.

Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X(m): 2298745; Y(m): 629094.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mái trên xưởng: Nước mưa thoát từ trên mái xuống theo ống PVC dẫn vào cống thoát nước ngoài nhà.

+ Hệ thống thoát nước mặt: nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước BTCT B=0,5m theo đường cống D300mm xung quanh nhà xưởng thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 02 cửa xả.

Tọa độ vị trí thoát nước mặt (theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X(1): 2298571.426; Y(1): 629045.925

X(2): 2298645.638; Y(2): 628980.000

- Hệ thống cấp điện:

+ Dự án sử dụng nguồn điện lấy từ lưới điện quốc gia. Điện được kéo vào mặt bằng sản xuất qua trạm biến áp 320kVA do Công ty đã xây dựng, sau đó được đưa tới các công trình sử dụng. Toàn bộ hệ thống dây dẫn trong nhà đều được đi ngầm trong tường, ngầm trần và được đặt trong ống nhựa PVC.

+ Các thiết bị điện như cầu dao, ổ cắm, công tắc, rơ le, cầu chì,...được nhập khẩu đảm bảo cung cấp điện tốt nhất cho sản xuất.

+ Các nhà xưởng được đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo điều kiện môi

trường làm việc theo QCVN 22:2016/BYT

- **Hệ thống cấp nước:** Nguồn nước sử dụng cho dự án là nguồn nước sạch từ mạng lưới cấp nước khu vực theo đường ống cấp nước $\Phi 100$ vào bể nước ngầm sau đó theo đường ống $\Phi 75$ cấp đến các công trình.

- **Hệ thống chống sét:** nhà xưởng được thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012. Hệ thống chống sét bao gồm: bộ phận thu sét, bộ phận dẫn xuống, các loại mối nối, điểm kiểm tra đo đặc, bộ phận dây dẫn nối đất, bộ phận cực nối đất; hệ thống chống sét có điện trở tiếp đất $\leq 10\Omega$.

- **Hệ thống thông gió:** Nhà xưởng được thực hiện thông gió tự nhiên với hệ thống cửa sổ xung quanh nhà xưởng kết hợp với các cửa chính và cửa mái. Bên cạnh đó nhà máy còn lắp mái tôn chống nóng và lắp đặt hệ thống thông gió, hút khói.

- **Hệ thống phòng cháy chữa cháy:**

Để đảm bảo an toàn cho công tác phòng cháy và chữa cháy, Công ty xây dựng hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định, tiêu chuẩn hiện hành, được cơ quan quản lý nhà nước về PCCC tỉnh Hải Dương thẩm định và phê duyệt. Nước dự trữ cho PCCC được lấy từ bể chứa ngầm của nhà máy.

- **Hệ thống giao thông nội bộ:** Hệ thống sân đường nội bộ có kết cấu lớp lót móng dưới bằng cát đen, trên cấp phối lu nền 200, bên trên đổ bê tông xi măng cát vàng M200, đá 2x4 dày 180mm, diện tích 3.319,8 m².

- **Hệ thống cây xanh:** hệ thống cây xanh với diện tích cây xanh 1.504m² được thiết kế trồng xung quanh dự án tạo cảnh quan kiến trúc không gian xanh, đẹp; có tác dụng làm giảm sự tác động qua lại ô nhiễm môi trường như tiếng ồn, bụi, ánh nắng mặt trời,... giữa không gian trong và ngoài dự án.

5.3. Máy móc thiết bị dự án

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy may các loại	Chiếc	800	Trung Quốc
2	Máy ép seam	Chiếc	30	Hàn Quốc
3	Bàn là, hút	Chiếc	120	Trung Quốc
4	Máy dò kim	Chiếc	01	Nhật Bản
5	Lò hơi 2 tấn	Chiếc	01	Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH Shints BVT – tháng 5/2022

5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

5.4.1. Tiến độ thực hiện dự án

Hiện tại dự án đã hoàn thiện xây dựng các công trình xử lý chất thải và đang hoạt động ổn định, đồng thời thực hiện các thủ tục đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Dự kiến hoàn thiện các thủ tục về môi trường: tháng 7/2022

5.4.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 28.641.000.000 VND (Hai mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi một triệu đồng Việt Nam), tương đương 1.338.099 USD (Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp: 28.641.000.000 VND (Hai mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi một triệu đồng Việt Nam), tương đương 1.338.099 USD (Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ, chiếm 100% tổng vốn đầu tư.

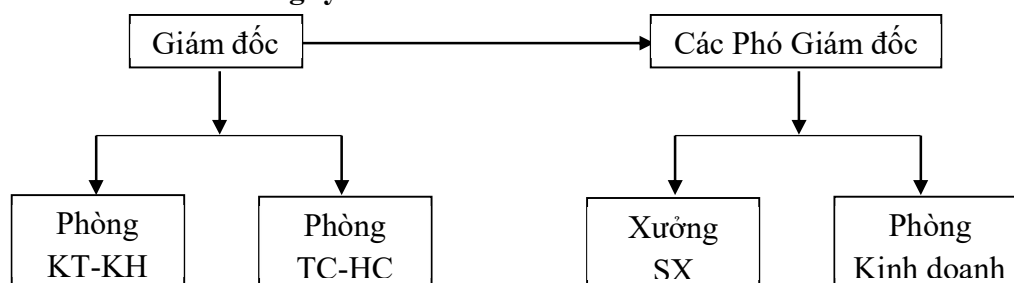
Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Công ty TNHH Shints BVT góp 28.641.000.000 VND (Hai mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi một triệu đồng Việt Nam), tương đương 1.338.099 USD (Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ, chiếm 100% tổng vốn đầu tư.

- Thời hạn hoạt động: 25 năm từ ngày 05/11/2014.

5.4.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Sơ đồ tổ chức của công ty



Hình 1. 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý sản xuất của Nhà máy

- Giám đốc công ty: điều hành chung mọi hoạt động sản xuất của Công ty.
- Các Phó Giám đốc: giúp Giám đốc điều hành và quản lý phòng kinh doanh và xưởng sản xuất.
- Phòng tổ chức, hành chính: là đơn vị thực hiện chế độ hạch toán kế toán, đề ra kế hoạch về tuyển dụng, đào tạo lao động trong tương lai.
- Phòng kỹ thuật, kế hoạch: có nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung cấp và dự trữ nguyên vật liệu.
- Phòng kinh doanh: chịu trách nhiệm về kế hoạch kinh doanh, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng,...
- Xưởng sản xuất: thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo sự điều hành của quản đốc, tổ trưởng sản xuất và các phòng chức năng.

b. Nhu cầu về lao động

Số lượng công nhân hiện tại là 1.000 người, tối đa 1.058 người.

c. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc trong ngày: 8h/ngày và 48h/tuần.

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ và quyền lợi theo đúng pháp luật Việt Nam quy định.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch

Công ty đã tiến hành thuê lại đất tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miên, tỉnh Hải Dương để thực hiện dự án “Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT” với tổng diện tích thực hiện dự án 14.382m² của UBND huyện Thanh Miên. Do đó dự án hoàn toàn phù hợp với chủ trương phát triển của tỉnh Hải Dương cũng như các quy hoạch của địa phương, cụ thể như sau:

- Dự án được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND huyện Thanh Miên.

- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 31/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 331/QĐ – UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thanh Miên.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khi dự án hoạt động phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí.

- Đối với khí thải: Khí thải phát sinh từ các hoạt động nồi hơi: Công ty đã xây dựng công trình xử lý khí thải lò hơi đảm bảo chất lượng khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường đạt QCCP theo quy định của Nhà nước.

Đồng thời công ty xây dựng hệ thống thông thoáng nhà xưởng, trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân. Do vậy ảnh hưởng của khí thải của dự án đến môi trường, sức khỏe công nhân ở mức độ nhỏ.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh từ dự án đều được thu gom và xử lý theo quy định. Đối với từng loại chất thải, Công ty có phương án thu gom, xử lý riêng biệt phù hợp.

- Đối với nước thải: Dự án khi hoạt động phát sinh nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sản xuất bao gồm nước thải dập bụi lò hơi được Công ty tuần hoàn sử dụng lại không thải ra môi trường.

- + Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn và nhà vệ sinh đều được thu gom và xử lý đạt QCCP theo quy định của Nhà nước trước khi thải vào sông Cừu An.

Các nguồn phát sinh chất thải đều được xử lý đảm bảo. Như vậy, dự án đầu tư tại khu vực là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

*** Đánh giá khả năng chịu tải của mương tiếp nhận nước thải:**

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước tiếp nhận đối với nước thải sau xử lý của nhà máy, áp dụng khoản 4, Điều 82, thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 của Bộ 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

Phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương án gián tiếp. Công thức đánh giá như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

a) L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

b) L_{td} : tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

c) F_s : hệ số an toàn, lấy bằng 0,8

d) L_{nn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;

e) L_t : tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày.

f) NP_{td} : tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Lấy bằng 0.

Nếu giá trị $L_{tn} (>)0$ thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận với chất ô nhiễm.

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Trong đó:

- C_{qc} (mg/l) : Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, kênh mương;

- Q_s (m³/s) : Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của đoạn sông, kênh mương được lựa chọn đánh giá;

- C_{nn} (mg/l) : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt;

- C_t (mg/l) : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông kênh mương;

- Q_t (m³/s) : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông;

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

* Dữ liệu đầu vào để tính toán

Tham khảo kết quả quan trắc chất lượng nước thải và nước mặt của nhà máy ngày 15/04/2022 như sau:

- Lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải là $0,01\text{m}^3/\text{s}$.
- Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải tại nhà máy là $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $0,0035\text{ m}^3/\text{s}$.

Giá trị nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý (C_t), chất lượng nước nguồn tiếp nhận (C_{nn}) và chất lượng nước theo QCVN của nguồn tiếp nhận C_{qc} được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2. 1. Bảng thống kê giá trị nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	C_t	C_{nn}	C_{qc}
1	COD	mg/l	<10	39	30
2	BOD ₅	mg/l	<4	16	15
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	0,8	0,08	0,9
4	TSS	mg/l	<3	25	50

* Kết quả tính toán

Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận nước thải vào nguồn nước tiếp nhận được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 21. Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	L_{td}	L_{nn}	L_t	L_{tn}
1	COD	mg/l	25,92	33,69	<3,02	>-8,632
2	BOD ₅	mg/l	12,96	13,82	<1,21	>-1,664
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	0,7776	0,069	0,24	0,375
4	TSS	mg/l	43,2	21,6	0,91	16,552

Nhận xét:

Qua kết quả tính toán cho thấy, nguồn tiếp nhận nước thải có chỉ tiêu COD, vượt khả năng tiếp nhận. Tuy nhiên thực tế nguồn tiếp nhận nước thải còn tiếp nhận rất nhiều nguồn nước thải của các đơn vị khác và khu dân cư trong khu vực chưa qua xử lý.

Công ty cam kết sẽ thực hiện vận hành và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép theo quy định (mức A của QCVN 40:2011/BTNMT giá trị C_{max} với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ và QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} với $K=1,0$) trước khi thải ra ngoài môi trường để đảm bảo không làm gia tăng nồng độ ô nhiễm cho nguồn nước và tạo điều kiện cho quá trình tự làm sạch của nguồn tiếp nhận.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công trình thu gom và thoát nước mưa được xây dựng cụ thể như sau:

- **Hệ thống thu gom nước mái:** Lắp đặt hệ thống máng thu xung quanh mái nhà, lắp đặt các ống thu gom PVC D110, dẫn nước từ mái xuống cống thu nước mặt.

- Hệ thống rãnh thoát nước bề mặt: Bao gồm rãnh BTCT B 0,5m, độ dốc từ 0,15% để nước tự chảy, tổng chiều dài khoảng 454m; Trên rãnh thoát nước Công ty bố trí 12 hố ga lắng cặn.

Có 2 vị trí đầu nối nước mưa vào cống thoát nước mưa của khu vực:

+ Tọa độ X(1): 2298571.426; Y(1): 629045.925

X(2): 2298645.638; Y(2): 628980.000

1.2. Thu gom, thoát nước thải

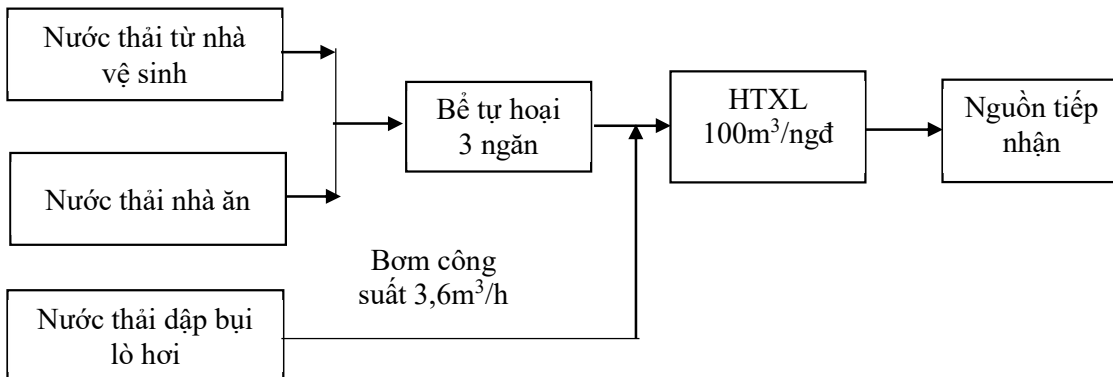
Nước thải phát sinh tại nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ hệ thống đập bụi lò hơi.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được xây dựng và lắp đặt như sau:

- Nước thải sau bể phốt 3 ngăn theo đường cống BTCT D300mm, $I = 0,35\%$, dài 42m tự chảy vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ hệ thống đập bụi lò hơi: Nước được sử dụng tuần hoàn để đập bụi. Định kỳ 2 tuần/lần nhà máy thải bỏ toàn bộ lượng nước từ HTXL khí thải lò hơi sau đó được dẫn về bể xử lý nước thải chung theo đường ống dẫn PVN D110 dài 10m.

- Nước thải sau xử lý theo ống HDPE D200, dài 30m được dẫn ra sông Cừu An, tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 6°): X(m): 2298745; Y(m): 629094.



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước thải

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải

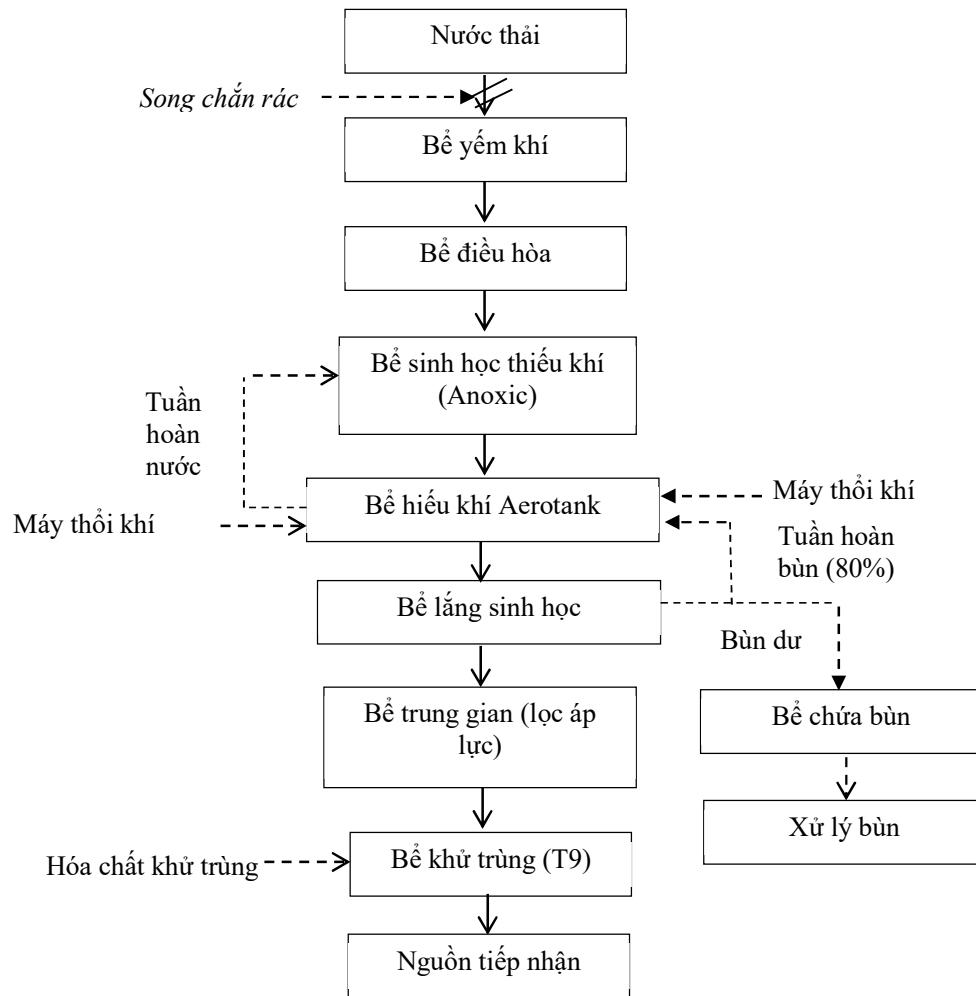
Để xử lý nước thải sơ bộ, Công ty xây dựng 2 bể tự hoại ngầm với tổng thể tích là 130m³ tương ứng dưới 02 nhà vệ sinh của nhà máy.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung.

1.3.2. Công trình xử nước thải chung

Để xử lý toàn bộ nước thải đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường, Công ty đã tiến hành ký hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ/BK-SHINT BVT ngày 03/8/2016 với Công ty cổ phần tư vấn năng lượng & môi trường MAD để xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

- Công suất của hệ thống: 100m³/ngày đêm
- Công nghệ xử lý: Công nghệ vi sinh
- Thời gian xây dựng: Tháng 6/2017.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2017
- + Đơn vị xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn năng lượng và môi trường MAD
- + Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Shints BVT
- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày của công ty như sau:



Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm

*** Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt, nước thải từ hệ thống đập bụi nổi hơi...được tách rác tại Giỏ chắn rác. Cặn và rác có kích thước lớn được giữ lại ở giỏ chắn rác. Rác có thể được lấy đi nhờ phương pháp cào rác thủ công. Rác có thể được xử lý bằng cách thu gom và thường xuyên tập trung đổ bỏ hằng ngày với rác thải sinh hoạt.

Nước thải sau khi tách rác được đưa sang Bể điều hòa. Bể điều hòa chia là 02 ngăn (yếm khí-điều hòa) có chức năng lưu trữ lượng nước thải trong một ngày, đồng thời với tác dụng làm ổn định lưu lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn thải.

Nguồn nước thải từ bể điều hòa chảy qua Bể sinh học thiếu khí Anoxic. Bản thân nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng các chất hữu cơ, thành phần đậm cao. Chính vì thế, phần lớn các chất ô nhiễm có nguồn gốc hữu cơ được xử lý hầu hết tại bể sinh học hiếu khí (công đoạn sau). Xong sau khi nguồn thải được xử lý thông qua công đoạn trên vẫn còn tồn tại một phần đậm dưới dạng nitrat. Thành phần nito hữu cơ sẽ nhanh chóng chuyển sang nitrat có khả năng làm tái ô nhiễm nguồn nước thải được xử lý. Vì vậy, nguồn nước thải trước tiên được đưa vào bể sinh học thiếu khí Anoxic. Tại đây,

lượng Nito dưới dạng muối Nitrat sẽ được chuyển hóa thành các muối Nitrit tiếp tục chuyển hóa thành Nito tự do thoát khỏi nước thải nhờ quá trình cấp khí.

Trong bể Anoxic được thiết kế hệ thống đảo nước, mục đích làm khuấy động dòng nước tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí hoạt động trên toàn bộ bể và tránh không cho bùn lắng phía dưới đáy bể. Nếu modul đảo bùn của bể không hoạt động đồng nghĩa với việc chất lượng nước đầu ra không thể đạt được tiêu chuẩn môi trường và bùn vi sinh tại bể này bị lắng đọng và chết một thời gian sẽ nổi lên mặt bể.

Từ bể thiếu khí Anoxic nước thải tiếp tục dẫn qua Bể sinh học hiếu khí Aerotank thực hiện quá trình xử lý sinh học tiếp theo. Trong bể sinh học hiếu khí, không khí được cấp vào bởi máy thổi khí để duy trì hoạt động của vi sinh vật, tiến hành quá trình trao đổi chất. Các vi khuẩn hiếu khí tiêu thụ chất hữu cơ trong nước và biến chúng thành CO_2 , H_2O và một phần tạo thành tế bào mới, tạo thành bùn sinh học.

Sau khi qua bể hiếu khí, nước thải sẽ mang một lượng bùn nhất định phát sinh trong quá trình phát triển của vi sinh vật, do đó nước thải tiếp tục chảy sang Bể lắng sinh học. Tại đây, nước thải tự chảy qua bể lắng thông qua ống lắng trung tâm. Ống lắng trung tâm có nhiệm vụ tạo dòng nước luân chuyển và phân bố xuống đáy của bể lắng. Việc sử dụng cơ chế hấp phụ bề mặt, hấp thu vào cơ thể của vi sinh vật có trong nước thải làm toàn bộ chất ô nhiễm tạo thành những mảng bông cặn, các chất lơ lửng kết dính với nhau, các chất vô cơ có trọng lượng nặng hơn của nước. Chúng sẽ lắng tập trung xuống đáy bể dưới tác dụng trọng lực.

Tại bể lắng tấm chắn bùn được lắp đặt làm nhiệm vụ chắn một số lượng bùn chết nổi trên mặt nước không cho sang công trình tiếp theo. Số lượng bùn nổi trên sẽ được nhân viên vận hành vớt thường xuyên chuyển qua bể thiếu khí hoặc bể chứa bùn.

Lượng bùn sẽ được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí với mục đích sử dụng lượng bùn này bổ sung cho bể sinh học hiếu khí với nồng độ bùn cần thiết cho cơ chế xử lý bể chứa bùn sẽ được thải bỏ định kỳ.

Nước thải sau Bể lắng sinh học sẽ được tự chảy vào Bể trung gian. Bể trung gian là nơi lưu giữ lượng nước sau khi đã lắng có tác dụng điều hòa lưu lượng cấp cho bồn lọc áp lực. Nước từ bể trung gian sẽ được bơm vào bồn lọc áp lực để loại bỏ hoàn toàn cặn bẩn còn sót lại. Bồn lọc áp lực chứa các vật liệu lọc như sỏi lọc, cát thạch anh, than hoạt tính nhằm ngăn cản các chất lơ lửng một lần cuối, dưới áp lực nước trong bồn lọc nước thải tiếp tục chảy qua bể khử trùng. Nước thải sau khi qua bồn lọc đã sạch triệt để các hợp chất hữu cơ, tuy nhiên vẫn còn một lượng lớn các chủng loại vi sinh vật gây bệnh cho người và chất cặn lơ lửng còn tồn tại. Vì thế sau khi qua bể lắng sinh học nước thải tiếp tục được đưa qua bể tiếp xúc khử trùng để loại bỏ hoàn toàn vi sinh vật gây hại còn sót lại trong nước thải. Quá trình tiếp xúc giữa nước thải với hóa chất khử trùng diễn ra trong bể tiếp xúc khử trùng. Nước thải sau khi xử lý bằng quá trình sinh học, quá trình hóa lý với các tác nhân oxy hóa mạnh Javen truyền thống, nhằm loại bỏ các mầm bệnh tồn tại trong nước và lúc này hoàn toàn sạch và đảm bảo đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, mức A giá trị C_{max} với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ và QCVN

14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt mức A, giá trị Cmax với K=1,0.

- Các thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống:

Bảng 3. 1. Các công trình, thiết bị chính của hệ thống

TT	Hạng mục/thiết bị	Đặc tính kỹ thuật/thời gian lưu	Số lượng	Xuất xứ
I	CÁC BỂ CHÍNH			
1	Bể điều hòa	Xây gạch, thể tích: 49,104m ³ Thời gian lưu: 10 - 12h	1	-
2	Bể thiếu khí	Xây gạch, thể tích 24,552m ³ Thời gian lưu: 5 - 6h	1	-
3	Bơm hiếu khí	Xây gạch, thể tích 57,288m ³ Thời gian lưu: 12 - 13h	1	-
4	Bể lắng	Xây gạch, thể tích 40,176m ³ Thời gian lưu: 8 - 9h	1	-
5	Bể trung gian	Xây gạch, có mái che, thể tích 13,392m ³	1	-
6	Bể khử trùng	Xây gạch, thể tích 6,70m ³ Thời gian lưu: 1 – 1,6h	1	-
7	Bể chứa bùn	Xây gạch, thể tích 20,088m ³ Thời gian lưu: 4 – 5h	1	-
II	CÁC THIẾT BỊ			
1	Bể điều hòa			
	Motor khuấy trộn	- Kiểu chìm - Công suất 0,75Kw/380V/50Hz	1	Đài Loan
	Bơm nước thải	- Kiểu: đặt chìm - Lưu lượng: 5-8 m ³ /h; H=6-8m	2	Châu Âu
	Dàn ống cấp khí uPVC và giá đỡ ống	-	01	Việt Nam
2	Bể thiếu khí	- Công suất 45Kw; Lưu lượng: 30 lít/h	1	Đài Loan
	Motor khuấy trộn	- Kiểu chìm - Công suất 0,75Kw/380V/50Hz	1	Đài Loan
	Máy thổi khí	- Đặt cạn - Lưu lượng: 2-3 m ³ /h; H=4m	2	Đài Loan
	Dàn ống cấp khí uPVC và giá đỡ ống	-	01 hệ	Việt Nam
	Đĩa phân phối khí bọt mịn	Vật liệu nhựa ABS Kích thước: 200-300mm	40 cái	Việt Nam

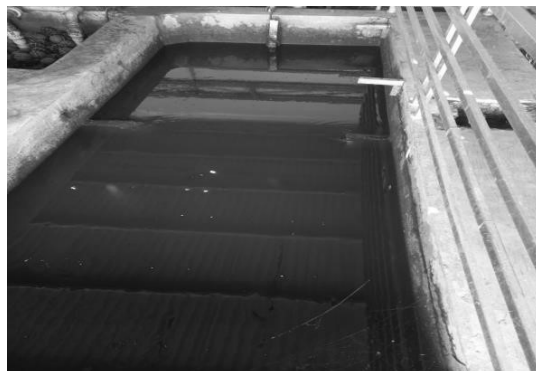
	Đệm vi sinh MBBR	Kích thước dạng cầu D8-D10mm. Vật liệu nhựa ABS	12m ³	Việt Nam
4	Bể lắng sinh học			
	Bơm bùn	- Kiểu: đặt chìm - Lưu lượng: 5-6 m ³ /h; H=6-8m	1	Châu Âu
5	Bể trung gian			
	Bơm ly tâm cấp lọc	- Kiểu: đặt cạn - Lưu lượng: 3-5 m ³ /h; H=20-30m	2	Italya
	Thiết bị lọc tinh	Kích thước 450x1850mm. Vật liệu Composite	1	Trung Quốc
	Van 3 cửa bán tự động	Chức năng: Lọc, rửa ngược, rửa xuôi. Vật liệu: ABS/HĐPE	1	Trung Quốc
	Vật liệu lọc	Khối lượng 50 lít. Dạng hấp phụ ion	1 gói	Đài Loan
	Cát thạch anh và sỏi đá	Khối lượng 160kg. Dạng hấp phụ ion	1 gói	Việt Nam
6	Bể khử trùng (Hệ thống pha chế hóa chất)			
	Bồn chứa và pha chế	Dung tích 500 lít	1 cái	Việt Nam
	Motor giảm tốc khuấy trộn	- Công suất 0,4Kw/380V/50Hz - Tốc độ: 110-150 vòng/phút	1 bộ	Đài Loan
	Bơm định lượng	- Lưu lượng: 0-18,3 lít/h; H=3bar	1 cái	Romania

Hiện tại, hệ thống đã xây dựng hoàn thiện và đang vận hành ổn định theo đúng kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt.

*** Hóa chất sử dụng:**

- Hoá chất Javen để khử trùng nước thải, định lượng 1g/m³ nước thải tương đương 100g/ngày.

Một số hình ảnh khu vực trạm xử lý nước thải



1.3.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động quy định tại phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Công trình thông thoáng nhà xưởng

Hiện tại để thông thoáng nhà xưởng đồng thời để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- + Sử dụng hệ thống máy móc hiện đại sản xuất theo chu trình liên tục
- + Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.
- + Lợp mái tôn chống nóng;
- + Thông gió tự nhiên với các cửa sổ, cửa chính và cửa mái.
- + Lắp đặt hệ thống thông gió, hút khói làm mát. Thông số kỹ thuật: Quạt hút 3 pha lưu lượng 32.000m³/h; số lượng: 10 cái; xuất xứ: Trung Quốc.

c. Công trình thu hồi và xử lý bụi lò hơi

Hiện nay, Công ty lắp đặt 01 lò hơi đốt than công suất 2 tấn hơi/h; lò hơi hoạt động 8h/ngày. Toàn bộ khí thải, bụi phát sinh từ lò hơi được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý được lắp kèm lò hơi.

Công ty kí hợp đồng số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ngày 28/05/2019 với Công ty TNHH phát triển kỹ thuật áp lực Bách Khoa (số 29 Đê La Thành, Phường Liên, Đống Đa, Hà Nội) để cung cấp, lắp đặt lò hơi kèm theo các hệ thống dập bụi, khí thải lò hơi.

Công trình xử lý khí thải được lắp đặt cụ thể như sau:

- Sơ đồ nguyên lý: Bụi, khí thải → lọc bụi ly tâm → quạt hút → Lọc bụi nước → ống thải.

- Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi theo đường ống dẫn đi vào thiết bị lọc bụi ly tâm.

Thiết bị lọc bụi ly tâm được thiết kế dạng hình nón, lớn phía trên và thu nhỏ phần dưới. Hộp dẫn được đặt lệch sang 1 bên của lọc bụi, bên trong của lọc ly tâm được thiết kế thêm ống hình trụ rỗng. Khí nóng khi được dẫn vào sẽ chuyển động tròn xung quanh của trụ tạo ra lực xoáy ly tâm và bị cuốn dẫn xuống phía dưới đáy nhỏ. Các hạt bụi thô, nặng trong khí sẽ theo quán tính bị cuốn xuống và bị giữ lại tại phần đưng tro bụi của thiết bị. Còn khí nóng thì sẽ đi ngược lên phía trên theo ống trụ, theo dòng lưu thông của quạt hút.

Khí nóng sau khi ra khỏi thiết bị lọc ly tâm sẽ được quạt hút hút sang thiết bị lọc bụi nước.

Lọc bụi nước có phần phun sương bên trong và chứa nước phục vụ cho quá trình phun sương dùng để lọc các hạt bụi nhỏ mà lọc bụi ly tâm chưa xử lý được. Khí thải khi vừa được đưa vào lọc bụi nước sẽ bị thổi trực tiếp xuống nước mặt. Các hạt bụi sẽ bị giữ lại 1 phần trong nước, phần khí còn lại sẽ bị đẩy ngược lên phía hộp dẫn.

Phần phun sương được làm từ các ống sắt được đục các lỗ nhỏ. Khi nước được bơm vào các ống phun sương thì sẽ được tạo thành các hạt sương, phun trực tiếp vào dòng khí nóng đang lưu thông lên hộp dẫn. Khí nóng sau khi đi qua các hạt sương này thì sẽ bị giữ lại các hạt bụi nhỏ, bụi đi qua lọc bụi phun sương thì phần còn lại là lượng khí đã được làm mát bằng nước thoát ra ngoài môi trường theo đường ống khói.

- Thông số kỹ thuật:

+ Đường ống dẫn khí thải vào lọc bụi ly tâm: ống kẽm vuông 150x300; dài 2,3m

+ Thiết bị lọc bụi ly tâm: 01 thiết bị hình nón; phần phi trên kích thước $\Phi 1300\text{mm}$, phần phía dưới kích thước $\Phi 600\text{mm}$, cao 3,3m; vật liệu: thép SS400;

+ Bể nước: 01 cái; bể xây gạch trát vữa xi măng chống thấm D $\times$ R $\times$ H = 3,2m $\times$ 3m $\times$ 1,5m (thể tích chứa nước hữu dụng 3m³). Trong bể lắp thêm giàn phun mưa để phun nước từ bể lên dòng khí vật liệu thép CT3; Bơm nước dập bụi bể: 02 chiếc; công suất: 3,6m³/h; xuất xứ: Việt Nam;

+ Quạt hút: 01 chiếc; công suất 45kW; tốc độ 650 vòng/phút; lưu lượng quạt hút 45.000m³/h; Xuất xứ: Trung Quốc.

+ Ống thải ra ngoài môi trường: vật liệu thép CT3; H=15m; chiều dày S=4mm.

+ Chất lượng khí thải đầu ra: QCVN19:2009/BTNMT mức B với K_p=0,9; K_v=1,2.

+ Điểm lấy mẫu khí thải đã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thông tư 24/2017/TT – BTNMT.

Một số hình ảnh khu vực lò hơi





2.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động quy định tại phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ..

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải sản xuất

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi hỏng	12 09 09	1.000
2	Tro xỉ than, Cặn từ hệ thống dập bụi lò hơi	04 02 06	2.240
3	Bao bì đóng gói (thùng carton,...)	12 08 03	100
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	300,15
	Tổng khối lượng		3.640,15

Đây là những chất thải không bị phân hủy, không gây mùi. Tuy nhiên nếu không được thu gom sẽ làm mất cảnh quan, ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Để giảm thiểu tác động từ các loại chất thải này, Công ty thực hiện các biện pháp:

- Đặt các thùng chứa để phân loại ngay tại khu vực sản xuất sau đó vận chuyển về kho chứa chất thải của nhà máy số lượng 10 thùng loại 100 lít/thùng.

- Nhà kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 50m² được bố trí giáp kho chứa CTNH.

- Ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (khu 1, thị trấn Kẽ Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của nhà máy.

- Tần suất 3 tháng/lần hoặc theo yêu cầu của công ty.

3.2. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt

Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khoảng 100 kg/ngày tương đương 31,2 tấn/năm.

Để giảm thiểu tác động của chất thải, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị thùng chứa tại văn phòng, nhà ăn, nhà xưởng đều có thùng chứa rác thải sinh hoạt và chất thải rắn. Số lượng 10 thùng loại 20 lít/thùng

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng nhỏ được thu gom sau đó sẽ được nhân viên vệ sinh của Công ty vận chuyển đến khu vực chứa tạm thời diện tích 10m², đặt tại khu vực nhà rác.

- Số người làm công tác thu gom: 02 người

- Công ty ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc để vận chuyển và xử lý hàng ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khi hoạt động ổn định loại chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, giẻ lau dính thành phần nguy hại (giẻ lau dầu, lau mực in, lau mỡ máy, lau cùn,...)	Rắn	18 02 01	130
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	80
3	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	55
4	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (hộp dầu, hộp mực in, hộp cùn, bao chứa hóa chất xử lý nước thải,...)	Rắn	18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04	40
	Tổng			350

Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại, Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Bố trí khu vực kho chứa diện tích 20m² giáp kho chứa rác thải sản xuất;

- Bố trí 4 khoang chứa, có gờ chống tràn đổ; bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

- Ký hợp với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) về việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải.

Một số hình ảnh khu vực kho chứa chất thải của nhà máy:



5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình dự án hoạt động, tiếng ồn, độ rung phát sinh ra bởi các hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất và phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy. Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho máy móc thiết bị, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt; kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại;
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần;
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh quanh khu vực Nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài Nhà máy.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

Để phòng chống rủi ro dẫn đến hệ thống xử lý nước thải phải dừng hoạt động, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn;
- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống (1 người) đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 02 bơm lưu lượng 5-8m³/h, H=6-8m,...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc;
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại bể điều hòa (02 ngăn) sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm vận hành trở lại quy trình xử lý.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về hệ thống xử lý khí thải

Để giảm thiểu những tác động xấu do HTXL khí thải hoạt động không hiệu quả, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Biện pháp phòng tránh: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió; Trang bị các thiết bị dự phòng (Quạt hút: số lượng 01 chiếc, công suất 45kW; tốc độ 650 vòng/phút; lưu lượng quạt hút 45.000m³/h); Đào tạo nhân viên vận hành bài bản; Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức BVMT và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của Cơ sở.
- Biện pháp khắc phục: Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố; Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố; Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn; Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Dự án đã được Phòng cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Hải Dương thẩm duyệt và cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

- Công ty tiến hành lắp đặt hệ thống PCCC bao gồm: Giải pháp nâng bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống hút khói và các phương tiện chữa cháy ban đầu.

Đường giao thông trong cơ sở: đường giao thông bên trong rộng rãi, đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động và tiếp cận công trình;

+ Lối và đường thoát nạn: Bố trí thang thoát nạn, lối thoát nạn, cửa thoát nạn: loại cửa bản lề có cánh mở theo hướng thoát nạn.

+ Giải pháp nâng bậc chịu lửa cho công trình: Toàn bộ cột thép chịu lực, dầm chính chịu lực, kèo thép đỡ mái, sơn chống cháy.

+ Giải pháp ngăn cháy: cửa có khung bao bằng thép dày tối thiểu 1,4mm; mặt trong và mặt ngoài bằng thép dày 1,2mm; tổng thể chiều dày cửa 45mm. Các cửa được dán tem kiểm định thiết bị PCCC.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy lắp đặt tại công trình bao gồm: hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;

Hệ thống báo cháy tự động gồm các đầu báo cháy khói, đầu báo cháy nhiệt, tổ hợp chuông đèn nút ấn báo cháy được kết nối tới tủ trung tâm báo cháy; Đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn: Lắp đặt các đèn chiếu sáng sự cố, các đèn chỉ dẫn thoát nạn trên các lối, đường, hành lang thoát nạn và các cửa ra thoát nạn của công trình; phương tiện chữa cháy ban đầu; Hệ thống chống sét.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó ngừa sự cố tai nạn lao động

Công ty cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động để bảo vệ công nhân khi làm việc.

- Lắp đặt hệ thống ánh sáng phục vụ cho khu vực sản xuất đảm bảo cường độ chiếu sáng tại vị trí làm việc.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở khu vực có nhiệt độ, áp suất cao và nơi có hơi khí độc hại.

- Tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động, tần suất 6 tháng/ lần.

6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó ngừa sự cố mất an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

Để đảm bảo bữa ăn cho cán bộ công nhân viên trong nhà máy được an toàn vệ sinh thực phẩm, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tất cả thực phẩm nhập vào bếp ăn đều có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ sở sản xuất được cấp phép bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền;
- Các loại phụ gia dùng trong thực phẩm được sử dụng trong bếp ăn đều phải có nhãn hiệu, tên, địa chỉ sản xuất, ngày tháng sản xuất, hạn sử dụng và hướng dẫn sử dụng rõ ràng;
- Công nhân nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ hàng năm với tần suất 2lần/năm.
- Bếp ăn công nhân với trang thiết bị hiện đại, sử dụng nhiên liệu hoàn toàn bằng gas, nhà ăn rộng rãi, thoáng mát.
- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ.
- Tiến hành lưu mẫu thức ăn để tiến hành kiểm tra theo đúng theo chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thực hiện duy trì khám bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra dịch bệnh:
 - + Yêu cầu công nhân thực hiện 5K theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, trang bị sát khuẩn tại khu vực cổng ra vào. Thực hiện khai báo y tế, đo thân nhiệt, sát khuẩn và yêu cầu đeo khẩu trang đối với khách hàng trước khi vào nhà máy.
 - + Phát hiện và báo cáo cho cơ sở y tế địa phương về dịch bệnh;
 - + Cách ly người bệnh với cán bộ công nhân viên bằng cách đưa tới trạm y tế hoặc đưa bệnh nhân về nhà (nếu được sự đồng ý của cơ quan y tế địa phương).

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn nước thải phát sinh:
 - + Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên và công nhân trong công ty;
 - + Nước thải từ hệ thống đập bụi lò hơi
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100 m³/ng.đ;
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý đạt mức A của QCVN 40:2011/BTNMT giá trị C_{max} với K_q=0,9; K_f=1,1 và QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} với K=1,0.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn:

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 ÷ 9
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	29,7
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	74,25
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	49,5
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	500
8	Asen (As)	mg/L	0,0495
9	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,00495
10	Chì (Pb)	mg/L	0,099
11	Cadimi (Cd)	mg/L	0,0495
12	Cr ³⁺	mg/L	0,198
13	Cr ⁶⁺	mg/L	0,0495
14	Kẽm (Zn)	mg/L	2,97
15	Đồng (Cu)	mg/L	1,98
16	Niken (Ni)	mg/L	0,198
17	Sắt (Fe)	mg/L	0,99
18	Mangan (Mn)	mg/L	0,495
19	Tổng phenol	mg/L	0,099
20	Tổng xianua	mg/L	0,0693
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,95
22	Florua (F ⁻)	mg/L	4,95
23	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,198
24	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	4,95

25	Tổng Nito (N)	mg/L	19,8
26	Tổng Phospho (P)	mg/L	3,96
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	495
28	Clo dư	mg/L	0,99
29	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	6
30	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	30
31	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
32	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5
33	Coliform	MPN/100mL	3.000

- Vị trí, phương thức xả thải:

+ Vị trí xả thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCCP thải ra nguồn nước mặt sông Cửa An tại 1 điểm xả thải. Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 6°): X(m): 2298745; Y(m): 629094.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy không theo chu kỳ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 45.000 m³/h.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Khí thải sau xử lý đạt QCVN19:2009/BTNMT mức B với K_p=0,9; K_v=1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Bụi	mg/Nm ³	216
3	CO	mg/Nm ³	1.080
4	SO ₂	mg/Nm ³	540
5	NO _x	mg/Nm ³	918

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả thải: xả thải ra ngoài theo ống thải, tọa độ các điểm xả thải (theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 6°): X(m): 2298729.153; Y(m): 629084.039.

+ Phương thức xả thải: xả thải gián đoạn 8/24h.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng và hoạt động vận chuyển.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại nhà xưởng số 1, toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X (1) = 2298616.470; Y (1) = 629073.932

Tại nhà xưởng số 2, toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°): X (2) = 2298657.201; Y (2) = 629052.509

- Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

- Nguồn và khối lượng:

+ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi hỏng	12 09 09	1.000
2	Tro xỉ than, Cặn từ hệ thống dập bụi lò hơi	04 02 06	2.240
3	Bao bì đóng gói (thùng carton,...)	12 08 03	100
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	300,15
	Tổng khối lượng		3.640,15

+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, giẻ lau dính thành phần nguy hại (giẻ lau dầu, lau mực in, lau mỡ máy, lau cùn,...)	Rắn	18 02 01	130

2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	80
3	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	55
4	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (hộp dầu, hộp mực in, hộp cộn, bao chứa hóa chất xử lý nước thải,...)	Rắn	18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04	40
	Tổng			350

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 31,2 tấn/năm.

- Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:** Bố trí khu vực kho chứa diện tích 20m² giáp kho chứa rác thải sản xuất; Bố trí 4 thùng loại 50 lít/thùng; bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo. Ký hợp đồng số 02.05/HĐ2018/MP-BVT ngày 02/05/2018 với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) về việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải.

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Bố trí kho chứa diện tích: 50m²; Ký hợp đồng nguyên tắc số 02.05/HĐ2018/MP-BVT ngày 02/05/2018 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).

+ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:** Trang bị 10 thùng chứa loại 20 lít/thùng; Bố trí kho chứa diện tích: 10m²; Ký hợp đồng nguyên tắc số 02.05/HĐ2018/MP-BVT ngày 02/05/2018 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc (khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Hiện tại, dự án đang thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 6 tháng/lần, kết quả phân tích chất lượng nước thải định kỳ năm 2021 được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5. 1. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2021 của nhà máy

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011 /BTNMT C _{max}
			Tháng 4		Tháng 10		
			NT01	NT02	NT01	NT02	
1	pH	-	8,5	7,2	8,5	7,4	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	58	KPH (5,0)	63	KPH (5,0)	99
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	528	<9	208	<9	148,5
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	228	<3	84	<3	49,5
5	Tổng Nito ^a (N)	mg/L	96,6	7	88,2	4,2	39,6
6	Tổng Phospho (P)	mg/L	7,0	1,46	6,9	0,36	5,94
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	91,06	0,7	71	0,3	9,9
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,26	<0,1	0,46	0,15	4,95
9	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (0,03)	KPH (0,03)	0,17	KPH (0,03)	0,99
10	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (0,015)	KPH (0,015)	<0,05	KPH (0,015)	2,97
11	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (0,04)	KPH (0,04)	KPH (0,04)	KPH (0,04)	1,98

12	Chì (Pb)	mg/L	KPH (0,002)	KPH (0,002)	KPH (0,002)	KPH (0,002)	0,495
13	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,099
14	Asen (As)	mg/L	KPH (0,003)	KPH (0,003)	KPH (0,003)	KPH (0,003)	0,099
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,0099
16	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	1,8	<1,0	2,3	KPH (0,3)	-
17	Coliform	MPN/ 100mL	24.10⁴	1.100	93.10⁴	9	5.000

• **Ghi chú:**

- NT01: Mẫu nước thải trước xử lý
- NT02: Mẫu nước thải sau xử lý.

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng mức B, giá trị $C_{\max}$ với $K_q=0,9$; $K_f=1,2$.

• **Nhận xét:** Từ kết quả tại bảng trên cho thấy chất lượng nước thải của nhà máy tại thời điểm quan trắc như sau:

- Đối với nước thải trước xử lý: Các chỉ tiêu phân tích hầu như đều có giá trị vượt QCCP.
- Đối với nước thải sau xử lý: Các chỉ tiêu phân tích đều đã được xử lý đạt giá trị cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT áp dụng mức B, giá trị $C_{\max}$ với $K_q=0,9$; $K_f=1,2$; QCVN14:2008/BTNMT mức B với $K = 1,0$.

*** Đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống:**

Từ kết quả quan trắc định kỳ của nhà máy qua các năm gần đây (đính kèm phiếu KQQT tại phụ lục) cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý đều đạt giá trị cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Như vậy có thể đánh giá được hệ thống xử lý nước thải của nhà máy đang vận hành ổn định và đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy trước khi thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Hiện tại, dự án đang thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 6 tháng/lần, kết quả phân tích chất lượng khí thải định kỳ năm 2021 được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5. 2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả OK		QCVN 19:2009/BTNMT mức B
			Tháng 4	Tháng 10	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2588	2734	-
2	Bụi	mg/Nm ³	19,6	72,84	240
3	CO	mg/Nm ³	666	39	1.200
4	CO ₂	%	1,2	5,4	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	347	217	600
6	NO _x	mg/Nm ³	218	49	1.020

- **Ghi chú:**

- **OK:** Ống khói lò hơi

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng mức B, giá trị Cmax với Kp=1,0; Kv=1,2.

- **Nhận xét:** Từ kết quả tại bảng trên cho thấy chất lượng khí thải sau xử lý của nhà máy tại thời điểm quan trắc các chỉ tiêu phân tích đều có giá đạt QCCP theo QCVN 19:2009/BTNMT áp dụng mức B, giá trị Cmax với Kp=1,0; Kv=1,2.

- * **Đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống:**

Từ kết quả quan trắc định kỳ của nhà máy qua các năm gần đây (đính kèm phiếu KQQT tại phụ lục) cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý đều đạt giá trị cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Như vậy có thể đánh giá được hệ thống xử lý khí thải của nhà máy đang vận hành ổn định và đảm bảo xử lý toàn bộ khí thải phát sinh tại nhà máy trước khi thải ra ngoài môi trường.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT hiện tại đang hoạt động ổn định và đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 954/GXN-UBND ngày 21/10/2016 và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2168/GP-UBND ngày 25/7/2017 với thời hạn 05 năm.

Do vậy, khi lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án, nhà máy không phải tiến hành vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a. Quan trắc nước thải

Đối tượng không thuộc phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ do đó không phải tiến hành quan trắc nước thải định kỳ.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Đối tượng không thuộc phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ do đó không phải tiến hành quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Theo phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Dự án của Công ty TNHH Shints BVT không thuộc diện phải thực hiện quan trắc việc xả khí thải tự động, liên tục.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian từ năm 2020 đến hiện tại cơ sở không có kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Dự án Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT tại thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của địa phương. Dự án cũng góp phần tạo và giải quyết việc làm cũng như thu nhập ổn định cho một số lao động tại địa phương, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế. Bên cạnh những tích cực, dự án cũng có một số tác động tiêu cực đến môi trường như tạo ra các chất thải chủ yếu là bụi; khí thải, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt. Các loại chất thải này nếu không được kiểm soát và xử lý triệt để sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

Để đảm bảo môi trường, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu đã được trình bày trong báo cáo.

Công ty cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động xấu và bảo vệ MT đã đề ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đồng thời thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể như sau:

1. Nghiêm túc thực hiện các biện pháp nhằm khống chế, giảm thiểu các nguồn ô nhiễm môi trường từ các hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật, quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong báo cáo này, cụ thể là:

- Đảm bảo môi trường lao động nằm trong giới hạn theo Tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành theo kèm theo QCVN02:2009/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 19:2009/BTNMT (nồng độ đạt cột B với với $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$).

- Đảm bảo nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường phải đạt quy chuẩn cho phép theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, mức A giá trị C_{max} với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt mức , giá trị C_{max} với $K=1,0$.

- Định kỳ 1 năm/lần lập Báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý CTNH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

2. Quản lý nghiêm ngặt việc thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng các quy định tại điều số 48 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

3. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, duy trì áp dụng các biện pháp an toàn lao động và an toàn hóa chất;
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam;
5. Đề bù thiệt hại và khắc phục ô nhiễm môi trường khi có sự cố, rủi ro môi trường xảy ra trong quá suốt trình hoạt động của Dự án.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở;
- Bản vẽ hoàn công công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- Hợp đồng cung cấp, lắp đặt. Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
- Hợp đồng cung cấp, lắp đặt nồi hơi kèm theo hệ thống thu hồi và xử lý bụi, khí thải lò hơi đồng bộ kèm theo. Biên bản nghiệm thu, bàn giao.
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo kế hoạch bảo vệ môi trường và bản sao Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án; Bản sao giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của dự án.
- Các giấy tờ khác có liên quan của dự án: Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại; Hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải; Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

- 1. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**
- 2. HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT, GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0800006025

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 06 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 28 tháng 04 năm 2021

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này cấp thay cho phần đăng ký kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận Đầu tư số 041043000020 do UBND tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận lần đầu: Ngày 21/6/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ tư: Ngày 05/11/2014)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINTS BVT CO., LTD

Tên công ty viết tắt: SHINTS BVT CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu dân cư Phú Tảo, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02203861727

Fax: 02203861727

Email:

Website: www.shints.com

3. Vốn điều lệ

103.450.779.510 đồng

Bằng chữ: Một trăm lẻ ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm mười đồng

Tương đương 5.335.000 USD (Năm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH SHIN TEXTILE SOLUTIONS

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 107-86-49026

Ngày cấp: 19/04/2004 Nơi cấp: Cơ quan Thuế quận Guro (Hàn Quốc)

Địa chỉ trụ sở chính: 801, E&C VENTURE DREAMTOWERII BLDG, 55, Digital-ro 33-gil, Guro-gu, Seoul, Hàn Quốc, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: AN QUỐC ĐỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 142034572

Ngày cấp: 14/02/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 83 Ngô Bệ, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

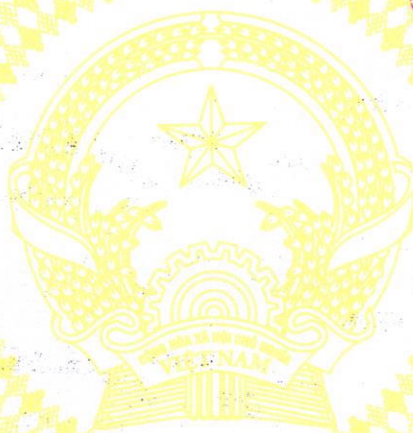
Địa chỉ liên lạc: Số 83 Ngô Bệ, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6582836083

Chứng nhận lần đầu: Ngày 05 tháng 11 năm 2014

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 30 tháng 5 năm 2016

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 45/TB-VP ngày 15/3/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương về kết luận của chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định chủ trương số 1191/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương;

Căn cứ bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Shints BVT nộp ngày 23/10/2015 và hồ sơ bổ sung ngày 26 tháng 4 năm 2016.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT Giấy chứng nhận đầu tư số 04112000023, do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 05 tháng 11 năm 2014; được đăng ký điều chỉnh mở rộng diện tích đất thuê, tăng vốn đầu tư từ 885.735 USD lên 1.338.099 USD, tăng quy mô sản xuất của dự án.

Nhà đầu tư:

- Công ty TNHH Shints BVT, Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0800006025, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/02/2016 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Địa chỉ tại phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện bởi ông Cha Min Ho, Quốc tịch Hàn Quốc, sinh ngày 10/5/1964, hộ chiếu số: M70547831 do Cơ quan ngoại giao Hàn Quốc cấp ngày 01/8/2014, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 105-204 Dong Shin Apt, Kayangdong, Kang Seo Gu, Seoul, Hàn Quốc. Chỗ ở hiện nay: Công ty TNHH Shints BVT, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

- Công ty TNHH Shints BVT, Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0800006025, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/02/2016

do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Địa chỉ tại phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT.

2. Mục tiêu dự án đầu tư: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc, mũ bảo hiểm, găng tay, phụ kiện ngành may.

3. Quy mô của dự án: Quần áo thể thao: 400.000 bộ/năm, quần áo trượt tuyết: 300.000 bộ/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: 14.382 m² (trong đó diện tích mở rộng: 7.937 m²).

6. Tổng vốn đầu tư: 28.641.000.000 (Hai mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu) VN đồng, tương đương 1.338.099 (Một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp: 28.641.000.000 (Hai mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu) VN đồng, tương đương 1.338.099 (Một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ, chiếm 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Công ty TNHH Shints BVT góp: 28.641.000.000 (Hai mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu) VN đồng, tương đương 1.338.099 (Một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp.

7. Thời hạn hoạt động: 25 năm, kể từ ngày 05/11/2014.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động từ tháng 5/2015

Điều 2: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định pháp luật.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, xây dựng, lao động và chấp hành đầy đủ các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng như quy định của pháp luật hiện hành.

- Nếu nhà đầu tư không chấp hành các quy định nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo UBND tỉnh thống nhất chủ trương làm cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án.



Điều 3: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đầu tư số 04112000023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 05 tháng 11 năm 2014.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời sao gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh và UBND huyện Thanh Miện.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Kiên

Số: 449/HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 041043000020, chứng lần đầu ngày 21/6/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 05/11/2014 do UBND tỉnh Hải Dương chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2014 cho Công ty TNHH Shints - BVT;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh số 2252/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2015 V/v thu hồi đất, cho Công ty TNHH Shints BVT thuê đất tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện;

Căn cứ Thông báo số 3722/TB-CT ngày 14/9/2015 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương "Về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước".

Hôm nay, ngày 23 tháng 9 năm 2015 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Dương. Chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

Do ông : Nguyễn Đình Kiên - Làm đại diện.

Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

Trụ sở: Phường Tân Bình - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương.

II. Bên thuê đất là: Công ty TNHH Shints BVT.

Trụ sở chính: Phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Do ông: Kim Kwan Sik - Làm đại diện (theo Quyết định bổ nhiệm Giám đốc của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Shints BVT ngày 12/8/2011).

Chức vụ: Giám đốc.

Người: Hàn Quốc

Hộ chiếu số M70547831 do cơ quan Ngoại giao Hàn Quốc cấp ngày 01/8/2014.

Số tài khoản: 1310443600013 tại Ngân hàng Techcombank, Hải Dương.

III. Hai bên thống nhất ký hợp đồng thuê đất với các nội dung sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê 6.445,0m² (Sáu nghìn bốn trăm bốn mươi năm mét vuông) tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện.

2. Vị trí, ranh giới thửa đất cho thuê:

- Thửa đất số 784, tờ bản đồ địa chính số 06, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (*Vị trí, ranh giới cụ thể xác định theo: Trích lục và đồ vẽ bổ sung bản đồ địa chính thửa đất số tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu, xác nhận ngày 11/6/2015*).

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 05 tháng 11 năm 2039 (*theo thời hạn hoạt động của dự án được UBND tỉnh Hải Dương chứng nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư số 041043000020, chứng lần đầu ngày 21/6/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 05/11/2014*).

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (*thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư số 041043000020 do UBND tỉnh Hải Dương chứng lần đầu ngày 21/6/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 05/11/2014*).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định và Thông báo số 3722/TB-CT ngày 14/9/2015 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương “Về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước” khi cho Công ty TNHH Shints BVT thuê đất, cụ thể như sau:

1. Đơn giá đất tính tiền thuê đất là 7.148 đồng/m²/năm (*Bảy nghìn một trăm bốn mươi tám đồng một mét vuông một năm*), được thực hiện ổn định đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2020. Sau thời hạn này đơn giá tính tiền thuê đất được xác định lại theo quy định của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thời điểm thu tiền thuê đất: Từ ngày 04 tháng 9 năm 2015 (*ngày UBND tỉnh Hải Dương quyết định cho Công ty TNHH Shints BVT thuê đất*). Tiền thuê đất bên thuê đất phải nộp theo Thông báo của cơ quan Thuế.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Nộp tại Kho bạc Nhà nước.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định Pháp luật về Đất đai của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định Pháp luật về Đất đai của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên (nếu có): Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định Pháp luật về Đất đai của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cam kết khác (nếu có): không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
KIM KWAN SIK

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)

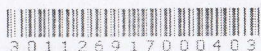


GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH KIÊM

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

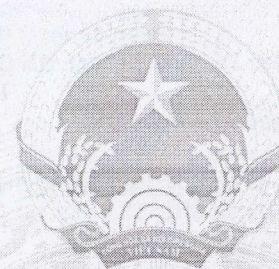
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 011 269 170 004 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Shints BVT

GCNDKDN số: 0800006025 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/4/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

CI 567738

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 785 tờ bản đồ số: 06
b) Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
c) Diện tích: 4.350,0 m²
(bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm năm mươi mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
(Dự án chi nhánh công ty TNHH SHINTS BVT)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/11/2039
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Công trình xây dựng khác: -/-

3. Ghi chú:

Hải Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2017

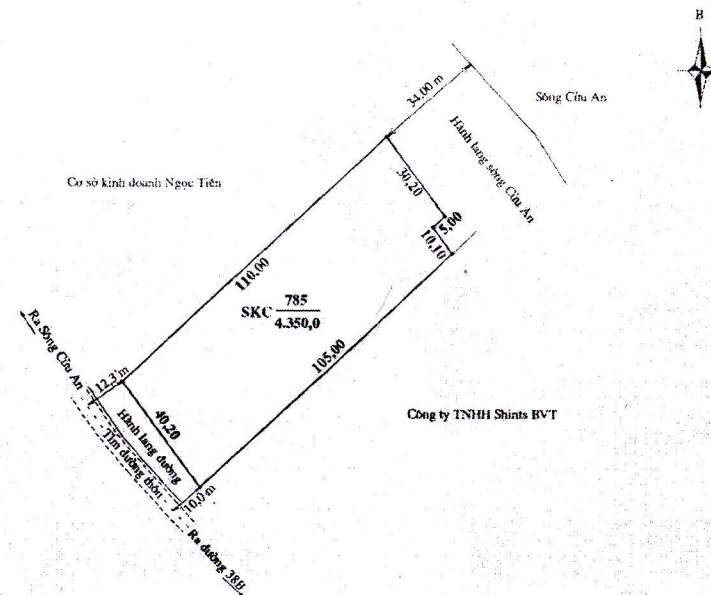
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

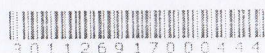
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Vào sổ cấp GCN: CT 00970

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

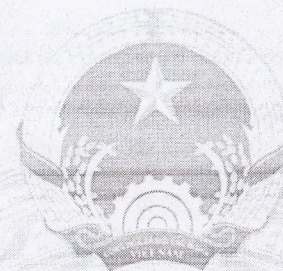
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



301126917000444

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH SHINTS BVT

GCNDKDN số: 0800006025 do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 20/4/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

CH 612597

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 784 tờ bản đồ số: 06
 b) Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
 c) Diện tích: 6.445,0 m² (bằng chữ: Sáu nghìn bốn trăm bốn mươi lăm mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 (Dự án xây dựng nhà máy và trụ sở Công ty TNHH SHINTS-BVT)
 f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/11/2039
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

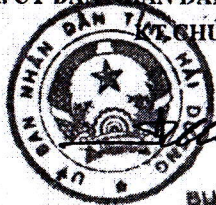
2. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	DT xây dựng (m ²)	DT sàn (m ²) hoặc CS	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
(3) - Nhà xưởng	3490,5	3490,5	sở hữu riêng	III	-/-

3. Ghi chú:

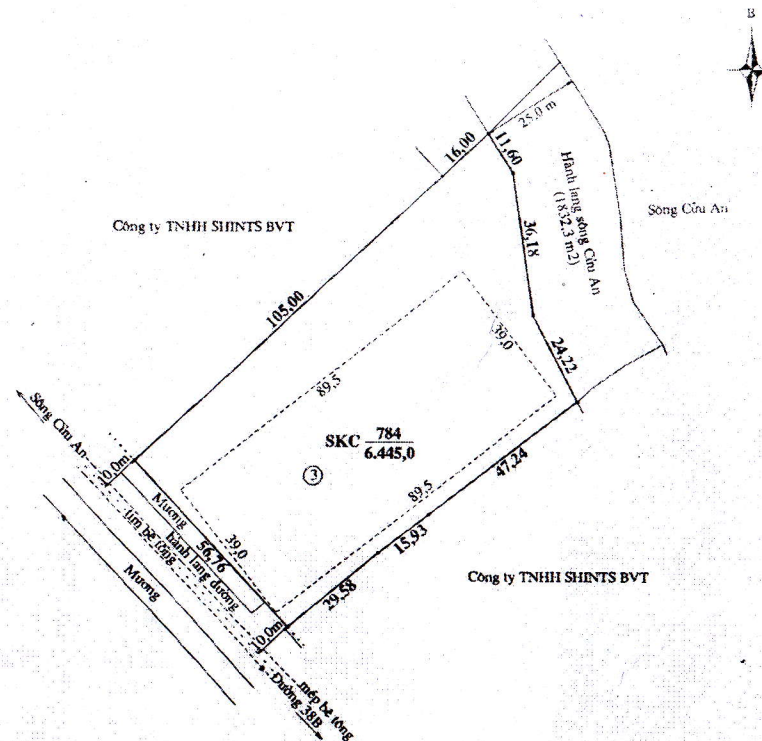
Hải Dương, Ngày 27 tháng 6 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



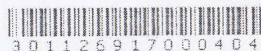
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

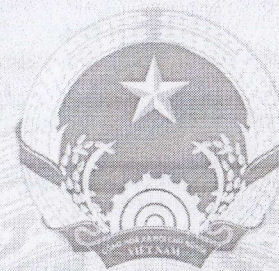
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 0 1 1 2 6 9 1 7 0 0 0 4 0 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Shints BVT

GCNĐKDN số: 0800006025 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký lần đầu ngày 21/6/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/4/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

CI 567739

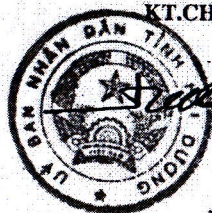
1. Thừa đất:

2. Công trình xây dựng khác: -/-

3. Ghi chú:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

KT.CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT 00969

PHỤ LỤC II

BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH XỬ LÝ

BẢN VẼ CÔNG TRÌNH
XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----OOO-----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XLN THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/ NGÀY

HẠNG MỤC:

XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT

ĐỊA ĐIỂM:

THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SHINTS — BVT

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD

HẢI DƯƠNG, 12- 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 23 tháng 12 năm 2012....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY THI CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Quang Nguyễn Văn Quang	Phạm Văn Đô	Nguyễn Văn Đô

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/H

ĐỊA CHỈ: THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG & MÔI TRƯỜNG MAD



GIÁM ĐỐC

Lâm Thị Trang

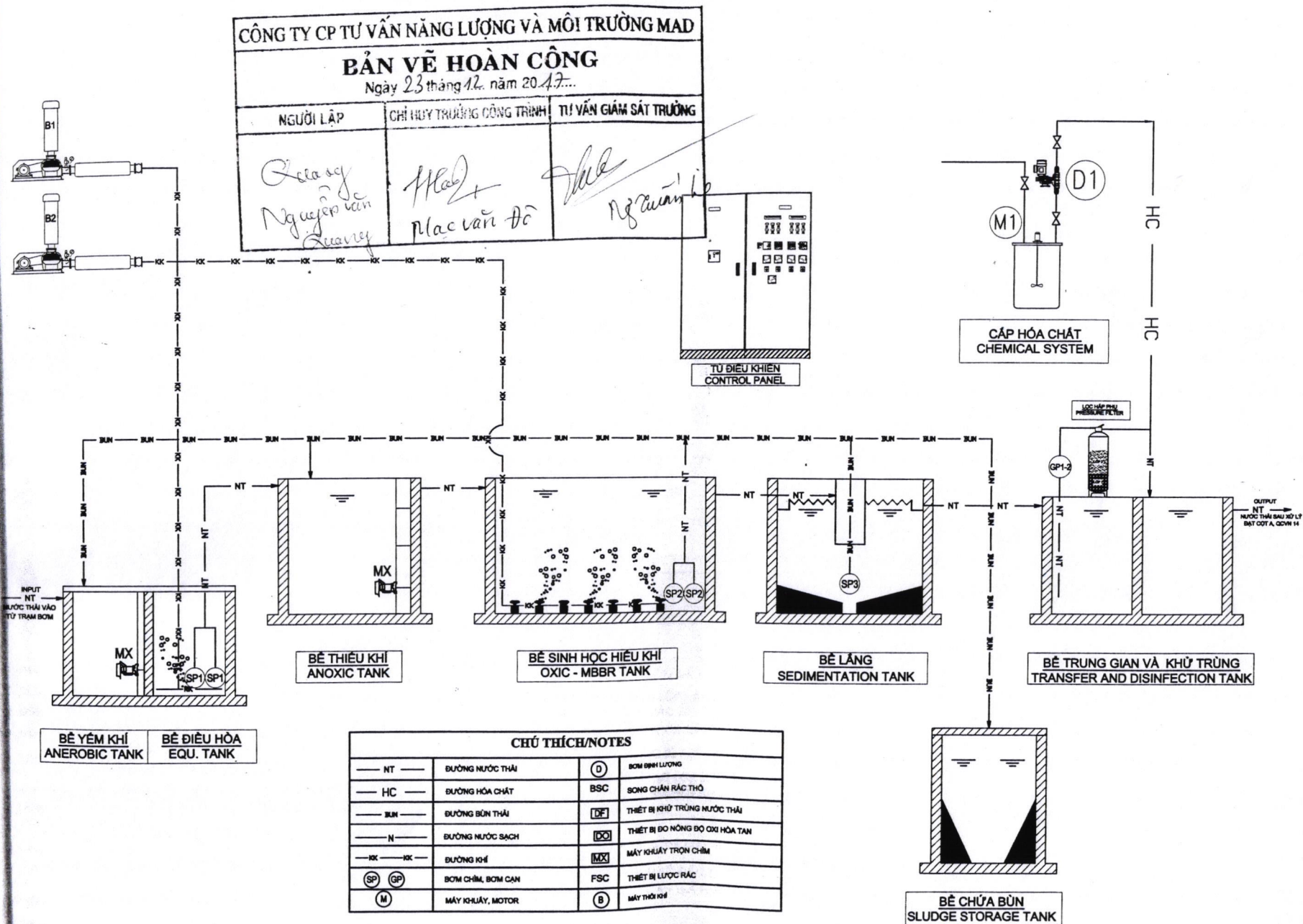
CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

KIM YONG HWAN

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT. CÔNG SUẤT: 100M3/NGÀY



CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 23 tháng 12 năm 2017...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Quang	Mac Văn Đơ	Nguyễn Văn Đơ

TỦ ĐIỀU KHIỂN
CONTROL PANEL

CẤP HÓA CHẤT
CHEMICAL SYSTEM

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHINT BVT
KIỂM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
KIM YONG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HẠNG MỤC:
XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD
CƠ PHÂN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG & MÔI TRƯỜNG MAD
VĂN PHÒNG 107/4A CẠM LÂM - QUẬN 10 - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 09-32247814 - FAX: 04-35721062
E-MAIL: mad-ssbvt@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
LÂM THỊ TRANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
KS. PHẠM ANH MINH

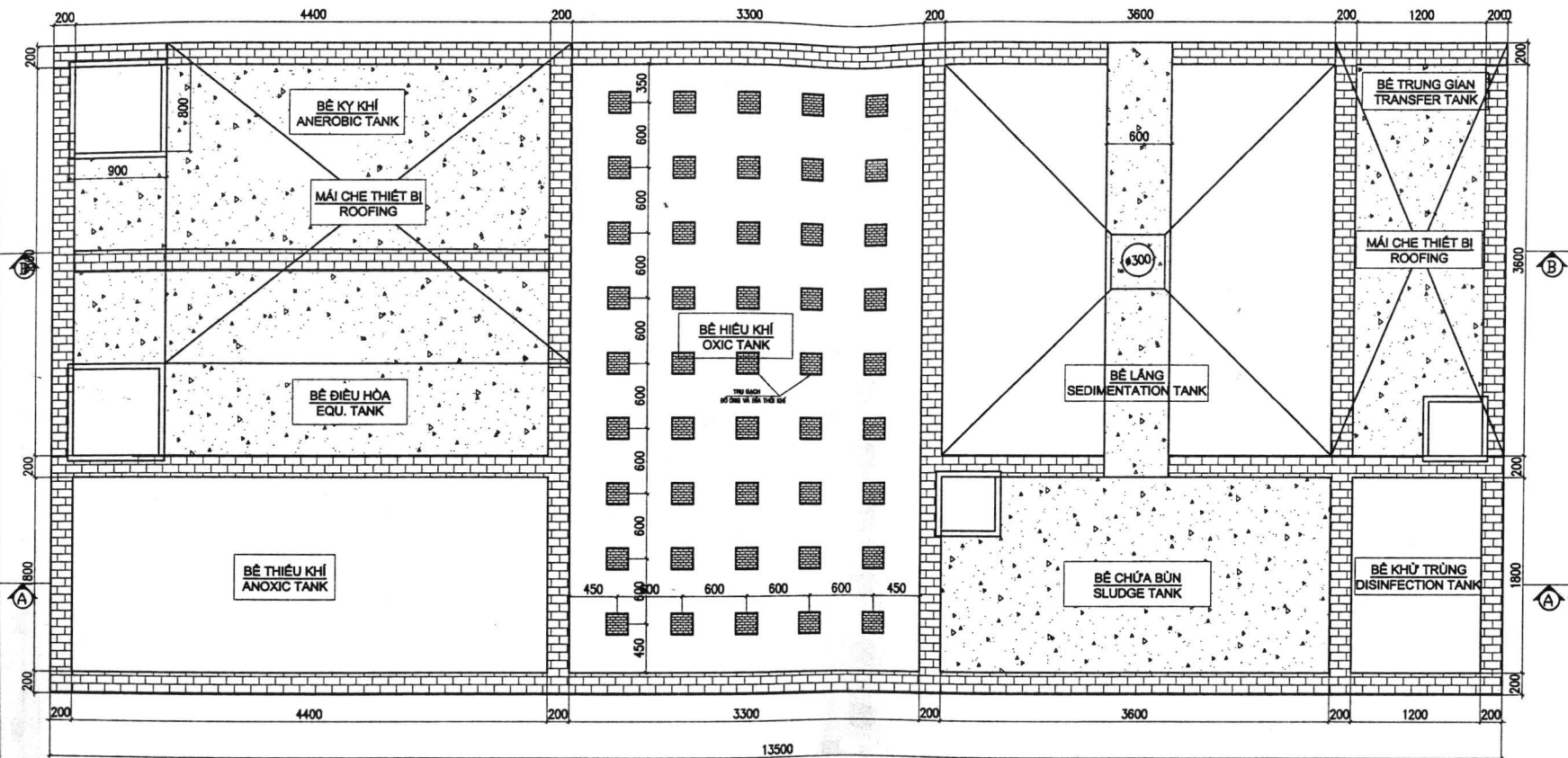
CHỦ TRÌ TÍNH TOÁN:
TRỊNH THỊ THU LỸ

TRIỂN KHAI BẢN VẼ:
KS: NGUYỄN VĂN QUANG

KIỂM:
KS: MAC VĂN ĐƠ

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

BỘ HỒ SƠ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY PHÁT HÀNH: 12 - 2017
TỶ LỆ: **KÝ HIỆU BẢN VẼ:**
KT: 01



- PHÁ LỚP BÊ TÔNG SÀN HIỆN TRẠNG, VẬN CHUYỂN RA VỊ TRÍ TẬP KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
- ĐÀO ĐẤT, VẬN CHUYỂN RA VỊ TRÍ TẬP KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
- ĐÓNG CỌC TRE: CỌC DÀI ≤ 2.5 M. MẬT ĐỘ CỌC 25-30 CỌC /M²
- LẤP CÁT PHỦ ĐẦU CỌC DÂY
- BÊ TÔNG LÓT DÂY 100 MẮC 100, ĐÁ 4X6
 - THÉP D12 (2 LỚP) A150
 - BÊ TÔNG ĐÁY BỂ MẮC 250 DÂY 200
 - LẮNG VỮA XM CÁT VÀNG DÂY 30 MẮC 75
 - ĐÁY BỂ HIẾU KHÍ XÂY CẦU GẠCH RỘNG 200 X 200, CAO 200
- CẤU TẠO THÀNH BỂ
 - THÉP VÁCH D12 (A150), THÉP ĐAI D10 (2 LỚP) A200
 - BÊ TÔNG THÀNH BỂ MẮC 250 DÂY 200
 - THÀNH TRONG: TRÁT 1 LỚP VỮA XM MẮC 75, ĐÁNH BÓNG BẰNG XM NGUYÊN CHẤT
 - THÀNH NGOÀI: TRÁT 1 LỚP VỮA XM MẮC 75

8. CẤU TẠO NẮP BỂ (BỂ KỶ KHÍ 1, BỂ KỶ KHÍ 2, BỂ CHỨA BÙN, BỂ TRUNG GIAN)

- THÉP VÁCH D10 (1 LỚP) A150
- BÊ TÔNG NẮP BỂ MẮC 250 DÂY 100
- NẮP BỂ: LẮNG VỮA XM CÁT VÀNG DÂY 30 MẮC 75

9. CẤU TẠO DẪM SANG BỂ (BỂ LẮNG ĐỨNG)

- CHIỀU DÀI 4000, RỘNG 600, DÂY 100
- THÉP D14 A150, THÉP ĐAI D10 A200
- ĐÓ BÊ TÔNG MẮC 250

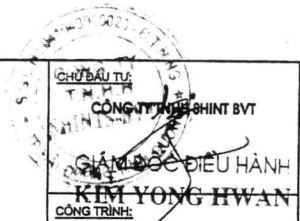
10. CÔNG TÁC HOÀN TRẢ MẶT BẰNG

- LẤP ĐẤT QUANH BỂ, ĐÁM CHẶT
- ĐÓ BÊ TÔNG HOÀN TRẢ PHẠM VI PHÁ BÊ TÔNG QUANH BỂ

11. CÔNG TÁC HOÀN THIỆN

- LẤP ĐẤT LAN CAN DẪM BỂ (L=8M)
- LẤP ĐẤT NẮP CỬA BỂ BẰNG TÓN

CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 23 tháng 12 năm 20...17...		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Quang Nguyễn Văn Quang	Mac Mac Văn Đơ	Vào Ng Văn Đơ
BẢN VẼ MẶT BẰNG		
ĐỒ HỒ SƠ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY PHÁT HÀNH: 12 - 2017		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
KT: 02		



HẠNG MỤC:
XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD
VĂN PHÒNG: 70/70 CÁN LÂN, QUẬN QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI: 0905 478142 - ĐÓNG 04-38721082
E-MAIL: MAD.SERVICE@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:
LÂM THỊ TRANG

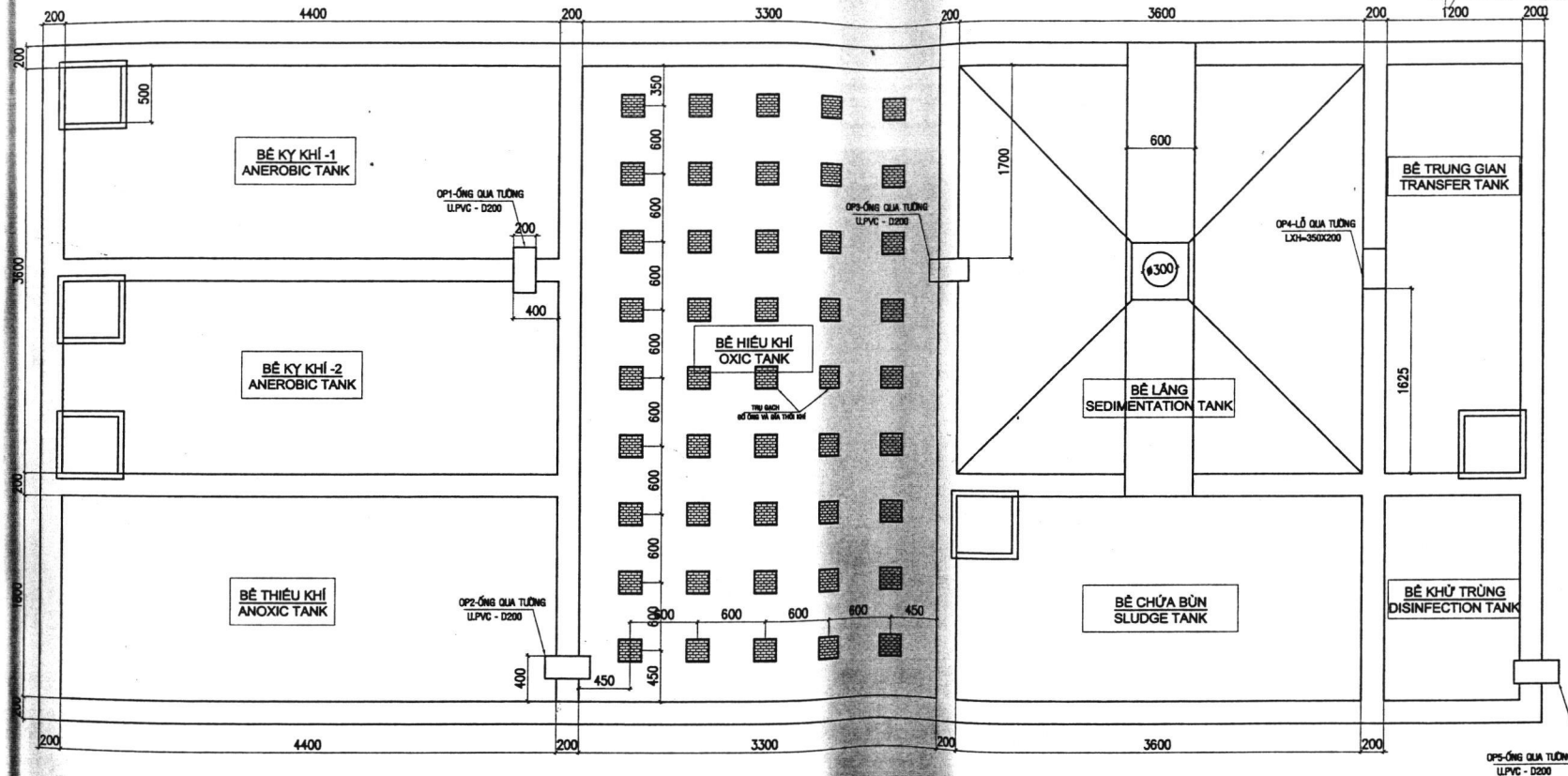
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
NGUYỄN PHI HÙNG

CHỦ TRÌ TÍNH TOÁN:
NGUYỄN PHI HÙNG

TRIỂN KHAI BẢN VẼ:
KS: NGUYỄN VĂN QUANG

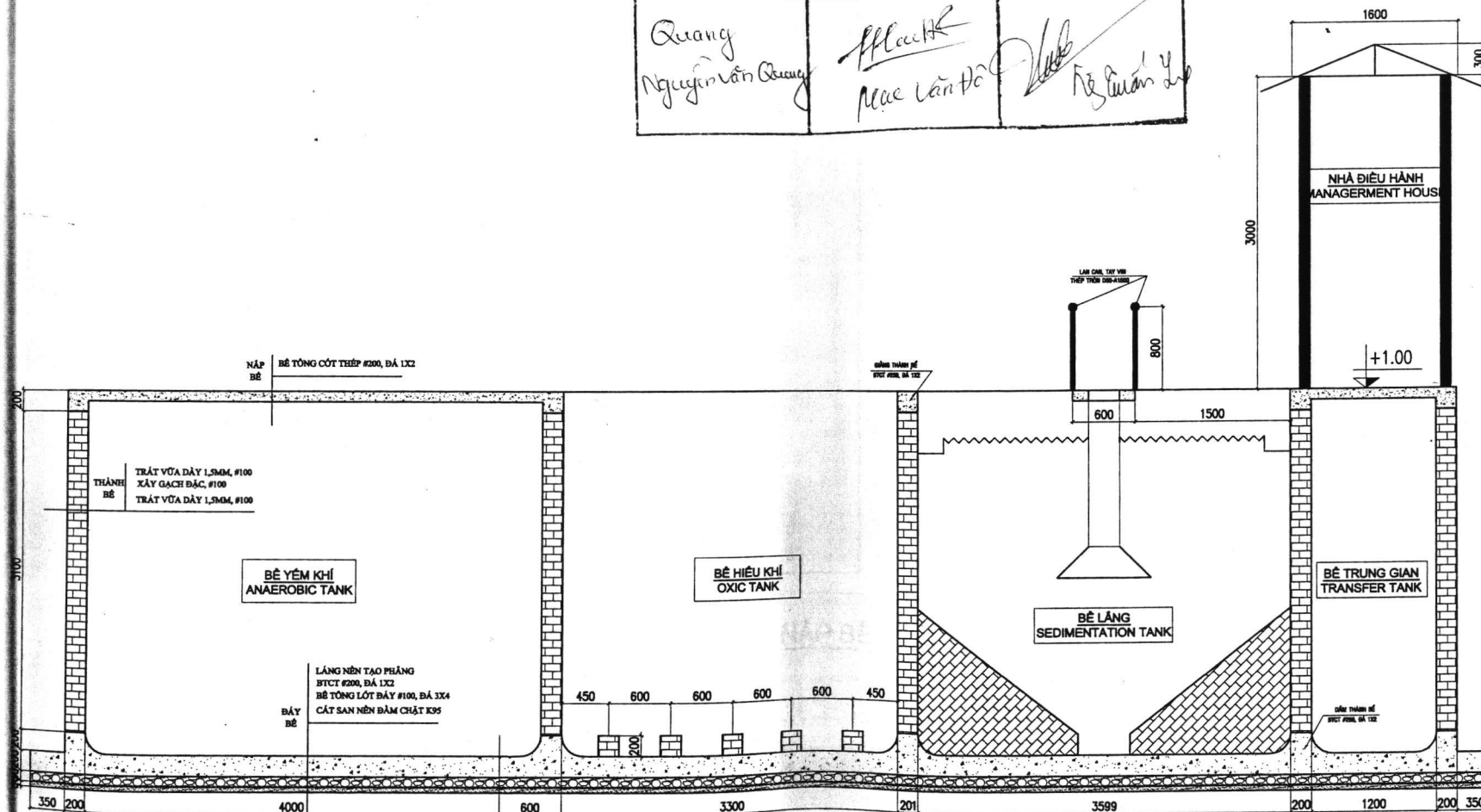
KIỂM:
KS: MẠC VĂN ĐƠ

CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 23 tháng 12 năm 2017.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Quang Nguyễn Văn Quang	Mac Mac Văn Hồ	Val Ng Tuấn Lập



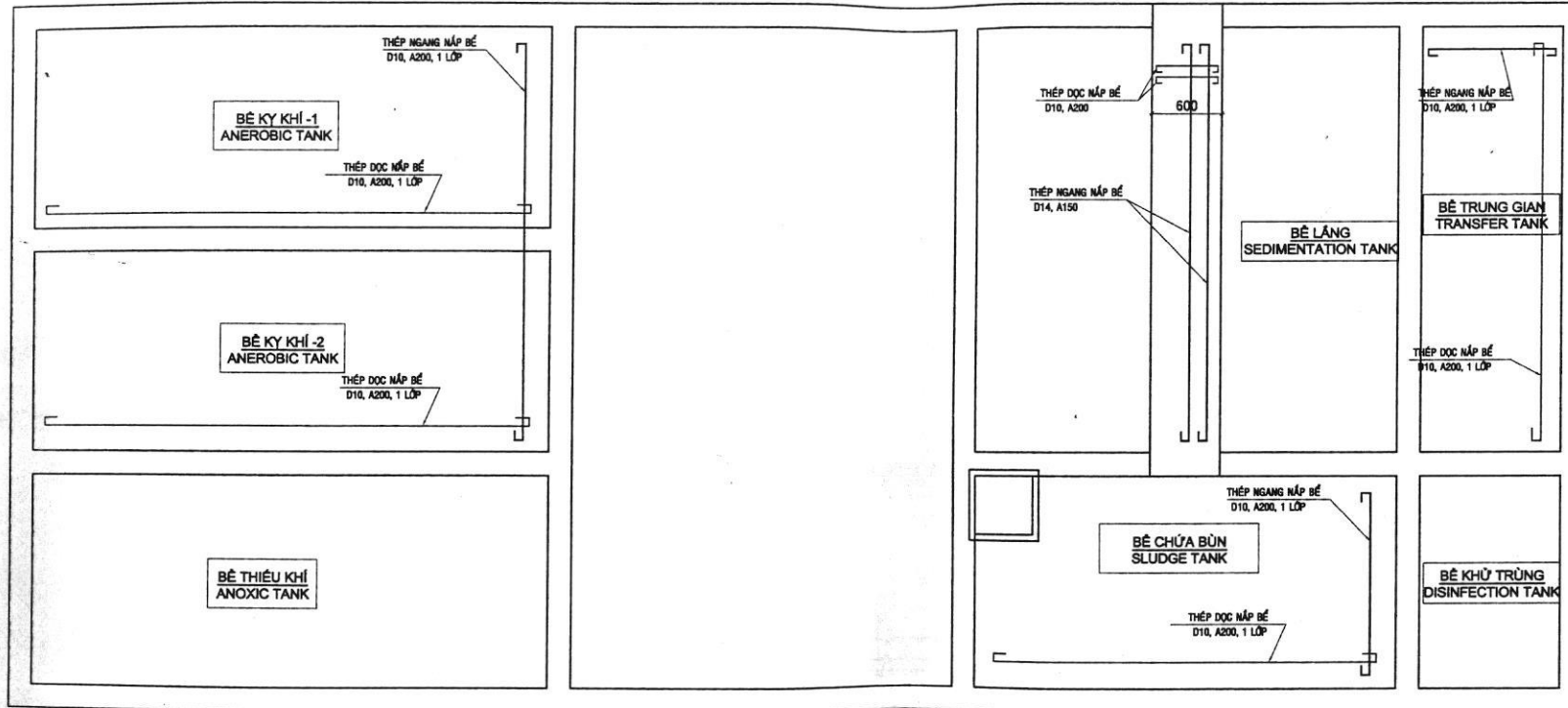
MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ MỜ QUA TƯỜNG
LAYOUT OF OPENING PASING BY WALL

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH SHINT BVT	
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	
KIM YONG HWAN	
CÔNG TRÌNH:	
HẠNG MỤC:	
XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT	
CƠ QUAN THIẾT KẾ	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD	
TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG & MÔI TRƯỜNG MAD	
VĂN PHÒNG: 800 ĐƯỜNG VĂN TỎ ĐƯỜNG 3 ĐỒNG ĐÀ - HÀ NỘI	
DIỆN THÍCH: 04-35721062 FAX: 04-35721062	
E-MAIL: MAD_JSC20016@GMAIL.COM	
GIÁM ĐỐC:	
LÂM THỊ TRANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
NGUYỄN PHI HÙNG	
CHỦ TRÌ TÍNH TOÁN:	
NGUYỄN PHI HÙNG	
TRIỂN KHAI BẢN VẼ:	
KS: NGUYỄN VĂN QUANG	
KIỂM:	
KS: MẠC VĂN ĐỒ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ MỜ QUA TƯỜNG	
BỘ HỒ SƠ:	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY PHÁT HÀNH:	12 - 2017
TỶ LỆ:	KY HIỆU BẢN VẼ:
	KT: 03



CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 23 tháng 12 năm 2017...		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Quang Nguyễn Văn Quang	Phan Văn Ho	Phạm Văn Ho

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 23 tháng 12 năm 2012...		
NGƯỜI LẬP	CHỈ DẪN	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Quang Nguyễn Văn Quang	Mac Mac Văn Đồ	Ng Nguyễn Văn Ng



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP NẮP BỂ

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SHINT BVT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KIM YONG HWAN
CÔNG TRÌNH:
HẠNG MỤC: XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT
CƠ QUAN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD CƠ PHÂN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG & MÔI TRƯỜNG MAD VĂN PHÒNG: 10/11A - CÁCH MẠNG, QUẬN DŨNG QUANG, SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI ĐIỆN THOẠI: 04.35721062 - FAX: 04.35721062 E-MAIL: mad_scd0016@gmail.com
GIÁM ĐỐC: LÂM THỊ TRANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI HÙNG
CHỦ TRÌ TÍNH TOÁN: NGUYỄN PHI HÙNG
TRIỂN KHAI BẢN VẼ: KS: NGUYỄN VĂN QUANG
KIỂM: KS: MẠC VĂN ĐỒ
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ LẮP BỂ
BỘ HỒ SƠ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG NGÀY PHÁT HÀNH: 12 - 2017 TỶ LỆ: KỶ HIỆU BẢN VẼ:
KT: 07

100%
 TY
 AN
 G LƯU
 RUỒN
 D
 T.P

CÔNG TY CP TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 23 tháng 12 năm 2017...

NGƯỜI LẬP CHỈ HUY THI CÔNG CÔNG TRÌNH TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Quang Hlaet An [Signature]
 Nguyễn Văn Quang Mạc Văn Đồ Nguyễn Văn Quang

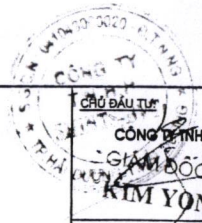
13500

THÉP DỌC ĐÁY BỀ
D12, A150, 2 LỚP

THÉP NGANG ĐÁY BỀ
D12, A150, 2 LỚP

6000

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐÁY BỀ



CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH SHINT BVT
 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
 KIM YONG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HẠNG MỤC:
 XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
 NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG MAD
 CỔ PHẦN
 TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG
 & MÔI TRƯỜNG
 MAD
 VĂN PHÒNG CÔNG TY: 04/10/2017
 ĐIỆN THOẠI: 04-32287614 FAX: 04-35721062
 E-MAIL: MND-2502010@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:
 [Signature]
 LÂM THỊ TRANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
 [Signature]
 NGUYỄN PHI HÙNG

CHỦ TRÌ TÍNH TOÁN:
 [Signature]
 NGUYỄN PHI HÙNG

TRIỂN KHAI BẢN VẼ:
 [Signature]
 KS: NGUYỄN VĂN QUANG

KIỂM:
 [Signature]
 KS: MẠC VĂN ĐỒ

TÊN BẢN VẼ:
 BỐ TRÍ THÉP ĐÁY BỀ

BỘ HỒ SƠ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NGÀY PHÁT HÀNH: 12 - 2017
 TỶ LỆ: KỶ HIỆU BẢN VẼ:
 KT: 09

BẢN VẼ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI



VĂN PHÒNG: 29 ĐÊ LA THÀNH-P.PHƯƠNG LIÊN-Q.DÔNG ĐA-HN

DIỆN THOẠI: 04-3572.1062 FAX: 04-3572.1062

EMAIL : Bkhoa.ltd@gmail.com

WEBSITE : WWW.CONHIEUBACHKHOA.VN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐỰ ÁN : CÔNG TY TNHH SHIN?S BVT

CÔNG TRÌNH : LẮP ĐẶT LÒ HƠI CẤP HƠI CHO XƯỞNG MAY

HẠNG MỤC : CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỘI HƠI ĐA NĂNG, ĐÓT HỐN HỢP NHIÊN LIỆU VAI
VỤN, TARN, CỤI GỖ, BẮNH TRẦU BẮNH MỠN CỬA. CÔNG SUẤT 100% KG HƠI/GH



VĂN PHÒNG: 29 ĐÊ LA THÀNH-P.PHƯƠNG LIÊN-Q.ĐÔNG ĐA-HN

ĐIỆN THOẠI: 04-3572.1062 FAX: 04-3572.1062

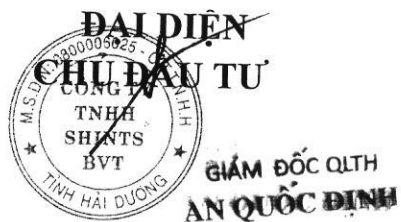
EMAIL : Bkhoa.ltd@gmail.com

WEBSITE : WWW.CONHIETBACHKHOA.VN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN : CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
CÔNG TRÌNH : LẮP ĐẶT LÒ HƠI CẤP HƠI CHO XƯỞNG MAY
HẠNG MỤC : CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỘI HƠI ĐA NĂNG, ĐÓT HỘP NHIÊN LIỆU VẢI
VỤN, TAHN, CỬ, GỖ, BÁNH TRÁU, BÁNH MÜN CỬA. CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

Hải Dương, ngày 01 tháng 10 năm 2019



GIÁM ĐỐC
Mac Văn Đỗ

NGƯỜI LẬP		Chỉ huy trưởng công trình	Ban Quản lý dự án
Ngày tháng năm 20.....			

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
01	KT - 00	DANH MỤC BẢN VẼ
02	KT - 01	BẢN VẼ MẶT BẰNG NHÀ LÒ
03	KT - 02	BẢN VẼ LẮP ĐẶT
04	KT - 03	BẢN VẼ LẮP GHÉP LÒ HƠI
05	KT - 04	BẢN VẼ MẶT BẰNG CẤP NƯỚC
06	KT - 05	BẢN VẼ MÓNG LÒ HƠI
07	KT - 06	BẢN VẼ MÓNG THIẾT BỊ PHỤ
08	KT - 07	BẢN VẼ BỂ LỌC BỤI

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày <u>1</u> tháng <u>10</u> năm 20 <u>19</u>		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Ban Quản lý dự án
		

DỰ AN:
CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CHỦ ĐẦU TƯ:



GIÁM ĐỐC QLTH
N QUỐC ĐỊNH

ĐỊA CHỈ KHU DÂN CƯ PHỤ TẠO: HƯNG THẠCH QUANG
- TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220 3861 727 FAX:

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KỸ THUẬT ÁP LỰC BẠCH KHOA



VĂN PHÒNG: 21/10/13 THƯỜNG KIỆT (LIÊN LỘ) PHƯỜNG
ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO 13/12/1982 FAX: 06-3372.082
E-MAIL: BKH@O2ONLINE.COM
WEBSITE: WWW.COMNETBACHKHOA.VN

MÃ SỐ DỰ AN:
CÓ BKS-01

DUYỆT:
MẠC VĂN ĐO

KIỂM TRA:
KỸ THUẬT ÁP LỰC

NGƯỜI VẼ:
TRẦN VĂN THIỆN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

HẠNG MỤC:
CUNG CẤP VÀ LẮP BẮT NỒI HƠI BA
BĂNG, BỘT HỖN HỢP NHIÊN LIỆU VÀI
VỤN, THAN, CỤ, GỖ, BẮNH TRẦU, BẮNH MÙN
CỬA, CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

TÊN BẢN VẼ:
DANH MỤC BẢN VẼ

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

NGÀY LẬP:
01/10/2019

TỈ LỆ:

CHÍNH SỬA:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...T

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Ban Quản lý dự án

DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
TỈNH HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC QLTH
AN QUỐC ĐỊNH

ĐỊA CHỈ: KHU DÂN CƯ PHÚ TẠO - PHƯỜNG THẠCH KHÔI
- TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220 3861 727 FAX:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



VĂN PHÒNG: 20 TR. LA THẠCH (PHƯỜNG LA THẠCH) QUẬN ĐÀ NẴNG
HỌA THẠCH: 04-1872.062 FAX: 04-1872.062
E-MAIL: BKHOALTD@GMAIL.COM
WEBSITE: WWW.CONHETBACHKHOA.VN

MÃ SỐ DỰ ÁN:

DUYỆT:

KIỂM TRA:

NGƯỜI VẼ:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

HANG MỤC:

CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỒI HƠI ĐÁ
NĂNG, ĐỐT HỖN HỢP NHIÊN LIỆU VÀI
VỊNH, THAN, CỤM SỔ, BẢNG TIÊU, BẢNG HỖN
CỬA, CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ MẶT BẰNG NHÀ LÒ

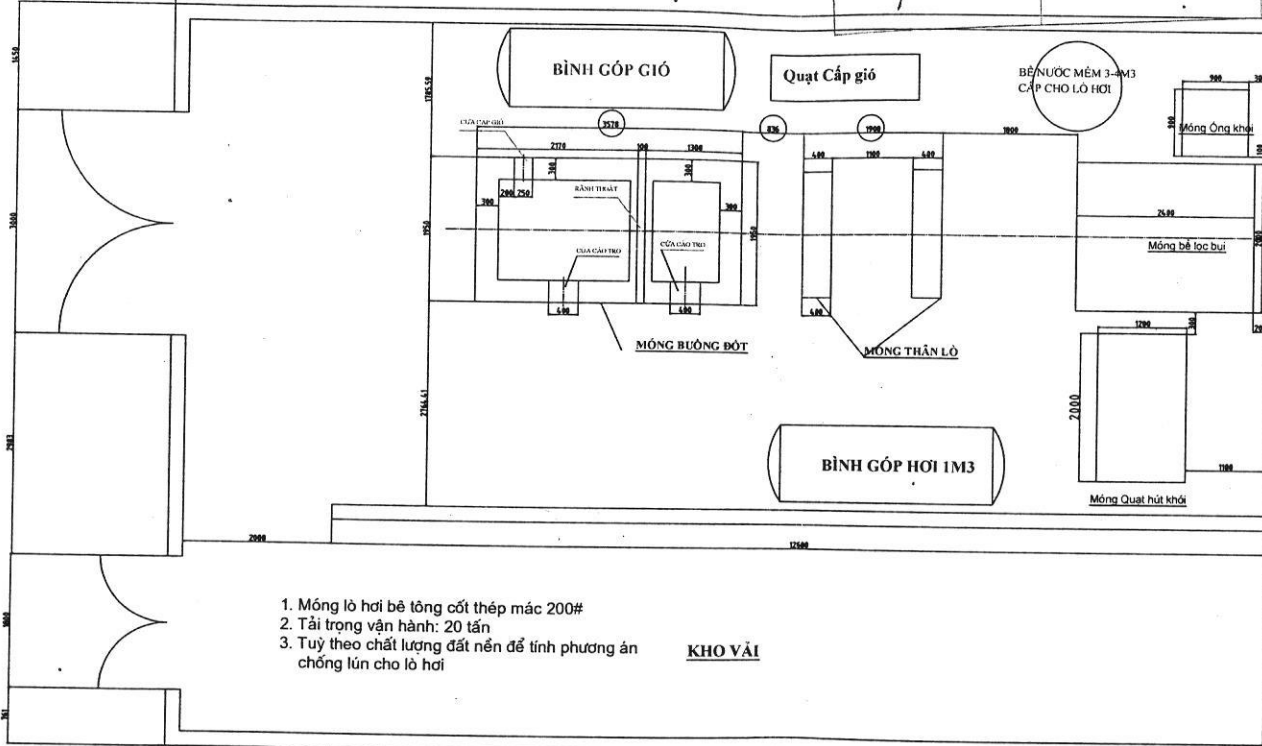
SỐ HIỆU BẢN VẼ:

NGÀY LẬP:

01/10/2019

TITLE:

CHÍNH SỬA:



1. Móng lò hơi bê tông cốt thép mác 200#
2. Tải trọng vận hành: 20 tấn
3. Tùy theo chất lượng đất nền để tính phương án chống lún cho lò hơi

KHO VẢI

1. Móng lò hơi bê tông cốt thép mác 200#
2. Tải trọng vận hành: 20 tấn
3. Tùy theo chất lượng đất nền để tính phương án chống lún cho lò hơi

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Chức năng:	Họ và tên	Ký tên	Ngày
Giám đốc:	MAC VĂN ĐO		
Thiết kế:	LƯƠNG XUÂN HẢI		
Kiểm tra:	LƯƠNG XUÂN HẢI		

NỒI HƠI ĐỐT THAN, VẢI BK - ĐV - 2000/10

BẢN VẼ MẶT
BẰNG NHÀ LÒ

Số lượng	Khối lượng (kg)	Tỷ lệ
		1:20
Tờ số:	Số tờ:	

BK-2000/10

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

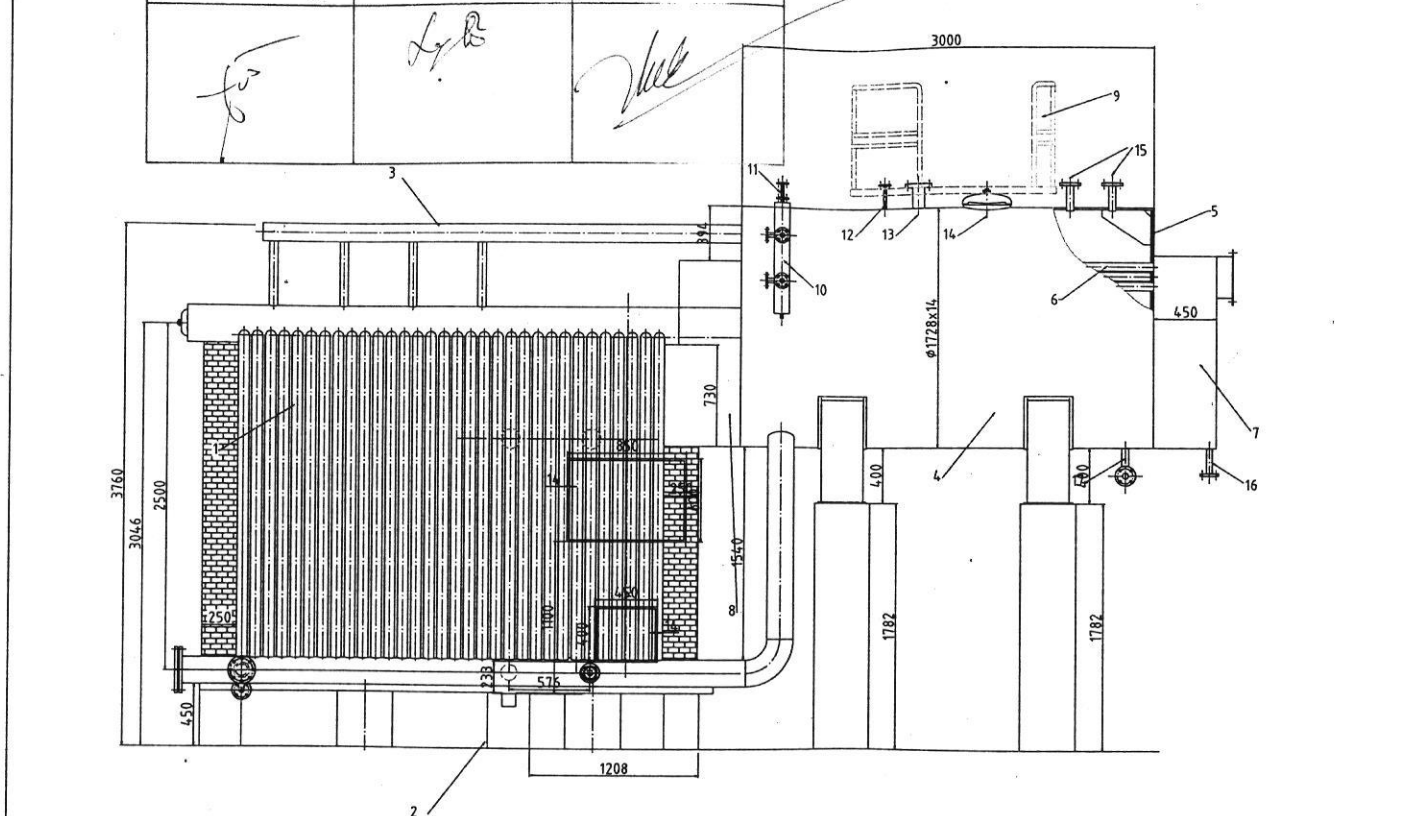
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Ban Quản lý dự án



8	Sàn thao tác	bộ	01		17	Lắp cụm van xả đáy	bộ	01	DN40, PN16
9	Hộp thổi trước	bộ	01		18	Lắp cụm van nước cấp	bộ	01	DN12, PN16
10	Hộp thổi sau	bộ	01		19	Lắp van an toàn	bộ	02	DN40, PN16
11	Các ống dẫn	bộ	01		20	Cửa vệ sinh	bộ	01	
12	Mặt sàng	cái	02		21	Lắp van hơi chính	bộ	01	DN65, PN16
13	Thân lò	cái	01		22	Lắp van xả hơi	bộ	01	DN15, PN16
14	Ống thông hơi	bộ	01		23	Lắp áp kế	bộ	02	D160, p=0 - 1.6 MPa
15	Bà lê	bộ	01		24	Lắp ống thủy sáng	bộ	02	
16	Buồng đốt	bộ	01		25	Tên gọi	BV	SL	Ghi chú
17	Tên gọi	BV	SL	Ghi chú	26	Tên gọi	BV	SL	Ghi chú

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Chức năng	Họ và tên	Ký tên	Ngày
Giám đốc	MAC VAN DO		
Thiết kế	LƯƠNG XUÂN HAI		
Kiểm tra	LƯƠNG XUÂN HAI		
Duyệt	MAC VAN DO		

NỒI HƠI ĐỐT THAN VẢI BK- DN-2000/10

BẢN VẼ LẮP GHEP
LÒ HƠI

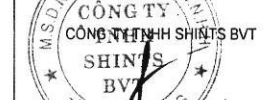
Số lượng	Khối lượng (kg)	Tỷ lệ
		1.20
Tờ số:	Số tờ:	
BK- DN- 2000/10		

DỰ ÁN:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CHỦ ĐẦU TƯ:



GIÁM ĐỐC QLTH
AN QUỐC ĐỊNH

ĐỊA CHỈ KHU DÂN CƯ PHỤ TẠO - PHƯỜNG THẠCH KHÔI
- TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220 3861 727 FAX:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



VĂN PHÒNG: 27 KẾ LẠ TRẦN PHỐT NGUYỄN LÊ QUANG BÀ ĐEN
ĐIỆN THOẠI: 04-3372.1862 FAX: 04-3372.1862
E-MAIL: BKHOALTD@GMAIL.COM
WEBSITE: WWW.CONNETHATCHOHA.VN

MÃ SỐ DỰ ÁN:

02807486 BK-01

QUYẾT:

TRÁCH NHIỆM HỒN HẠP

KIỂM TRA:

PHIÊN BẢN:

KY THUẬT ÁP LỰC

NGƯỜI VẼ:

BẮT TRƯNG

ĐỊA ĐÁ - TP. HẢI DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

HẠNG MỤC:

CUNG CẤP VÀ LẮP BẮT HỒI HƠI BÀ
NÀNG, ĐỐT HỒN HỘP PHIÊN LỄU VẢI
VUN, THAN, CỤ, GỖ, BẮNH TRẦU, BẮNH MÙN
CỦA CÔNG SUẤT 3000 KG HƠI/H

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ LẮP GHEP

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

KT-10

NGÀY LẬP:

01/10/2019

TITLE:

CHỈNH SỬA:

CHÍNH SÁCH

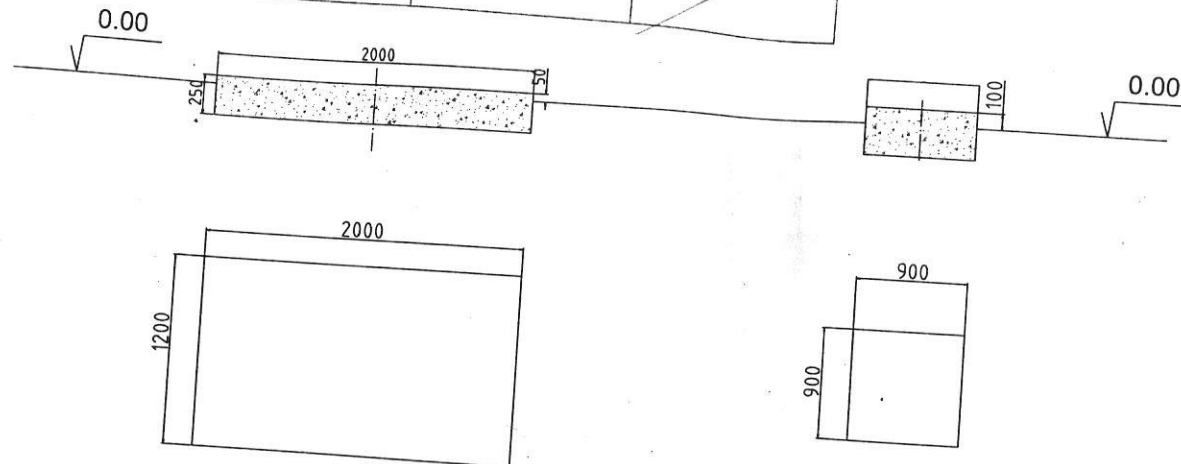
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2019

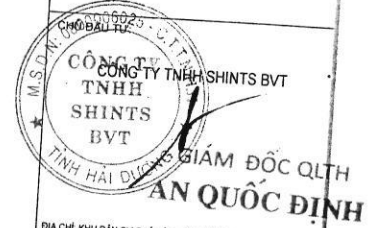
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Ban Quản lý dự án
MÔNG QUẠT HÚT		

MÔNG ỚNG KHỎI



- Móng lò được đổ bê tông cốt thép mác #200 bên dưới được lót bằng lớp gạch vụn mác 50.
- Chống lún: Thiết kế theo chất lượng nền đất cụ thể.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA				NỒI HƠI ĐỐT THAN BK-2000/10		
Chức năng	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Số lượng	Khối lượng (kg)	Tỷ lệ
Giám đốc	MAC VĂN ĐO					1.20
Thiết kế	LƯƠNG XUÂN HAI					
Kiểm tra	LƯƠNG XUÂN HAI					
				BK-2000/10		



ĐỊA CHỈ: KHU DÂN CƯ PHÚ TẠO - PHƯỜNG THẠCH KHÔI - TP HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220 3861 727 FAX:

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



VĂN PHÒNG 3P SỐ 1A TRƯỜNG PHẠM THƯỜNG KIỆT ĐƯỜNG ĐÀNG TRẦN THẠCH 04-372.1962 FAX: 04-372.1962
E-MAIL: BKHOA.LTD@GMAIL.COM
WEBSITE: WWW.COMHETEXHONHUA.VN

MÃ SỐ DỰ ÁN	BK-01
DUYỆT	MAC VĂN ĐO
Kiểm tra	PHÁT TRIỂN
NGƯỜI VẼ	LƯƠNG XUÂN HAI
	TRẦN VĂN THÁNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:	CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
HẠNG MỤC:	CUNG CẤP VÀ LẮP BẮT NỒI HƠI ĐỐT THAN, ĐỐT HỖN HỢP NHIÊN LIỆU VẢI Vụn, THAN, CỎ, GỖ, BÀNH TRẤU, BÀNH MÓN CỬA, CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H
TÊN BẢN VẼ:	BẢN VẼ MÔNG THIẾT BỊ PHỤ
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	BK-01
NGÀY LẬP:	01/10/2019
TITLE:	
CHÍNH SỬA:	

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

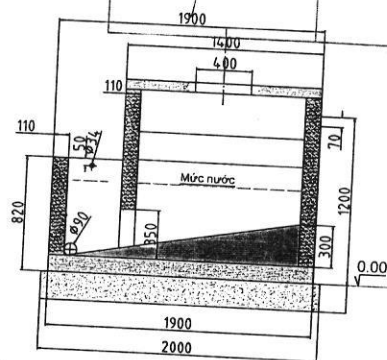
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

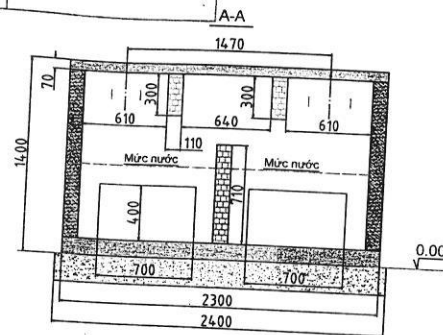
Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

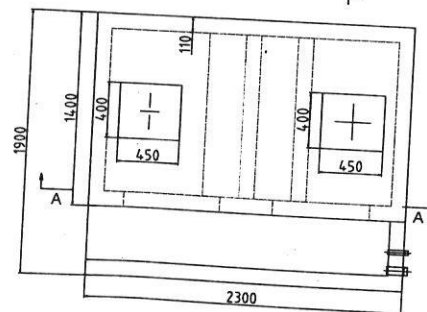
Ban Quản lý dự án



B-B



A-A



B

GHI CHÚ:

- 1 Yêu cầu đảm bảo kích thước trong
- 2 Kết cấu được đổ bê tông cốt thép mác 110
- 3 Chống thấm bằng nhựa đường, (Quét 3 lớp)
- 4 Sàn đường nghiêng về phía cửa vệ sinh khoảng 20%

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA			
Chức năng	Họ và tên	Ký tên	Ngày
Giám đốc	MAC VĂN ĐO		
Thất kê	LƯƠNG XUÂN HAI		
Kiểm tra	LƯƠNG XUÂN HAI		

NỒI HƠI ĐỐT THAN BK-2000/10

BỂ LỌC BỤI

Số lượng	Khối lượng (kg)	Tỷ lệ
1	120	1:20
Ta số:	Số từ:	

BK-2000/10

DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC QLTH

AN QUỐC BÌNH

ĐỊA CHỈ KHU DÂN CƯ PHÚ TẠO - PHƯỜNG THẠCH KHÔI
- TP HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

TEL: 0220 3861 727 FAX:

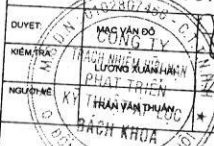
NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



VĂN PHÒNG: 29 HẺ LÁ THƯỜNG KIỆT (QUẬN HOÀNG MAI) - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04-3572 082 FAX: 04-3572 082
E-MAIL: BKHOA.LTD@GMAIL.COM
WEBSITE: WWW.CONHETBACHKHOA.VN

MÃ SỐ DỰ ÁN: BK-01



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

HẠNG MỤC: CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỒI HƠI ĐỐT THAN, NỒI HƠI HỖP NHIỆM LIỆU VÀ VÁN, THÁP, CỤT, CỐ BẮNH TRƯỞNG BẮNH MÀN CỬA, CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

TÊN BẢN VẼ: DANH MỤC BẢN VẼ

SỐ HIỆU BẢN VẼ: 1-1

NGÀY LẬP: 01/10/2019

TITLE: 1-1

CHÍNH SỬA:

PHỤ LỤC III

**1. BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG
TRÌNH XỬ LÝ**

**2. CÁC GIẤY TỜ KHÁC CÓ LIÊN QUAN: HỢP
ĐỒNG XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT, HƯỚNG DẪN VẬN
HÀNH**

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Amal
10/8
38

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2016/HĐ/ BK-SHINT BVT

Về việc: Xây dựng cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ và lập hồ sơ xin cấp phép xả thải cho trạm xử lý nước thải sinh hoạt 100m3/ngày

Các căn cứ ký kết hợp đồng:

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các Bên;

Hôm nay, ngày 03 tháng 8 năm 2016, Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Đại diện : Ông Nam Sang Sik

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320 3861727

Mã số thuế : 0800006025

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG & MÔI TRƯỜNG MAD

Đại diện : Bà Lâm Thị Trang

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Nhà 71A - Ngõ Cẩm Văn - Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : 04 32247514 Fax: 04 35721062

Tài khoản : 171514851049494

Ngân hàng : Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh - Chi nhánh Hà Nội (EXIMBANK Hà Nội).

Mã số thuế : 0107396682

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ và lập hồ sơ xin cấp phép xả thải cho trạm xử lý nước thải sinh hoạt 100m3/ngày. *Chi tiết như sau:*

ĐIỀU 1: NỘI DUNG, SẢN PHẨM HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện công việc với nội dung như sau:

- Cung cấp, lắp đặt thiết bị, khởi động vận hành, chuyển giao công nghệ xử lý và lập đề án xin cấp phép xả thải cho trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho công ty TNHH Shints BVT tại địa chỉ: thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Trạm xử lý nước thải do Bên B cung cấp và lắp đặt cho Bên A đảm bảo đúng theo phụ lục hợp đồng kèm theo. Sản phẩm của Hợp đồng bao gồm:
 - o Hệ thống thiết bị xử lý nước thải có cấu hình như trong các phụ lục của hợp đồng này.
 - o Bản phân tích nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (loại A).
 - o Giấy cấp phép xả thải

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. *Tổng thời gian thực hiện Hợp đồng là 120 ngày kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1 theo điều 4 của Hợp đồng này. Cụ thể như sau:*

- Thời gian thực hiện chế tạo gia công, nhập khẩu, tập kết thiết bị và vật tư 40 ngày kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1 theo điều 4 của Hợp đồng này.
- Thời gian xây dựng đáy và thành bể 40 ngày, thời gian đổ nắp bể trong vòng 20 ngày.
- Thời gian hoàn thành lắp đặt thiết bị 20 ngày.
- Thời gian vận hành khởi động, phân tích mẫu nước, bàn giao hệ thống và xin cấp phép xả thải là sau 60 ngày.

2. *Thời gian thực hiện công việc như qui định tại khoản 1 điều 2 của hợp đồng này không bao gồm thời gian ngừng việc do những điều kiện bất khả kháng sau đây:*

- Khi Bên A thanh toán tiền chậm cho Bên B qua các lần thanh toán.
- Khi gặp các điều kiện khách quan như: Thiên tai, dịch họa, chiến tranh, mưa, bão, mất điện, mất nước không thi công được.
- Khi công trình có khối lượng phát sinh hoặc có sự điều chỉnh của chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ chung.
- Khi công trình bị Bên A hoặc cơ quan chức năng đình chỉ thi công hay những lý do khác không do lỗi của Bên B gây ra.

3. *Trường hợp thời gian thi công bị kéo dài do các quyết định hay lỗi của Bên A như: chờ duyệt bản vẽ thiết kế, chờ điều chỉnh thiết kế, thanh toán tiền chậm qua các lần thanh toán, bàn giao mặt bằng trễ hạn hay do các nguyên nhân khách quan như đã nêu ở khoản 2 điều 2 của Hợp đồng này thì thời gian thi công sẽ được cộng thêm thời gian tương ứng cho bên B.*

ĐIỀU 3: NGHIỆM THU VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

- Nghiệm thu lắp đặt: Ngay sau khi hoàn thành lắp đặt hai Bên B sẽ tiến hành chạy thử không tải để tiến hành nghiệm thu lắp đặt.

20 Sh

- Nghiệm thu hoàn thành công trình: Ngay sau khi bên B bàn giao bản phân tích mẫu nước sau xử lý đạt tiêu yêu cầu và giấy phép xả thải, hai bên cùng tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và bên B bàn giao cho bên A. Thời gian bảo hành được tính từ ngày bàn giao cho bên A.
- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong phạm vi Hợp đồng này trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Bên B phải có mặt tại hiện trường để tiến hành bảo hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bảo hành từ Bên A (bằng văn bản, bằng email, điện thoại hoặc fax). Nếu xảy ra sai hỏng do lỗi Bên B thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các chi phí bảo hành liên quan đến Hợp đồng này.
- Sau khi hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và vận hành chuyển giao công nghệ, hai bên tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình, Bên B chịu trách nhiệm bảo hành công trình miễn phí trong vòng 12 tháng. Sau khi Bên B hoàn thành trách nhiệm bảo hành hết 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng công trình thì hai bên có thể đàm phán để tiến hành bảo trì định kỳ hệ thống.
- Giá trị bảo hành công trình là 5% giá trị hợp đồng và được bên B phát hành bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng.
- Mọi chi phí khắc phục các sự cố ngoài phạm vi bảo hành sẽ hoàn toàn do Bên A chịu.
- Bên B sẽ không bảo hành nếu:
 - o Bên A tự ý sửa chữa, thay thế phụ tùng của hệ thống hoặc có sự can thiệp từ bên thứ 3 mà không có ý kiến bằng văn bản của Bên B trong thời gian bảo hành.
 - o Quá thời hạn bảo hành.
 - o Trong trường hợp bất khả kháng như động đất, cháy nổ, ngập nước (đối với những thiết bị không chịu nước), sét đánh, chiến tranh, dịch họa...
 - o Vận hành không đúng qui trình theo hướng dẫn sử dụng của Bên B.

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Tổng giá trị hợp đồng trước thuế: **1,494,670,000 VNĐ**

Thuế VAT 10% : **149,467,000 VNĐ**

Thành tiền sau thuế : 1,644,137,000 VNĐ

(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn/.)

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của bên B trong Hợp đồng này.
- Giá trị Hợp đồng căn cứ vào danh mục vật tư thiết bị theo phụ lục đính kèm hợp đồng này.
- Tiến độ tạm ứng và thanh toán được thực hiện theo các đợt như sau:
 - o **Đợt 1:** Ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết thì Bên A tạm ứng cho Bên B 30% tổng giá trị hợp đồng, thời gian tạm ứng không quá 5 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - o **Đợt 2:** Sau khi Bên B tập kết vật tư thiết bị để tiến hành lắp đặt hệ thống. Trong vòng 5 ngày khi Bên A nhận được các hồ sơ sau thì Bên A thanh toán 35% giá trị Hợp đồng cho Bên B.

sh
18

Hồ sơ thanh toán lần 2 gồm:

- CO/CQ đối với thiết bị nhập khẩu (bản sao y của Bên B)
 - Biên bản bàn giao vật tư thiết bị hoặc biên bản chấp thuận vật tư thiết bị (theo mẫu bên B hoặc nếu theo mẫu bên A thì bên A phải cung cấp mẫu biên bản này cho bên B và mẫu biên bản này là một phần cấu thành Hợp đồng này)
 - Giấy đề nghị thanh toán.
- **Đợt 3:** Ngay sau khi bên B vận hành trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT (loại A) và có giấy phép xả thải cho Bên A thì hai bên cùng tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình. Bên B cung cấp đủ cho bên A các hồ sơ sauthi trong vòng 30 ngày Bên A có trách nhiệm thanh toán đến 100% giá trị của hợp đồng cho bên B.

Hồ sơ thanh toán lần 3 gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT);
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình theo mẫu bên B hoặc nếu theo mẫu bên A thì bên A phải cung cấp mẫu biên bản này cho bên B và mẫu biên bản này là một phần cấu thành Hợp đồng này;
- 01 bản kết quả phân tích nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Loại A);
- Giấy cấp phép xả thải;
- 01 Sổ tay hướng dẫn vận hành;
- 01 Bản vẽ hoàn công.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm Bên A

- Có trách nhiệm tạm ứng, thanh toán cho Bên B theo điều 4 của hợp đồng. Nếu Bên A không thực hiện đúng theo hợp đồng Bên A cam kết chịu phạt: Cứ 01 tuần chậm thanh toán phạt bằng 5% tổng giá trị dư nợ Bên A chậm thanh toán của các đợt thanh toán, nhưng không được chậm quá 15 ngày.
- Cung cấp đường điện, nước đến chân công trình cho Bên B thực hiện thi công;
- Đảm bảo có đủ nguồn nước thải sau khi Bên lắp đặt xong hệ thống thiết bị để Bên B tiến hành chạy thử và bàn giao hệ thống.
- Chịu trách nhiệm cung cấp lắp đặt các hạng mục sau: đường dẫn nước thải (từ các nơi phát thải đến bể yếm khí của trạm xử lý); đường điện nguồn 3 phase (20kW) tới chân công trình (tới vị trí yêu cầu của Bên B là nhà điều hành của trạm xử lý nước thải).

- Bố trí cán bộ giám sát khối lượng và chất lượng công trình trong suốt thời gian Bên B lắp đặt thiết bị. Tạo điều kiện về mặt bằng để Bên B thi công lắp đặt thiết bị.
- Lấy mẫu phân tích đối chứng sau khi Bên B cam kết đạt yêu cầu.
- Lựa chọn ít nhất là 1 cán bộ kỹ thuật có đủ khả năng và trình độ tiếp thu công việc vận hành, chuyển giao công nghệ và bảo dưỡng hệ thống.

Trách nhiệm Bên B

- Cử cán bộ có đủ trình độ, năng lực chỉ huy công trường. Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật trong xây dựng, chất lượng và tiêu chuẩn của công trình theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam và pháp luật hiện hành.
- Trong quá trình thi công, bên B đảm bảo an toàn các công trình hiện có của bên A. Bên B phải sử dụng các biện pháp thi công để không gây hư hại các công trình xung quanh.
- Đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công lắp đặt thiết bị đúng hồ sơ thiết kế, hệ thống được lắp đặt theo đúng thiết kế và kỹ thuật như qui định trong hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động và bố trí ăn ở, đi lại cho cán bộ kỹ thuật & công nhân trong quá trình thi công công trình. Chấp hành an ninh trật tự trong khu vực thi công và quy định của địa phương.
- Cung cấp đầy đủ hàng hóa, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại, hàng mới 100%.
- Cung cấp toàn bộ chứng chỉ về nguồn gốc hàng hóa, chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (CO, CQ).
- Huấn luyện cán bộ vận hành cho Bên A bao gồm: vận hành và bảo dưỡng hệ thống.
- Bàn giao đầy đủ các tài liệu liên quan đến Hợp đồng này.
- Đảm bảo thời gian tiến độ thi công lắp đặt theo đúng hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện đúng tiến độ theo hợp đồng Bên B cam kết chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng cho tuần chậm tiến độ nhưng không được chậm quá 15 ngày.
- Bên B cam kết đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Loại A).
- Trong quá trình thi công, nếu xảy ra sự cố do lỗi của bên B, Bên B phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những tổn thất xảy ra cho bên A.

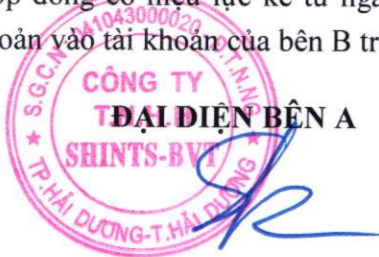
ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- Trong trường hợp một bên đơn phương hủy hợp đồng thì phải bồi thường cho bên kia 15% giá trị hợp đồng và phải hoàn trả số tiền đã nhận, trả lại nguyên trạng vị trí thi công ban đầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường nếu bên B thi công không đúng tiến độ và bên phải B bồi thường cho bên A toàn bộ thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết bằng văn bản và chủ động thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tạo điều kiện thúc đẩy công việc chung, đảm bảo quyền lợi cả hai bên.

- Trường hợp bất đồng mà hai bên không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toà án kinh tế Thành Phố Hà Nội xét xử. Quyết định của toà án là bắt buộc hai bên phải thực hiện, mọi chi phí do bên thua kiện chịu.
- Luật áp dụng: Luật Việt Nam.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký trong Hợp đồng cũng như các văn bản có liên quan. Bên nào vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường mọi thiệt hại do mình gây ra cho bên kia trong phạm vi Hợp đồng này.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của cả hai bên chỉ hoàn toàn được giới hạn trong nội dung của hợp đồng này.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung và giải quyết Bên A và Bên B có trách nhiệm cùng nhau bàn bạc và thống nhất biện pháp giải quyết.
- Hợp đồng này được thành lập 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng lần (đợt) 1 của bên A chuyển khoản vào tài khoản của bên B trong Hợp đồng này./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

**GIÁM ĐỐC
NAM SANG SIK**

ĐẠI DIỆN BÊN B



**Giám đốc
Lâm Thị Trang**

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ

Số: 01/2016/PL/ BK-SHINT BVT

(Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời hợp đồng số: 01/2016/HĐ/ BK-SHINT BVT)

(Đặc tính kỹ thuật kèm dự toán)

TT	Hạng mục	Quy cách/ Thông số	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	HẠNG MỤC XÂY DỰNG Tổng khối lượng: 15500 x 6000 x 3500 Theo bản vẽ đính kèm	- Đào đất, đóng cọc tre. - Bê tông lót móng dày 100 mác 200. - Đáy bể + thành bể: + Cốt thép phi 10 x 2 lớp, đan thép 150x150, đai phi 8. + Bê tông dày 200 mác 250. - Nắp bể cốt thép phi 10 x 1 lớp dày 100 mác 250.	M3	325.5	2,300,000	748,650,000
II	VẬT TƯ, THIẾT BỊ CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI					
1	Bể yếm khí					
1.1	Motor khuấy trộn đặt chìm trong bể	Xuất xứ: Evak, Đài Loan	Cái	1	38,625,000	38,625,000
		Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz				
		Tốc độ: 950vòng/phút				
		Bao gồm cả trụ đỡ và cánh khuấy bằng Inox 304				

2	Bể thiếu khí - Anoxic					
2.1	Motor khuấy trộn đặt chìm trong bể	Xuất xứ: Evak, Đài Loan	Cái	1	38,625,000	38,625,000
		Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz				
		Tốc độ: 950vòng/phút				
		Bao gồm cả trụ đỡ và cánh khuấy bằng Inox 304				
2.2	Dàn ống cấp khí u.PVC và giá đỡ Ino304	Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1	10,625,000	10,625,000
2.3	Đĩa phân phối khí bọt mịn	Xuất xứ: Heywey, Đài Loan	Cái	10	737,500	7,375,000
		Kích thước: 200-300mm				
		Vật liệu: Nhựa ABS				
3	Bể hiếu khí - Oxic					
3.1	Bơm thả chìm tuần hoàn về bể thiếu khí	Xuất xứ: DAB, Châu Âu	Cái	2	18,312,500	36,625,000
		Lưu lượng: 5-8m ³ /h; cột áp: H=6-8m				
		Điện năng: 0,37-0,55kw/380V/50Hz				
3.2	Máy thổi khí đặt cạn	Xuất xứ: HeyweyĐài Loan	Cái	2	49,625,000	99,250,000

		Lưu lượng: 2-3 m ³ /phút; cột áp: H=4m				
		Điện năng: 3,7kw/380V/50Hz				
		Bao gồm: Trộn bộ động cơ, đầu thổi, giảm thanh, nổi mềm v...v				
3.3	Dàn ống cấp khí u.PVC và giá đỡ Ino304	Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1	15,125,000	15,125,000
3.4	Đĩa phân phối khí bọt mịn	Xuất xứ: Heywey, Đài Loan	Cái	40	600,000	24,000,000
		Kích thước: 200-300mm				
		Vật liệu: Nhựa ABS				
3.5	Đệm vi sinh dạng di động MBBR	Xuất xứ: Việt Nam	m ³	12	7,500,000	90,000,000
		Kích thước dạng cầu: D8-10mm				
		Vật liệu: Nhựa				
4	Bể lắng bùn sinh học					
4.1	Bơm bùn thả chìm + thiết bị khác trộn bộ	Xuất xứ: DAB, Châu Âu	Cái	2	17,312,500	34,625,000
		Lưu lượng: 5-6m ³ /h; cột áp: H=6-8m				
		Điện năng: 0,37-0,55kw/380V/50Hz				
5	Bể chứa trung gian					

5.1	Bơm ly tâm đặt cạn cấp lọc	Xuất xứ: DAB, Italia	Cái	2	17,560,000	35,120,000
		Lưu lượng: 3-5m3/h; cột áp: H=20-30m				
		Điện năng: 0,55-0,75kw/380V/50Hz				
5.2	Thiết bị lọc tinh	Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	19,600,000	19,600,000
		Lưu lượng: 3-5m3/h				
		Kích thước: DxH=450x1850mm				
		Vật liệu: Composite				
5.3	Van 3 cửa bán tự động	Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	5,000,000	5,000,000
		Lưu lượng: 3-5m3/h				
		Chức năng: Lọc, rửa ngược, rửa xuôi				
		Vật liệu: ABS/HDPE				
5.4	Vật liệu lọc chuyên dụng khử NH3, SS, TDS	Xuất xứ: Đài Loan	Gói	1	15,625,000	15,625,000
		Dạng: Hấp phụ Ion				
		Khối lượng: 50 lít				
5.5	Cát thạch anh và sỏi đỡ	Xuất xứ: Việt Nam	Gói	1	4,300,000	4,300,000

		Dạng: Hấp phụ Ion				
		Khối lượng: 160kg				
5	Bể khử trùng nước thải					
5.1	Hệ thống pha chế hóa chất khử trùng		Cái	1	7,000,000	7,000,000
a	Bồn chứa và pha chế hóa chất	Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	5,250,000	5,250,000
		Dung tích: 500 lít				
b	Motor giảm tốc khuấy trộn hóa chất	Xuất xứ: Tungle, Đài Loan	Bộ	1	14,500,000	14,500,000
		Công suất: 0,4kW/380V/50Hz				
		Tốc độ: 110-150 vòng/phút				
		Bao gồm cả trụ đỡ và cánh khuấy bằng Inox 304				
c	Bơm định lượng hóa chất	Xuất xứ: Hanna, Romania	Cái	1	12,750,000	12,750,000
		Lưu lượng: 0-18,3 lít/h; cột áp: H=3bar				
		Điện năng: 0,1-0,2kw/380V/50Hz				
III	CHI PHÍ KHÁC					
1	Hệ thống điện, động lực điều khiển	Bao gồm: Tủ điều khiển, dây máng cáp trọn gói	Hệ	1	48,000,000	48,000,000

2	Đường ống và phụ kiện u-PVC trọn gói		Hệ	1	38,000,000	38,000,000
3	Chi phí vận chuyển, lắp đặt đầu nối hoàn thiện hệ thống	Từ Hà Nội đến Hải Dương	Hệ	1	30,000,000	30,000,000
4	Chi phí bùn gốc, men vi sinh, hóa chất vận hành chạy thử		Hệ	1	28,000,000	28,000,000
5	Chi phí vận hành chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ	Kỹ thuật viên vận hành chạy thử và hướng dẫn vận hành trong 30-45 ngày	Hệ	1	10,000,000	10,000,000
6	Chi phí quan trắc, phân tích, lập hồ sơ xin cấp phép xả thải		Gói	1	78,000,000	78,000,000
Tổng chưa bao gồm VAT						1,494,670,000
(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.						
Kinh phí trên chưa bao gồm VAT 10%						



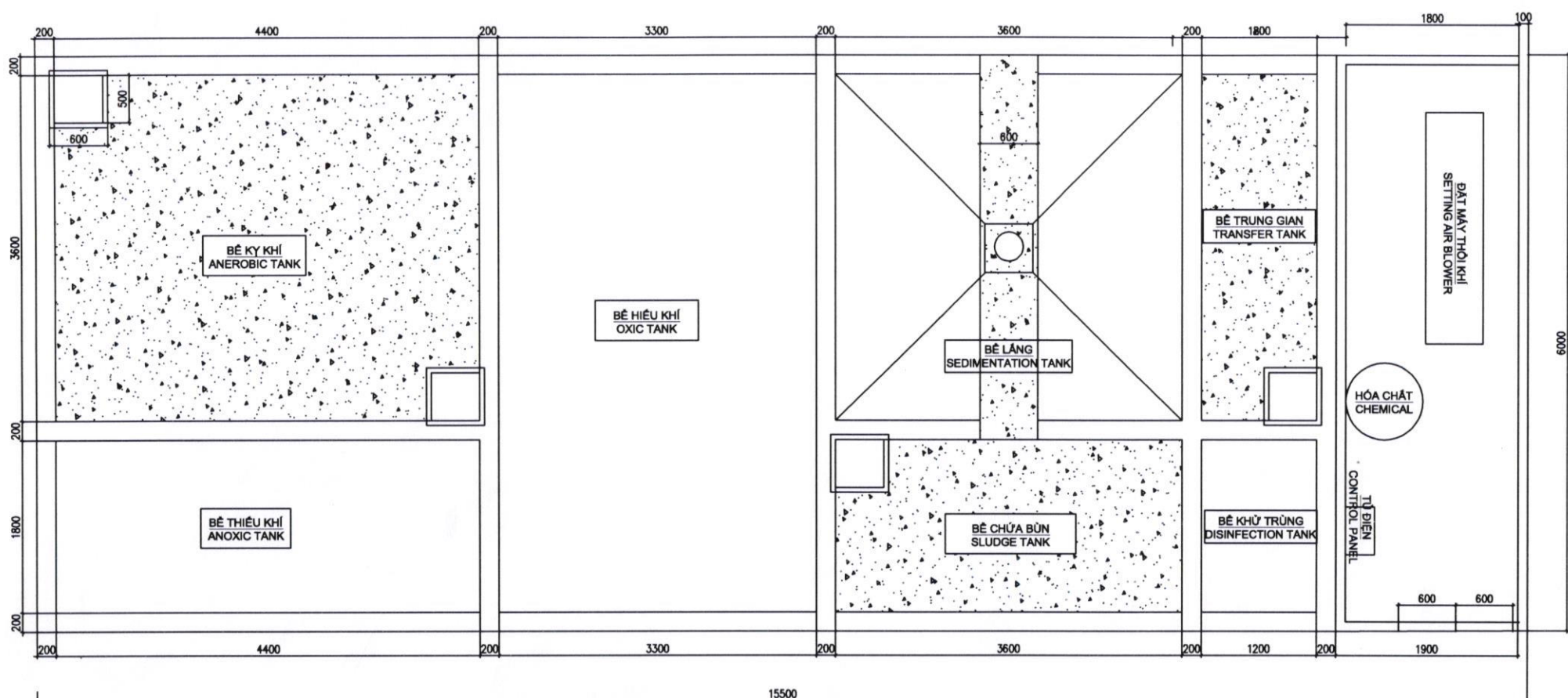
ĐẠI DIỆN BÊN A

**GIÁM ĐỐC
NAM SANG SIK**

ĐẠI DIỆN BÊN B

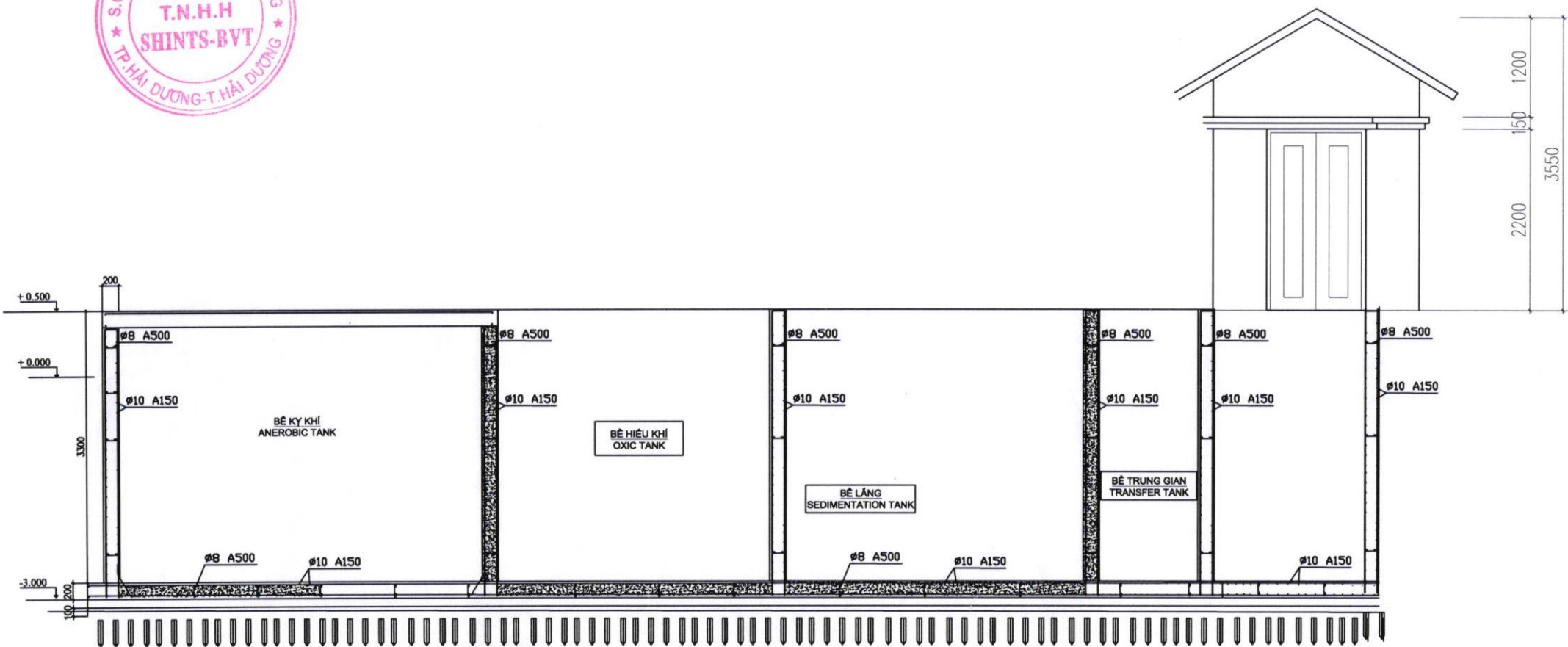


Gram đốc
Lâm Thị Trang



MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
 LAYOUT OF DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT PLANT
 CHÚ THÍCH:

1. BỂ XÂY CỘT ĐÁY -3,0M, CỘT NẬP +0,5M SO VỚI CỘT 0.0
2. BỂ XÂY BÊ TÔNG CỘT THÉP, TƯỜNG 200, MÁC 250, TRÁT TRONG NGOÀI DÀY 2MM, BÊN TRONG ĐÁNH MÀU 2 LỚP
3. ĐÁY BỂ ĐỒ BÊ TÔNG CỘT THÉP DÀY 200, MÁC 250
4. NẬP BỂ ĐỒ 100, NẬP BỂ KỶ KHÍ, BỂ CHỨA BÙN, SÀN THAO TÁC BỂ LẮNG ĐỒ BÊ TÔNG CỘT THÉP DÀY 100, MÁC 250
5. NHÀ ĐIỀU HÀNH XÂY GẠCH, TƯỜNG 10, MÁI TÔN CHỐNG NÓNG, NỀN NHÀ LẮNG VỮA, ĐỒ BÊ TÔNG BỆ MÁY THỔI KHÍ





**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH, BÀN GIAO
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

(Số: 01/2016/HĐ/ BK-SHINT BVT)

1. Công trình: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
2. Hạng mục: Xây dựng cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ và lập hồ sơ xin cấp phép xả thải cho trạm xử lý nước thải sinh hoạt 100m³/ngày Chi nhánh Thanh Miện theo hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ/BK-SHINT BVT ký ngày 19/08/2016.
3. Địa điểm thi công : Công ty TNHH Shints BVT Chi Nhánh Thanh Miện.
4. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a) Đại diện chủ đầu tư:
 - Ông (Bà) : – Công ty TNHH Shints Bvt.
 - Ông : Nguyễn Văn Đỗ – Công ty TNHH Shints Bvt.
 - Ông : – Công ty TNHH Shints Bvt.
 - b) Đại diện đơn vị thi công:
 - Ông... Lương Xuân Hải... – Cty cổ phần tư vấn năng lượng & môi trường Mad.
 - Ông (Bà) ... Nguyễn Thị Mai... - Cty cổ phần tư vấn năng lượng & môi trường Mad.
5. Thời gian tiến hành nghiệm thu công trình:
Bắt đầu từ giờ phút đến giờ phút ngày 23 tháng 12 năm 2017.
6. Đánh giá hạng mục:
 - 6.1 Hạng mục xây dựng bể:
 - Xây dựng đúng diện tích, quy cách như theo bản vẽ thiết kế. Hiện tại, xung quanh bể không bị rò rỉ, không bị ngấm nước, không có dấu hiệu bất thường.
 - Các hạng mục xây dựng gồm:
 - + Đào đất đóng cọc tre.
 - + Bê tông lót móng dày 100 mác 200.
 - + Cốt thép phi 10 x 2 lớp, đan thép 150x150, đai phi 8.
 - + Bê tông dày 200 mác 250.
 - + Nắp bể cốt thép phi 10 x 1 lớp, dày 100 mác 250.
 - 6.2 Hạng mục thiết bị:
 - **Về chất lượng:** Đúng quy cách, ký mã hiệu, chủng loại như hợp đồng đã ký kết, toàn bộ thiết bị bàn giao mới 100% theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Danh sách thiết bị bao gồm:

TT	Hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể yếm khí				
1.1	Motor khuấy trộn đặt chìm trong bể	Xuất xứ: Evak, Đài Loan, Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz	Cái	1	Hoạt động
2	Bể điều hòa				
2.1	Bơm nước thải thả chìm	Xuất xứ: DAB, Châu Âu, Lưu lượng: 5-8m ³ /h; cột áp: H=6-8m, Điện năng: 0,37-0,55kw/380V/50Hz	Cái	2	Hoạt động
2.2	Dàn ống cấp khí uPVC và giá đỡ ống	Xuất xứ Việt nam	Hệ	1	Hoạt động
3	Bể thiếu khí - Anoxic				
3.1	Motor khuấy trộn đặt chìm trong bể	Xuất xứ: Evak, Đài Loan, Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz	Cái	1	Hoạt động
4	Bể hiếu khí - Oxic				
4.1	Bơm thả chìm tuần hoàn về bể thiếu khí	Xuất xứ: DAB, Châu Âu, Lưu lượng: 5-8m ³ /h; cột áp: H=6-8m, Điện năng: 0,37-0,55kw/380V/50Hz	Cái	2	Hoạt động
4.2	Máy thổi khí đặt cạn	Xuất xứ: Heywey, Đài Loan, Lưu lượng: 2-3 m ³ /phút; cột áp: H=4m, Điện năng: 3,7kw/380V/50Hz	Cái	2	Hoạt động
4.3	Dàn ống cấp khí uPVC và giá đỡ ống	Xuất xứ Việt nam	Hệ	1	Hoạt động
4.4	Đĩa phân phối khí bọt mịn	Xuất xứ: Heywey, Đài Loan, Kích thước: 200-300mm, Vật liệu: Nhựa ABS	Cái	40	Hoạt động

4.5	Đệm vi sinh dạng di động MBBR	Xuất xứ: Việt Nam, Kích thước dạng cầu: D8-10mm, Vật liệu: Nhựa ABS	m3	12	Hoạt động bổ sung
5	Bể lắng bùn sinh học				
5.1	Bơm bùn thả chìm	Xuất xứ: DAB, Châu Âu, Lưu lượng: 5-6m3/h; cột áp: H=6-8m, Điện năng: 0,37-0,55kw/380V/50Hz	Cái	1	Hoạt động bổ sung
6	Bể chứa trung gian				
6.1	Bơm ly tâm đặt cạn cấp lọc	Xuất xứ: DAB, Italia, Lưu lượng: 3-5m3/h; cột áp: H=20-30m, Điện năng: 0,55-0,75kw/380V/50Hz	Cái	2	Hoạt động bổ sung
6.2	Thiết bị lọc tinh	Xuất xứ: Trung Quốc, Lưu lượng: 3-5m3/h, Kích thước: DxH=450x1850mm, Vật liệu: Composite	Cái	1	Hoạt động bổ sung
6.3	Ván 3 cửa bán tự động	Xuất xứ: Trung Quốc, Lưu lượng: 3-5m3/h, Chức năng: Lọc, rửa ngược, rửa xuôi, Vật liệu: ABS/HDPE	Cái	1	Hoạt động bổ sung
6.4	Vật liệu lọc chuyên dụng khử NH3,SS,TDS	Xuất xứ: Đài Loan, Dạng: Hấp phụ Ion, Khối lượng: 50 lít	Gói	1	Hoạt động bổ sung
6.5	Cát thạch anh và sỏi đá	Xuất xứ: Việt Nam, Khối lượng: 160kg, Dạng: Hấp phụ Ion,	Gói	1	Hoạt động bổ sung
7	Bể khử trùng nước thải				
7.1	Hệ thống pha chế hóa chất khử trùng				Hoạt động bổ sung



A	Bồn chứa và pha chế hóa chất	Xuất xứ: Việt Nam, Dung tích: 500 lít	Cái	1	Hoạt động tốt
B	Motor giảm tốc khuấy trộn hóa chất	Xuất xứ: Tungle, Đài Loan, Công suất: 0,4kW/380V/50Hz, Tốc độ: 110-150 vòng/phút	Bộ	1	Hoạt động tốt
C	Bơm định lượng hóa chất	Xuất xứ: Hanna, Romania, Lưu lượng: 0-18,3 lít/h; cột áp: H=3bar, Điện năng: 0,1-0,2kw/380V/50Hz	Cái	1	Hoạt động tốt

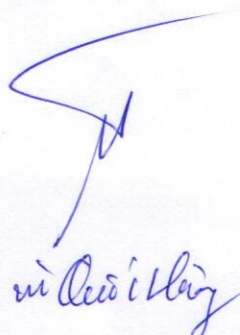
- Thi công, **Xây dựng cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ** đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- **Về lắp đặt, chạy thử:** đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bên A. Chất lượng nước đạt loại A của QCVN 40:2011/BTNMT (Theo kết quả kiểm nghiệm nước thải đầu ra số 5765/2017/KQQT ngày 15/12/2017 kèm theo bản nghiệm thu này).
- Bên B đã tiến hành đào tạo và hướng dẫn vận hành hệ thống cho Bên A, có chữ ký của những người tham gia đào tạo..

7. **Các vấn đề phát sinh:** Không.

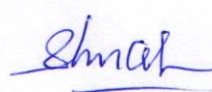
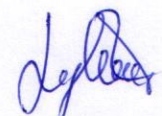
8. **Kết luận số lượng thực tế thi công tại công trình:** như bảng kê chi tiết kèm theo.

Biên bản này được lập thành 02 bản dùng làm cơ sở cho việc Quyết toán và Thanh lý hợp đồng số 01/2016/HĐ/BK-SHINT BVT ký ngày 19/08/2016, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ


Nguyễn Văn An

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

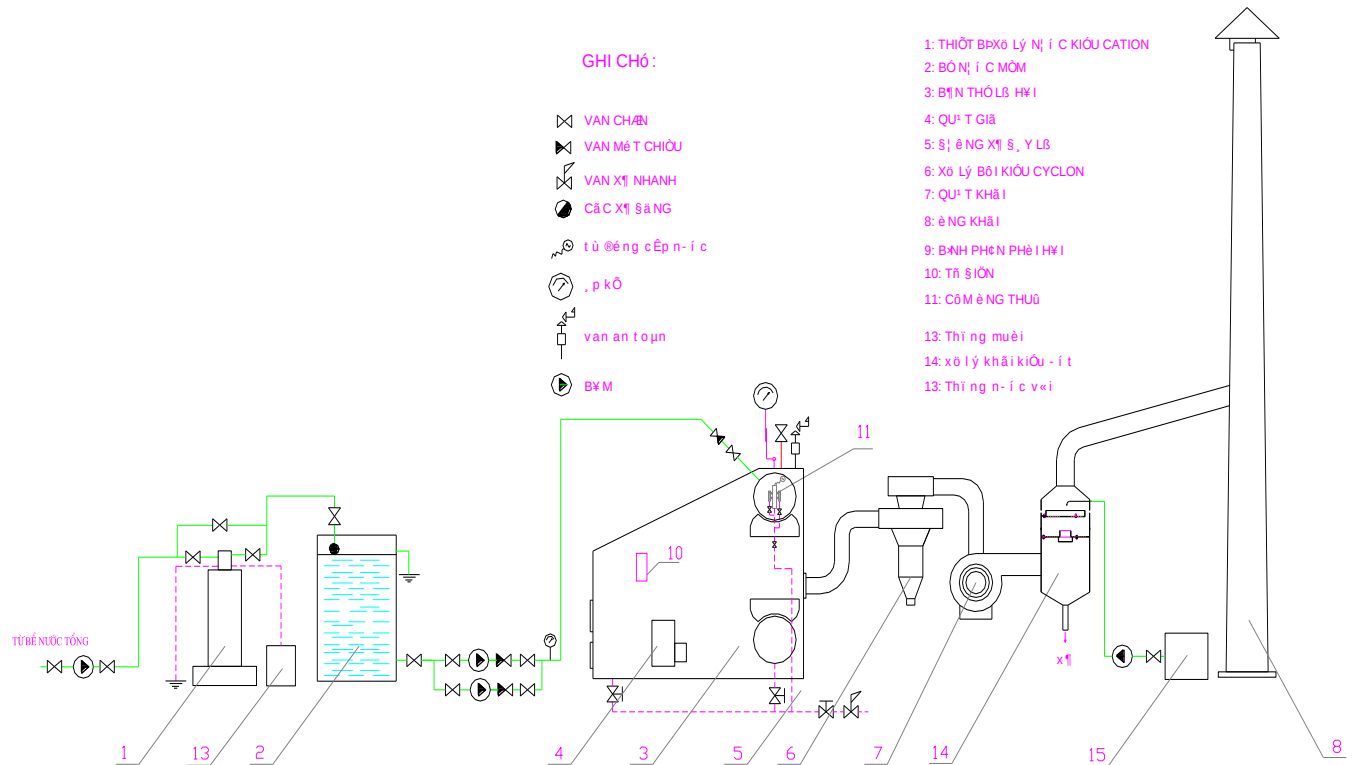

Nguyễn Thị Ngọc

Lương Xuân Hải

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN/ VẢI

Cho nguyên liệu vào Buồng Đốt + Quạt thổi đưa gió vào Buồng Đốt → Đốt cháy nhiên liệu tạo ra khí nóng → Khí thải tiếp tục đi qua thân Nồi Hơi → Qua Lọc Bụi Ly Tâm → Quạt Hút → Qua lọc bụi ướt bằng áp lực → Lọc Bụi Phun Sương → Ống Khói.

**Kích thước trong hình minh họa có thể thay đổi tùy theo công suất của lò hơi*



Sơ đồ đường đi của Khí thải

I. QUẠT THỔI

Quạt thổi cấp gió, oxy cho quá trình đốt nhiên liệu làm cho nhiên liệu được cháy hết hoàn toàn nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ cũng như làm giảm lượng khí thải ra môi trường.

II. BUỒNG ĐỐT

Buồng Đốt là nơi trực tiếp nhận và đốt nhiên liệu, hoạt động đốt cháy nhiên liệu xảy ra tại đây. Từ đây khí nóng nhiệt độ cao được theo dòng lưu thông gió của Quạt hút qua các giàn ống sinh hơi qua hệ thống khử bụi lọc ly tâm và được quạt hút thổi vớt áp lực 80 đến 150 mmH₂O vào bể khử bụi ướt, dòng khói đi lên qua hệ thống phun ướt bằng nước đá vôi trong trước khi thải

ra môi trường. Khí nóng bắt đầu sinh ra tại đây nên quá trình xử lý khí thải cũng được bắt đầu khi vừa mới sinh ra, đảm bảo cho khí thải cuối cùng đào thải ra môi trường được xử lý tốt nhất.

III. NỒI HƠI

Khí nóng sau khi được đốt cháy sẽ theo dòng lưu thông của Quạt Hút dẫn sang phần Nồi Hơi.

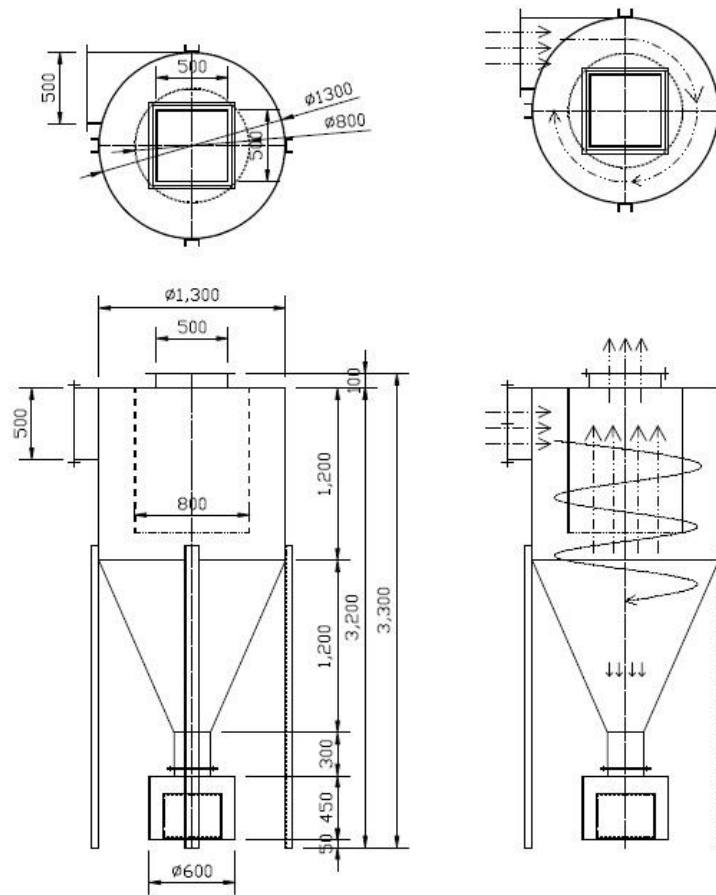
Nồi Hơi là phần sinh hơi chính của Hệ thống Lò Hơi. Nồi Hơi gồm có rất nhiều các ống lửa để dẫn khí nóng qua, tiếp xúc và hấp thụ nhiệt sinh ra hơi phục vụ cho sản xuất.

Hơi nóng sẽ tiếp tục theo đường dẫn sang phần Lọc Bụi.

IV. LỌC BỤI LY TÂM

Được thiết kế theo dạng hình nón, lớn phía trên và thu nhỏ phần dưới.

Hộp dẫn được đặt lệch sang 1 bên của Lọc Bụi, bên trong của lọc ly tâm được thiết kế thêm ống hình trụ rỗng. Khí nóng khi được dẫn vào sẽ chuyển động tròn xung quanh của trụ tạo ra lực xoáy ly tâm, và bị cuốn dần xuống phía dưới đáy nhỏ của Lọc Bụi. Các hạt bụi thô, nặng trong khí sẽ theo quán tính bị cuốn xuống, và bị giữ lại tại phần đệm tro bụi của Lọc Bụi. Còn khí nóng thì sẽ đi ngược lên phía trên theo ống trụ, theo dòng lưu thông của Quạt Hút.



Lọc Bụi Ly Tâm

V. QUẠT HÚT

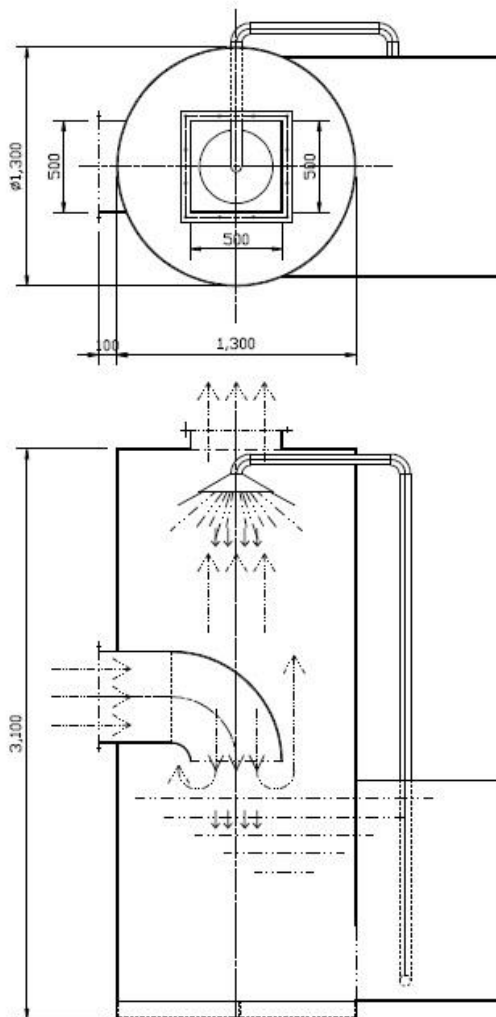
Khí nóng sau khi ra khỏi Lọc Bụi Ly Tâm sẽ được lưu thông sang Quạt Hút.

Quạt Hút tạo ra gió làm lưu thông dòng chuyển động của khí nóng đi qua các bộ phận của Hệ thống Lò Hơi theo đúng quy trình.

VI. LỌC BỤI NƯỚC

Khí nóng sau khi đi ra khỏi Quạt Hút sẽ được chuyển trực tiếp sang Lọc Bụi Nước. Lọc Bụi Nước có phần phun sương bên trong, và chứa nước phục vụ cho quá trình phun sương dùng để lọc các hạt bụi nhỏ mà Lọc Bụi Ly Tâm chưa xử lý được.

Khí thải khi vừa được đưa vào Lọc Bụi Nước sẽ bị thổi trực tiếp xuống mặt nước. Các hạt bụi sẽ bị giữ lại một phần trong nước, phần khí còn lại sẽ bị đẩy ngược lên trên phía hộp dẫn.



Lọc bụi nước

Phần phun sương được làm từ các ống sắt, được đục các lỗ nhỏ. Khi nước được bơm vào các ống phun sương thì sẽ được tạo thành các hạt sương, phun trực tiếp vào dòng khí nóng đang lưu thông lên hộp dẫn. Khí nóng sau khi đi qua các hạt sương này thì sẽ bị giữ lại các hạt bụi nhỏ, bụi này sẽ được giữ lại trong phần nước phía dưới và lắng cặn xuống đáy. Phần khí thải sau khi được đi qua Lọc Bụi phun sương thì phần còn lại chỉ còn là lượng khí đã được làm mát bằng nước, thoát ra môi trường theo đường Ống Khói.

VII. ỐNG KHÓI

Ống khói là nơi chứa khí thải cuối cùng trong quá trình lưu thông xử lý khí thải, đưa khí thải lên cao rồi thải ra ngoài môi trường.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(*Electronic invoice display*)

Ngày (date) 30 tháng (month) 12 năm (year) 2019

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): BK/19E

Số (No.): 0000017

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Mã số thuế (Tax code): 0102807466

Địa chỉ (Address): Số 29 Lê La Thành, Phường Phương Liên - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại (Tel): 0986.070.929 - 0243.572.1062 Fax: 0243.572.1062 Website: www.conhietbachkhoa.vn

Số tài khoản (Account No.): 100114851031320 Ngân hàng (Bank): Thương Mại CP XNK Việt Nam - CN Hà Nội

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Mã số thuế (Tax code): 0800006025

Địa chỉ (Address): Khu dân cư Phú Tảo, phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số tài khoản (Account No.): _____ Ngân hàng (Bank): _____

Hình thức thanh toán (*Payment method*): CK

Ghi chú (Note):

[illegible]

Cộng tiền hàng (<i>Total amount</i>):	1.990.665.000
--	---------------

Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 %

Tiền thuế GTGT (VAT amount):	199.066.500
-------------------------------------	-------------

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (<i>Total payment</i>):	2.189.731.500
--	---------------

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai tỷ một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Signature valid

Ký bởi **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN**

KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Ký ngày 30/12/2019

BALANCE BETWEEN THE QUANTITY OF CONTRACT AND THE ACTUAL QUANTITY OF ACCEPTANCE TEST
(Install the Boiler of 2000 kg hơi/h (F2+F3) according The contract No.: 15/2019/HĐKT/BK-SHINTSBVT dated May.,28.2019)

TT	Tên hàng	Địa điểm	Quy cách	Đơn vị tính	Hợp đồng	Q'TY OF CONTRACT			QUANTITY OF ACCEPTANCE TEST			BALANCE	
No	Name of goods	Place	specification	Unit	Contract	Số lượng	Giá	Thành tiền	Số lượng	Giá	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
						Quantity	Price	Amount	Quantity	Price	Amount	Quantity	Amount
I. BOILER 2000 KG STEAM/H.													
1	BOILER 2000 KG STEAM/H	F2+F3		Bộ	NO. 15/2019/HĐKT/BK-SHINTSBVT dated May.,28.2019	2	985,000,000	1,970,000,000	2	985,000,000	1,970,000,000	0.00	-
Total (1)							1,970,000,000			1,970,000,000		-	
II. ADDITIONAL PIPE													
1	STEAM PIPE FI 76MM	F2	Including: Steel C20, heat-resistan insulation + Labor cost +Pressure welding rod, Tee, Elbow...	m	NO. LPL26082019 dated Aug. 26, 2019	10	550,000	5,500,000	13	550,000	7,150,000	3.00	1,650,000
2	STEAM PIPE FI 60MM		Including: Steel C20 + Labor cost +Pressure welding rod, Tee, Elbow...	m		20	280,000	5,600,000	8	280,000	2,240,000	-12.00	(3,360,000)
3	STEAM PIPE FI 76MM	F3	Including: Steel C20, heat-resistan insulation + Labor cost +Pressure welding rod, Tee, Elbow...	m		10	550,000	5,500,000	20.5	550,000	11,275,000	10.50	5,775,000
4	STEAM PIPE FI 60MM		Including: Steel C20 + Labor cost +Pressure welding rod, Tee, Elbow...	m		20	280,000	5,600,000	0	280,000	0	-20.00	(5,600,000)
Total (2)								22,200,000			20,665,000		(1,535,000)
Total (1+2)								1,992,200,000			1,990,665,000		(1,535,000)
VAT 10%								199,220,000			199,066,500		(153,500)
Total include VAT 10%								2,191,420,000			2,189,731,500		(1,688,500)
1st Advance											866,800,000		
2nd Advance											866,800,000		
Total remaining amount must be paid											456,131,500		

Nhóm mua hàng Purchasing Team	Trưởng phòng mua hàng Purchasing Team Leader	Giám đốc quản lý tổng hợp Management Support Division Director	Giám đốc Director

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số : 15/2019/HĐKT/BK- BVT)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của các bên,

Hôm nay, ngày 28 tháng 05 năm 2019, tại Văn phòng Công ty TNHH Shints BVT.
Chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ : Khu dân cư Phú Tảo – Phường Thạch Khôi – Thành phố Hải Dương –
Tỉnh Hải Dương.

Đại diện : Ông **KIM KWAN SIK**

Chức vụ : Giám đốc

MST : 0800006025

Điện thoại : 0220 -3861 727

BÊN B : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Địa chỉ : Số nhà 29 – Đê La Thành – Phường Liên – Đống Đa – Hà Nội

Đại diện : Ông **MẠC VĂN ĐÔ**

Chức vụ : Giám đốc

MST : 0102807466

Điện thoại : 024-3572 1062

Tài khoản : 1715 1485 103 1320 tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (EXIMBANK Hà Nội).

Email : bkhoa.ltd@gmail.com

Website : www.conhietbachkhoa.vn

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán hàng hoá với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung công việc phải thực hiện và điều kiện vật liệu đốt lò.

1.1. Nội dung công việc phải thực hiện.

Bên A đồng ý giao cho bên B và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc **Cung cấp và lắp đặt Nồi hơi đa năng, đốt hỗn hợp nhiên liệu vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mỳ cưa. Số lượng cụ thể như sau:**

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mỳ cưa) công suất 2000kg hơi/h, P=10 KG/cm ²	Bộ	02	985.000.000	1.970.000.000
	Cộng				1.970.000.000
	<i>VAT 10%</i>				<i>197.000.000</i>
	Tổng cộng				2.167.000.000

Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu đồng!

Chi tiết như Bảng Thông số và đặc tính kỹ thuật đính kèm!

1.2. Điều kiện vật liệu đốt lò.

- Chỉ đốt Than, gỗ, bánh trấu, bánh mỳ cưa, gỗ, củi, Vải vụn.
- Không đốt nhiên liệu: Ni lông, nhựa, cao su, bông, xốp, vải có hàm lượng polyester $\geq 70\%$.
- Khi đốt vải phải đốt kèm với giấy trong ngành may,
- Không đốt rác thải sinh hoạt hay rác thải công nghiệp.

Điều 2. Hình thức hợp đồng

- Hợp đồng trọn gói về thiết bị,
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh vật tư thiết bị ngoài phạm vi cung cấp của hợp đồng, bên B sẽ gửi công văn sang bên A để hai bên cùng xác nhận. Hai bên cùng tiến hành ký "Phụ lục hợp đồng kinh tế" cho các khoản, mục, số lượng phát sinh. Mọi chi phí phát sinh ngoài phạm vi cung cấp hợp đồng, bên A sẽ thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng giá trị hai bên thoả thuận.

Điều 3. Hiệu lực, thời gian hoàn thành, địa điểm lắp đặt và sản phẩm hợp đồng.

3.1. Hiệu lực hợp đồng: Kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng kinh tế.

3.2. Thời gian hoàn thành: Trước ngày 02/09/2019 (*Chỉ được lắp đặt, hoàn thiện và vận hành ổn định trong vòng 03 ngày từ ngày 31/08/2019-02/09/2019*)

3.3. Địa điểm lắp đặt:

- 01 Bộ Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mùn cưa) công suất 2000kg hơi/h, $P=10 \text{ KG/cm}^2$ lắp tại Công ty TNHH Shints BVT – Chi nhánh Thái Nguyên – Thị Trấn Đu, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên.

- 01 Bộ Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mùn cưa) công suất 2000kg hơi/h, $P=10 \text{ KG/cm}^2$ lắp tại Công ty TNHH Shints BVT – Chi nhánh Thanh Miện – Xã Tứ Cường, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương.

3.4. Sản phẩm hợp đồng:

- Lắp đặt hoàn thiện các hạng mục theo phụ lục hợp đồng đính kèm, nghiệm thu và bàn giao cho bên A đưa vào sử dụng;

- Nghiệm thu cấp phép sử dụng nồi hơi, cung cấp 02 bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Kết quả quan trắc môi trường đạt theo tiêu chuẩn hiện hành

- Cấp chứng chỉ vận hành cho 02 công nhân vận hành phù hợp với quy định của nhà nước (Bên A cung cấp: 01 bản CMT photo + 04 ảnh 4x6 + 01 Giấy Khám sức khỏe của bệnh viện uy tín + Lý lịch bản thân được xác nhận của UBND).

Điều 4. Phương thức thanh toán: Bằng tiền Việt Nam đồng, chuyển khoản qua ngân hàng và chia làm 03 đợt:

- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B 40% Tổng giá trị ngay sau khi ký kết hợp đồng.

- Đợt 2: Bên A thanh toán tiếp 40% Tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi Bên B chuyển toàn bộ lò hơi và đầy đủ các vật tư để lắp đặt lò hơi đến chân công trình. Nếu trong vòng tối đa 03 ngày mà bên B chưa nhận được thanh toán Đợt 2 thì bên B có quyền ngừng thi công đến khi bên B nhận được tiền tạm ứng, tiến độ chậm công trình bên B không chịu trách nhiệm.

- Đợt 3: Bên A thanh toán 20% - phần còn lại của hợp đồng và các chi phí phát sinh (nếu có) trong vòng 30 ngày kể từ ngày đại diện 02 bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B cung cấp đầy đủ các giấy tờ như Điểm 3.4 Điều 3 của hợp đồng và hóa đơn tài chính hợp pháp.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của bên A

5.1. Đưa nguồn điện, nước đảm bảo công suất đến đầu nhà lò.

- 5.2. Tháo dỡ mái và lắp đặt hoàn lại, chuẩn bị mặt bằng, tháo dỡ các hạng mục liên quan quá trình vận chuyển để thuận lợi bên B thi công.
- 5.3 Cung cấp nhiên liệu chạy thử lò hơi.
- 5.4 Cấp điện thi công cho bên B.
- 5.5 Xây nhà lò hơi, mái che các thiết bị, kho nhiên liệu, bể nước cấp và nước hồi (2m³)
- 5.6 Bố trí công nhân vận hành trong thời gian bên B lắp đặt để bên B hướng dẫn.
- 5.7 Chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng ký kết với Bên B và thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết;
- 5.8 Bổ sung quy hoạch, xin cấp phép xả khí thải với các đơn vị chức năng;
- 5.9 Phối hợp chặt chẽ với Bên B, hỗ trợ Bên B tối đa tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình thi công lắp đặt và làm thủ tục cam kết môi trường.
- 5.10 Thực hiện thanh toán hợp đồng cho Bên B theo quy định tại Điều 4;
- 5.11 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 5.12 Có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu việc Kiểm tra thử mẫu vật liệu của bên B không đạt yêu cầu hoặc vật liệu không đúng nguồn gốc xuất xứ khi đó bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc này.
- 5.13 Có quyền cho ngừng thi công lắp dựng nếu nhân viên bên B không được trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động đầy đủ hoặc thi công không đảm bảo kỹ thuật, hay vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng.
- 5.14 Có quyền mời đơn vị khác vào thi công nếu bên B không thực hiện đúng tiến độ cam kết, mọi thiệt hại phát sinh do bên B chịu.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của bên B

- 6.1. Bên B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ những nội dung về Phạm vi công việc ghi trong hợp đồng này; Chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, quy trình sản xuất đảm bảo việc sử dụng an toàn theo quy định của pháp luật cho các hàng hóa thuộc diện quản lý của nhà nước.
- 6.2. Có quyền yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ mặt bằng thi công, nguồn điện, nguồn nước, nhà lò hơi, móng lò hơi, mái che thiết bị, nhiên liệu chạy thử; Trường hợp Bên A không cung cấp được đầy đủ tài hạng mục theo kế hoạch nêu trong Điều 5.5, Bên B có quyền yêu cầu kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng;
- 6.3. Bồi thường 100% thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba nếu thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật;
- 6.4. Đảm bảo tiến độ lắp đặt, chất lượng, mỹ thuật, kỹ thuật công trình.

- Thân lò hơi: 36 tháng.

Tuy nhiên A phải có trách nhiệm thực hiện công việc như sau:

+ 01 Tháng 1 lần bảo dưỡng đường khói, làm sạch các ống sinh hơi, làm sạch ống cấp gió buồng đốt (01 tuần/01 lần)

+ Hàng năm bỏ chi phí phá cầu cạn lò hơi, tẩy rửa hóa chất.

- Các thiết bị phụ khác (Nhu van, bơm, ống thủy, tủ điện,...): 12 tháng

- Bên B có trách nhiệm cử kỹ thuật đến xử lý bảo hành chậm nhất trong vòng 06h kể từ khi nhận được thông báo của bên A, Bao gồm cả ngày lễ và chủ nhật. Trong trường hợp chậm trễ bên A có quyền thuê bên khác đến xử lý, toàn bộ các chi phí phát sinh bên B có trách nhiệm chuyển trả cho bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng từ đề nghị thanh toán.

Trường hợp Không bảo hành:

- Hỏng hóc do người sử dụng thực hiện không đúng quy chế vận hành do Bên B chuyển giao.

- Các trường hợp cố tình phá hoại hoặc gây hỏng hóc

- Các trường hợp bất khả kháng như hoả hoạn, thiên tai, dịch hoạ.

- Các trường hợp bên A không lắp hệ thống xử lý nước hoặc chất lượng nước không đảm bảo (như nước có độ mặn, độ lợ, có tính chất ăn mòn, .v.v) gây bục ống, cháy mặt sàng.

Điều 8. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

8.1 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với Bên A cho bất cứ bên thứ ba nào không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho bên thứ ba có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

8.2 Các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên B. Khi Bên B có yêu cầu, Bên A phải trả lại cho Bên B các tài liệu này (bao gồm cả các bản sao) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 9. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên B cung cấp cho Bên A.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng

10.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không bên nào được tự ý đơn phương sửa đổi nội dung hợp đồng.

10.2. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng phải được sự thống nhất giữa hai bên và được lập thành phụ lục hợp đồng.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm hợp đồng

11.1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 12 và trách nhiệm cung cấp thông tin số liệu quy định tại Điều 5, 6, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường thiệt hại hoặc một khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng, cụ thể như sau:

11.2. Nếu Bên B vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại **Điều 3.2** hợp đồng này sẽ chịu phạt 1% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày bị chậm. Tổng giá trị phạt không quá 5% giá trị hợp đồng.

11.3. Bên A vi phạm về thanh toán hợp đồng quy định **Điều 4** hợp đồng này sẽ chịu phạt 1% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày bị chậm. Tổng giá trị phạt không quá 5% giá trị hợp đồng.

Điều 12. Trường hợp bất khả kháng

12.1 Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: động đất, chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh.

12.2 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

12.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

12.4 Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp, Hai bên có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.

13.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Cơ quan có thẩm quyền Tỉnh Hải Dương để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và án phí do bên thua chịu

Điều 14. Hiệu lực của hợp đồng

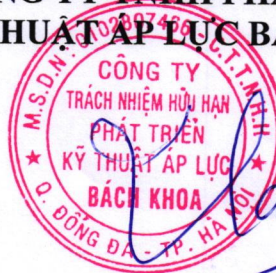
- 14.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 14.2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản.
- 14.3. Hợp đồng sẽ được các bên tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực cũng như mọi nghĩa vụ liên quan khác khi bên A và bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ hợp đồng trên cơ sở Biên bản thanh lý hợp đồng.

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT



GIÁM ĐỐC
KIM KWAN SIK

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



GIÁM ĐỐC
Mạc Văn Đô

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Nhà 29 – Đê La Thành – Phương Liên – Đống Đa – Hà Nội

ĐT: 04 35720162. Fax : 04 35720162

Email : www.conhietbachkhoa.vn

BẢNG THÔNG SỐ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

(Phần kèm theo của Hợp đồng số: 15/2019/HĐKT/BK-BVT ngày 28/05/2019)

I. ƯU ĐIỂM

➤ Nhiên Liệu:

- Vải vụn có lẫn giấy (Không bao gồm cao su, túi nilông, nhựa, thành phần polyester không quá 80%)
- Đốt than đá
- Bánh trấu, bánh mùn cưa
- Gỗ tươi, gỗ vụn, gỗ ép
- Mùn cưa
- Lá cây, cỏ khô, ..

➤ Chế độ làm việc:

- Lò hơi có hai chế độ làm việc: chế độ tự động và chế độ tay.

➤ Các chức năng tự động và an toàn của lò hơi.

- Ngừng đốt khi lò hơi đủ áp suất và khởi động lại khi áp suất xuống mức thấp.
- An toàn khi sử dụng.
- Tự động cấp nước (Vận hành tự động và vận hành bằng tay)
- Bảo vệ cạn nước hai mức: Mức nước quá thấp cấp I và cấp II sẽ báo động
- Tự động nâng áp suất lò bằng quạt gió (Vận hành tự động và vận hành bằng tay).
- Ghi lò được thiết kế đặc biệt, chắc chắn, tỉ lệ gang tốt nên tuổi thọ cao.
- **Ưu điểm lò hơi kiểu tổ hợp ống lò, ống lửa, buồng đốt ngoài phát huy được toàn bộ những ưu điểm như:**
 - Tiết kiệm nhiên liệu
 - Tiết kiệm điện (Quạt khói sử dụng biến tần)
 - Dễ thay thế và sửa chữa.

- Diện tích tiếp nhiệt lớn, hiệu suất cao, thời gian lên hơi nhanh.
- Có khả năng đốt được nhiều loại nhiên liệu như Vải, than, củi, gỗ, bó mía
- Hiệu suất lò hơi cao do dừng khói sau khi cháy ở buồng lửa phải đi qua thân lò ba vùng (3 pass).
- Đặc biệt tuổi thọ lò hơi rất cao so với lò hơi ống nước.

II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- ký hiệu nồi hơi	BK - DN — 2/10
- Công suất sinh hơi định mức	D = 2000 Kg/ h
- áp suất tính bên	P = 10 KG/ cm ²
- áp suất thử	P = 15 KG/ cm ²
- Nhiệt độ hơi bão hoà	t = 178 ⁰ C
- Hiệu suất	η = 81%
- Diện tích tiếp nhiệt	F _{tn} = 92 m ²
- Suất tiêu hao than (Nhiệt trị thấp)	(180 ÷ 200)Kg/h
- Than đá antraxít nhiệt trị:	Q ≥ 7000Kcal/Kg
+ Độ tro	≤10%
+ Cỡ hạt	(15 ÷ 100)mm
- Suất tiêu hao vải vụn	(190 ÷ 230)Kg/h

III. VẬT TƯ VÀ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO

1. Vật tư

- Mặt sàng chế tạo bằng thép A515Gr60
- Thân nồi hơi làm bằng thép tấm chịu nhiệt Q345B.
- Các ống sinh hơi Ø5, Ø60, Ø76 và ống cắm trên thân nồi là ống thép chịu nhiệt C20 nhập khẩu của SNG.
- Các mặt bích các cụm còn lại và khung lò là thép tấm CT3 của SNG

2. Chế tạo

- Theo tiêu chuẩn 7704 ỹ 2007 qui phạm nồi hơi Việt Nam
- Tất cả các máy dùng để chế tạo lò hơi đều là máy nhập khẩu chuyên dùng gồm : Máy lọc, máy làm dầu nồi, máy khoan, máy hàn một chiều.
- Sau khi hàn xong thân nồi được kiểm tra siêu âm mối hàn.

- Khi chế tạo được kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt từng công đoạn và cuối cùng kiểm tra tổng thể và thử áp lực theo yêu cầu của qui phạm.

$$P_{\text{thử}} = 1,5P_{\text{T. kế}}$$

IV. CẤU TRÚC THIẾT BỊ

TT	Hạng mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1.	Buồng đốt cấp 1: - Giàn ống sinh hơi Ø60: C20 – cán nóng đúc liền - Ghi lò: Gang chịu nhiệt - Được bảo ôn bằng bông thủy tinh định hình, bọc ngoài bằng Tôn mạ màu	Bộ	01	Việt Nam
2.	Buồng đốt cấp 2 được thiết kế trong buồng đốt để giảm chi phí nhiên liệu - Vật liệu: SS400 - Giàn ống sinh hơi Ø60: C20 – cán nóng đúc liền - Chiều dày: S = 3mm - Gạch chịu lửa - Que hàn áp lực - Giàn ống sinh hơi Ø60: C20 – cán nóng đúc liền - Ghi lò: Gang chịu nhiệt - Được bảo ôn bằng bông thủy tinh định hình, bọc ngoài bằng Tôn mạ màu	Bộ	01	Việt Nam
3.	Bản thể thân nồi hơi (Mới 100%): - Thân: Thép Q345B dày 10mm - Mặt sàng trước, sau: Thép A515 Gr60, S = 12mm - ống dẫn khói: pass1(Ø76 x 4,5), pass2 (Ø60 x 4mm), pass 3(Ø60 x 4mm): Thép cán nóng đúc liền C20. - Chân, hộp khói trước, hộp khói sau: Thép CT3 - Buồng đốt ngoài: Thép ống C20 - Các cửa cho than, cửa vệ sinh. - Ống khói, đường ống dẫn khói, mương	Bộ	01	Việt Nam

	đẫn khói: Thép CT3 - Nồi hơi được bảo ôn bằng bông thủy tinh định hình, bọc ngoài bằng Inox không rỉ - Que hàn áp lực			
4.	Quạt hút khói (Mới 100%): - Công suất: N = 18,5 kw - Lưu lượng: (35.000 ÷ 45.0000) m3/h - Cánh quạt bằng: thép chịu nhiệt, chịu mài mòn. - Vỏ quạt làm bằng thép CT3 của SNG mới 100% động cơ đồng bộ	Quạt	01	Việt Nam
5.	Quạt cấp gió(Mới 100%) khi đốt gỗ, trấu, bánh mỳn của, vãi: - Công suất: N = 18,5 kw - Lưu lượng: (3.000 ÷ 4.000) m3/h - Vỏ quạt làm bằng thép CT3 của SNG mới 100%. - Lắp động cơ đồng bộ	Quạt	01	Việt Nam
6.	Quạt đẩy gió(Mới 100%) khi đốt than: - Công suất: N = 1,5 kw - Lưu lượng: (2.600 ÷ 3.500) m3/h - Vỏ quạt làm bằng thép CT3 của SNG mới 100%. - Lắp động cơ đồng bộ	Quạt	01	Việt Nam
7.	Bơm cấp nước cho lò hơi (Mới 100%) - Q= 1 -3,5 m3/ h; - H= 116 - 52mH2O - N= 1,5kw/2HP- 3Fa - 380V- 50Hz - Nhiệt độ chất lỏng chịu được: Max110°C	Bơm	02	Ngoại Nhập
8.	Van an toàn (Mới 100%) - áp suất làm việc: P = 10 KG/cm2 - Nhiệt độ: t = 183°C - Van đồng - Đường kính DN32	Cái	02	Đài Loan

	- Tiêu chuẩn châu Âu			
9.	<i>Van cấp hơi (Mới 100%)</i> - Loại mặt bích - áp suất làm việc: P = 16KG/cm2 - Nhiệt độ: t = 183°C - Đường kính DN80 - Tiêu chuẩn châu Âu	Cái	01	Tiêu chuẩn Đức
10.	<i>Van xả e (Mới 100%)</i> - Van ren - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Nhiệt độ: t = 183°C - Đường kính DN25 - Tiêu chuẩn châu Âu	Cái	01	USA
11.	<i>Van cấp nước (Mới 100%)</i> - Van mặt bích - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Đường kính DN32 - Tiêu chuẩn châu Âu	Cái	01	Tiêu chuẩn Đức
12.	<i>Van chặn xả đáy (Mới 100%)</i> - Van mặt bích - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Đường kính DN32 - Tiêu chuẩn châu Âu	Cái	02	Tiêu chuẩn Đức
13.	<i>Van một chiều (Mới 100%)</i> - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Đường kính DN32 - Tiêu chuẩn châu Âu	Cái	01	INOX
14.	<i>Van một chiều (Mới 100%)</i> - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Đường kính DN32	Cái	01	Tiêu chuẩn Đức
15.	<i>Van xả kính ống thủy (Mới 100%)</i> - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm2 - Đường kính DN15	Cái	01	USA

16.	<i>Van xả cụm ống thủy (Mới 100%)</i> - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm ² - Đường kính DN15	Cái	01	USA
17.	<i>Van xả nhanh (Mới 100%)</i> - Van Ren - áp suất làm việc: P = 16 KG/cm ² - Đường kính DN20	Cái	01	USA
18.	<i>áp kế (Mới 100%)</i> - Đường kính 160	Cái	01	Đài loan
19.	<i>Bộ cấp nước tự động(Mới 100%)</i> - Dùng kiểm soát mức nước, báo động, cắt bảo vệ khi lò cạn nước - Que đo báo mức: 3 que	Bộ	01	Hà Quốc
20.	<i>Cụm ống thủy sáng (Mới 100%)</i> - Để báo và kiểm tra mức nước	Cụm	01	Trung Quốc
21.	<i>Cụm ống thủy tối (Mới 100%)</i>	Cụm	01	Việt nam
22.	<i>Tủ điện điều khiển (Mới 100%)</i> - Vỏ LG - Quạt cấp gió cao áp, quạt hút chạy bằng biến tần - Thiết bị Hàn Quốc	Tủ	01	Việt nam
23.	<i>Sàn thao tác (Mới 100%):</i> - Thép CT3 - SNG	Sàn	01	Việt nam
24.	<i>Hệ thống ghi lò (Mới 100%)</i> - Gang chịu nhiệt	Bộ	01	Việt nam
25.	<i>Hệ thống cửa cho than(Mới 100%)</i> - Gang chịu nhiệt hợp kim	Bộ	02	Việt nam
26.	<i>Hệ thống cửa vệ sinh môi tro, môi bùn (Mới 100%)</i> - Thép CT3 - SNG	Bộ	03	Việt nam
27.	<i>Mương dẫn khói (Mới 100%)</i> - Thép ct3 của SNG	Bộ	01	Việt nam

28.	ống khói i350: (Mới 100%) - Thép ct3 của SNG - Chiều dày S=4mm - Cao : 15000mm	Bộ	01	Việt nam
29.	Hệ thống chỉnh gió(Mới 100%) - Thép ct3 của SNG	Bộ	01	Việt nam
30.	Hệ thống khử bụi cơ khí kiểu chùm (cấp 1) - Thép SS400 của SNG	Bộ	01	Việt nam
31.	Lọc bụi khói thải bằng nước cấp 2 (Mới 100%) - Thép ct3 của SNG - Theo thiết kế bên B Bên A xây bể thu tro	Bộ	01	Việt nam
32.	Lọc bụi khói thải bằng nước cấp 3 (Mới 100%) - Hệ thống giàn phun sương	Bộ	01	Việt nam
33.	Lọc bụi khói thải bằng nước cấp 4 (Mới 100%) - Bình lọc than hoạt tính có bố trí hệ thống phun sương, than hoạt tính đá cuội. - Hệ thống giàn phun sương - Bơm chịu hóa chất	Bộ	01	Việt nam

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT
ÁP LỰC BẠCH KHOA**



GIÁM ĐỐC
Mac Văn Đô

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Địa chỉ : Số nhà 29 – Đê La Thành – Phường Liên – Đống Đa – Hà Nội.
Tel/Fax : 04 – 3572 1062. Website: www.conhietbachkhoa.vn.

BẢNG QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG THỰC TẾ HOÀN THÀNH

Hạng mục: CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỒI HƠI ĐA NĂNG, ĐÓT HỖN HỢP NHIÊN LIỆU VẢI Vụn, THAN, CỎ, GỖ, BÁNH TRÁU, BÁNH MÜN CỦA CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

STT	Tên hàng	Quy cách	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					Theo hợp đồng	Đã thực hiện		Theo hợp đồng	Đã thực hiện	
I. HẠNG MỤC NỒI HƠI 2000KG HƠI/H.										
1	Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mùn cưa) công suất 2000kg hơi/h, P = 10 kg/cm2		Việt Nam	Bộ	2	2	985,000,000	1,970,000,000	1,970,000,000	
Cộng 1								1,970,000,000	1,970,000,000	
II. HẠNG MỤC ĐƯỜNG ỐNG HƠI										
1	Ống cấp hơi DN76	Bao gồm: - Bảo ôn chống nóng bằng bông thủy tinh bọc inox 304 - Nhân công lắp đặt	Việt Nam	m	-	33.50	550,000	-	18,425,000	
2	Ống cấp hơi DN60	- Nhân công lắp đặt	Việt Nam	m	-	8	280,000	-	2,240,000	
Cộng 2								-	20,665,000	
TỔNG CỘNG (1+2)								1,970,000,000	1,990,665,000	
VAT 10%								197,000,000	199,066,500	
TỔNG GIÁ TRỊ (VAT 10%)								2,167,000,000	2,189,731,500	
ĐÃ TẠM ỨNG LẦN 1									866,800,000	
ĐÃ TẠM ỨNG LẦN 2									866,800,000	
SỐ TIỀN CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN									456,131,500	

Hải Dương, ngày 30 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA



GIÁM ĐỐC
KIM KWAN SIK



GIÁM ĐỐC
Mac Văn Dó



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO
THIẾT BỊ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
(Số: 30 - 12/2019/BBNT/BK-SHINTSBVT)

1. Công trình: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
2. Hạng mục: Cung cấp và lắp đặt Nồi hơi đa năng, đốt hỗn hợp nhiên liệu vải vụn, than, củi, gỗ, bánh mún cưa theo hợp đồng kinh tế số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ngày 28/05/2019.
3. Địa điểm thi công : Công ty TNHH Shints BVT – Chi nhánh Thanh Miện.
4. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a) Đại diện chủ đầu tư: - Ông Nguyễn Văn Khương – Công ty TNHH Shints Bvt.
- Ông Nguyễn Văn Đô – Công ty TNHH Shints Bvt.
 - b) Đại diện đơn vị thi công: - Ông Nguyễn Thị Mai – Cty TNHH Phát triển Kỹ thuật Áp lực Bách Khoa.
- Ông Nguyễn Văn Bình - Cty TNHH Phát triển Kỹ thuật Áp lực Bách Khoa.
5. Thời gian tiến hành nghiệm thu công trình:
Bắt đầu từ 8 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2019.
6. Đánh giá hạng mục:
 - Về chất lượng: Đúng quy cách, ký mã hiệu, chủng loại như Bảng mô tả thông số kỹ thuật – Hợp đồng đã ký kết, toàn bộ thiết bị bàn giao mới 100% theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
 - Thi công, lắp đặt hệ thống lò hơi đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật
 - Về lắp đặt, chạy thử, đào tạo hướng dẫn sử dụng: đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bên A, đã tiến hành đào tạo và hướng dẫn sử dụng cho Bên A. Hàng hóa đưa vào sử dụng tốt.
 - Về thời gian thi công: Đúng tiến độ.
7. Các vấn đề phát sinh: Không.
8. Kết luận số lượng thực tế thi công tại công trình: như bảng kê chi tiết kèm theo.

Biên bản này được lập thành 2 bản dùng làm cơ sở cho việc Quyết toán và Thanh lý hợp đồng số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ký ngày 28 tháng 05 năm 2019, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Current status	Hiện tại Nồi hơi hoạt động Bình thường	
30/12/2019	Name: <i>Chị</i>	Sign: <i>[Signature]</i>

[Signature]
Nguyễn Thị Mai

[Signature]
Nguyễn Văn Bình



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Nhà 29 - Đê La Thành - Phường Liên - Đống Đa - HÀ NỘI

Tel/Fax: 04 3572 0162. Email : www.conhietbachkhoa.vn

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG THỰC TẾ HOÀN THÀNH HỆ THỐNG LÒ HƠI

(Phần kèm theo của Biên bản nghiệm thu số: 50 - 12/2019/ BBNT/BK-SHINTSBVT ngày 30/12/2019)

TT	DANH MỤC	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG THEO HỢP ĐỒNG	SỐ LƯỢNG THEO NGHIỆM THU THỰC TẾ
1.	Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mùn cưa) công suất 2000kg hơi/h, P = 10 Kg/cm ² .	2000kg hơi/h	Bộ	Việt Nam	01	01.
2.	Ống cấp hơi phi 76mm (Bao gồm bảo ôn + lắp đặt hoàn thiện)	76mm	M	Việt Nam	0	13 m.
3.	Ống cấp hơi phi 60mm (Không bảo ôn, đã lắp đặt hoàn thiện)	60mm	M	Việt Nam	0	8m

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

[Signature]

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

[Signature]

Nguyễn Thị Ngọc

[Signature]

Nguyễn Văn 13.8

Current status	Hiện tại Nồi hơi hoạt động Bình thường	
30/12/2019	Name: <i>[Signature]</i>	Sign: <i>[Signature]</i>

CNTN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO
THIẾT BỊ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
(Số: 30 - 12/2019/BBNT/BK-SHINTSBVT)

- Công trình:** CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
- Hạng mục:** Cung cấp và lắp đặt Nồi hơi đa năng, đốt hỗn hợp nhiên liệu vôi vụn, than, củi, gỗ, bánh mùn cưa theo hợp đồng kinh tế số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ngày 28/05/2019.
- Địa điểm thi công:** Công ty TNHH Shints BVT – Chi nhánh Thái Nguyên.
- Thành phần tham gia nghiệm thu:**
 - Đại diện chủ đầu tư:** - Ông Nguyễn Văn Khương – Công ty TNHH Shints Bvt.
- Ông Phạm Văn Tiềm – Công ty TNHH Shints Bvt.
 - Đại diện đơn vị thi công:** - Ông Nguyễn Thị Mai – Cty TNHH Phát triển Kỹ thuật Áp lực Bách Khoa.
- Ông Nguyễn Văn Bình - Cty TNHH Phát triển Kỹ thuật Áp lực Bách Khoa.
- Thời gian tiến hành nghiệm thu công trình:**
Bắt đầu từ 15 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2019.
- Đánh giá hạng mục:**
 - Về chất lượng:** Đúng quy cách, ký mã hiệu, chủng loại như Bảng mô tả thông số kỹ thuật – Hợp đồng đã ký kết, toàn bộ thiết bị bàn giao mới 100% theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
 - Thi công, lắp đặt hệ thống lò hơi đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật**
 - Về lắp đặt, chạy thử, đào tạo hướng dẫn sử dụng:** đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bên A, đã tiến hành đào tạo và hướng dẫn sử dụng cho Bên A. Hàng hóa đưa vào sử dụng tốt.
 - Về thời gian thi công:** Đúng tiến độ.
- Các vấn đề phát sinh:** Không.
- Kết luận số lượng thực tế thi công tại công trình:** như bảng kê chi tiết kèm theo.

Biên bản này được lập thành 2 bản dùng làm cơ sở cho việc Quyết toán và Thanh lý hợp đồng số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ký ngày 28 tháng 05 năm 2019, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Current status	Hiện tại: Đã nghiệm thu Tổng Giám đốc	
30/12/2019	Name: <u>Chung</u>	Sign: <u>[Signature]</u>

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

[Signature]
Nguyễn Thị Mai

[Signature]
Nguyễn Văn Bình

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Nhà 29 - Đường La Thành – Phường Liên – Đống Đa – HÀ NỘI

Tel/Fax: 04 3572 0162. Email : www.conhietbachkhoa.vn



**BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG
THỰC TẾ HOÀN THÀNH HỆ THỐNG LÒ HƠI**

(Phần kèm theo của Biên bản nghiệm thu số: - 12/2019/ BBNT/BK-SHINTSBVT ngày /12/2019)

TT	DANH MỤC	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG THEO HỢP ĐỒNG	SỐ LƯỢNG THEO NGHIỆM THU THỰC TẾ
1.	Nồi hơi đốt hỗn hợp nhiên liệu (Vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mùn cưa) công suất 2000kg hơi/h, P = 10 Kg/cm ² .	2000kg hơi/h	Bộ	Việt Nam	01	01
2.	Ống cấp hơi phi 76mm (Bao gồm bảo ôn + lắp đặt hoàn thiện)	76mm	M	Việt Nam	0	20,5m d
3.	Ống cấp hơi phi 60mm (Không bảo ôn, đã lắp đặt hoàn thiện)	60mm	M	Việt Nam	0	/

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Current date	hiện tại (nồi hơi hoặc ống bảo ôn)
-----------------	------------------------------------

30/12/2019 Name: Phạm Văn Tiến Sign: [Signature]

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

[Signature]

Nguyễn Thị Ngọc

[Signature]

Nguyễn Văn 13.8

* Thực tế có lắp đặt 20,5m ống D76 bao gồm cả bảo ôn.

[Signature]
Phạm Văn Tiến

THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 30 - 12/2019/TLHD/BK-BVT

Về việc:

CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT NỒI HƠI ĐA NĂNG, ĐÓT HỖN HỢP NHIÊN LIỆU VẢI VUN, THAN, CUI, GỖ, BÁNH TRÁU, BÁNH MÜN CUA CÔNG SUẤT 2000 KG HƠI/H

Công trình:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT – CHI NHÁNH THANH MIỆN + CN THÁI NGUYÊN

Bản Thanh lý Hợp đồng này được làm ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa:

Bên A (Chủ Đầu tư) : CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Đại diện : Ông KIM KWAN SIK Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Khu dân cư Phú Tảo - Phường Thạch Khôi – Thành phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại : 0220.3861 727 Fax: 0220.3861 730.
Mã số thuế : 0800006025

Bên B (Bên nhận khoán) : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

Đại diện : Ông MẠC VĂN ĐỒ Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số nhà 29 – Đê La Thành – Phường Liên – Đống Đa – Hà Nội.
Điện thoại : 024. 3572 1062 Fax: 024. 3572 1062
Mã số thuế : 0102807466.
Tài khoản : 1715 1485 103 1320 tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (EXIMBANK Hà Nội).

Điều 1: Phạm vi công việc

Bên B đã hoàn thành công việc cung cấp và lắp đặt Nồi hơi đa năng, đốt hỗn hợp nhiên liệu vải vụn, than, củi, gỗ, bánh trấu, bánh mün cua cho Công ty TNHH Shints BVT tại Chi nhánh Thanh Miện + Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng số 15/2019/HĐKT/BK-BVT ngày 28/05/2019.

Điều 2: Giá trị Hợp đồng:

Giá trị Hợp đồng và báo giá (bao gồm VAT 10%) :	2,167,000,000 VNĐ
Giá trị thực hiện theo HĐ (bao gồm VAT 10%) :	2,189,731,500 VNĐ
Số tiền đã tạm ứng lần 1 :	866,800,000 VNĐ
Số tiền đã tạm ứng lần 2 :	866,800,000 VNĐ
Số còn lại bên A phải thanh toán :	<u>456,131,500VNĐ</u>

(Chi tiết như bảng quyết toán khối lượng thực tế hoàn thành kèm theo.)

Điều 3: Kết luận

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại là: 456,131,500VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu, một trăm ba mươi một nghìn, năm trăm đồng./.)

Thanh lý hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT



GIÁM ĐỐC
KIM KWAN SIK

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT ÁP LỰC BÁCH KHOA

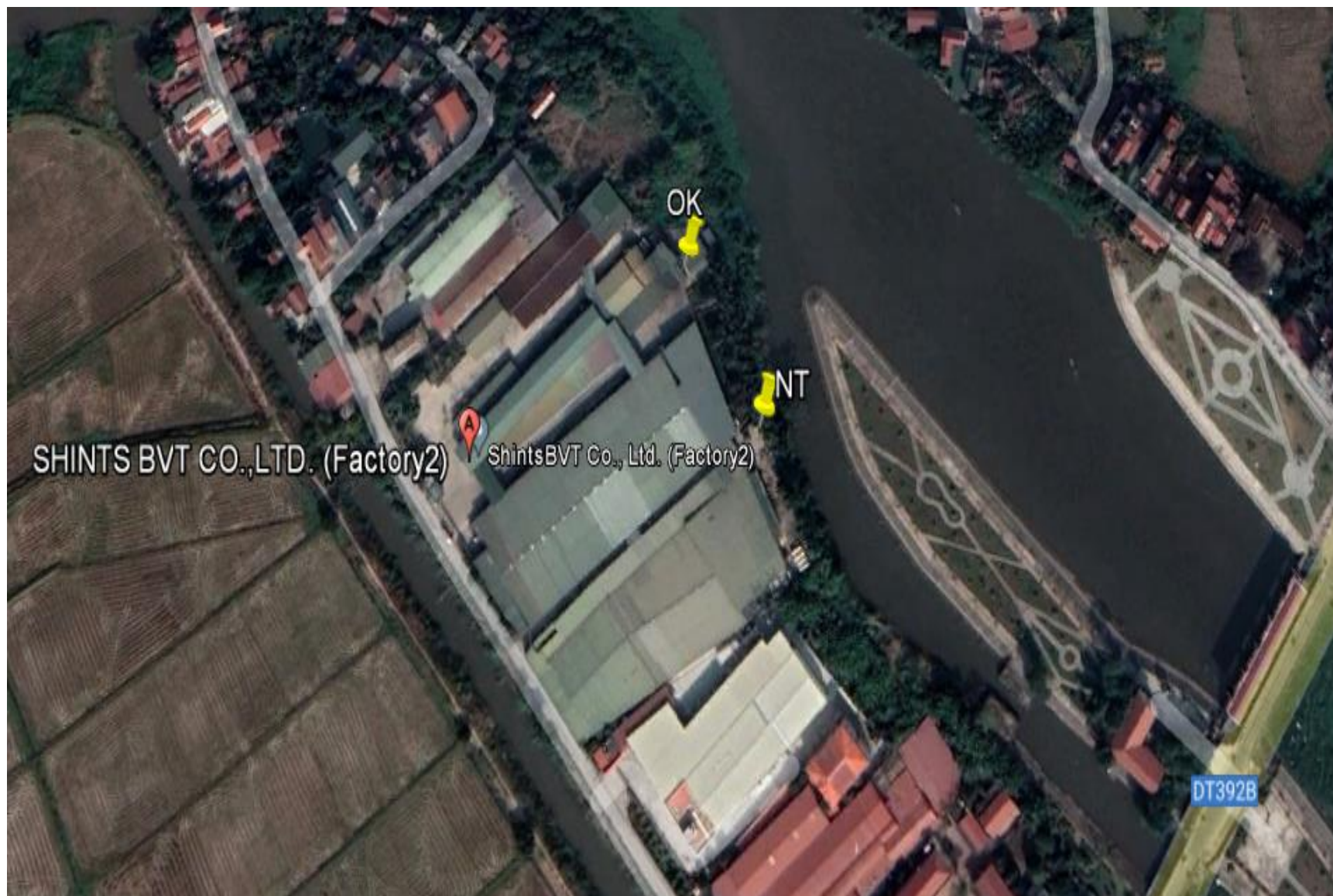


GIÁM ĐỐC
Mac Văn Đồ

PHỤ LỤC IV

- 1. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ**
- 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ NĂM 2021-2022**

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả (OK)	QCVN 19: 2009/BTNMT (Mức B)	C _{max}
1	Lưu lượng	US-EPA 02	m ³ /h	2588	-	-
2	CO	HD-LM 58.2020	mg/Nm ³	666	1000	1200
3	CO ₂	HD-LM 77.2020	%	1,2	-	-
4	SO ₂	HD-LM 60.2020	mg/Nm ³	347	500	600
5	NO _x	HD-LM 59.2020	mg/Nm ³	218	850	1020
6	Bụi	US-EPA 5	mg/Nm ³	19,61	200	240

- K_V : Hệ số vùng, đối với Công ty thuộc khu vực nông thôn nên lấy $K_V = 1,2$

5. Nếu khách hàng không có phải bồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy miễn theo quy định.



SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VILAS 437 - VIMCERTS 017)

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương * Tel: 0220.3898.198

Nhận xét:

Tại thời điểm lấy mẫu và phân tích mẫu khí thải ống khói (OK) ở bảng trên, kết quả cho thấy:

- Nồng độ khí SO_2 , CO , NO_x và bụi tại ống khói lò hơi có giá trị nhỏ hơn mức C_{max} theo QCVN 19:2009/BTNMT, áp dụng mức B, đã tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và hệ số vùng./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PTMT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3. (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương;
5. Nếu phát hiện không có chữ ký của người lập, soạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định.

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VILAS 437 - VIMCERTS 017)



Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương * Tel: 0220 3898.198

Số: 885/ 2021/KQTN

kết



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 6 tháng 5 năm 2021

nước
uống

Tên mẫu : Nước thải

Ký hiệu mẫu : Nt

Ngày lấy mẫu : 20/4/2021

Ngày phân tích : 21/4 - 5/5/2021

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT

Địa chỉ : Xã Tứ Cường - Huyện Thanh Miện - Tỉnh Hải Dương

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40: 2011/BTNMT (Mức B)	C _{max}
				Nt1	Nt2		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	8,5	7,2	5,5 - 9	5,5 - 9
2	TSS	SMEWW 2540D:2012	mg/l	58	KPH(5,0)	100	108
3	COD	SMEWW 5220D:2012	mg/l	528	<9	150	162
4	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	228	<3	50	54
5	N _{tổng}	TCVN 6638:2000	mg/l	96,6	7	40	43,2
6	P _{tổng}	SMEWW 4500PB&E:2017	mg/l	7,0	1,46	6	6,48
7	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 6179-1:1996	mg/l	91,06	0,7	10	10,8
8	Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,26	<0,1	5	5,4
9	Mn	SMEWW 3111B:2017	mg/l	KPH(0,03)	KPH(0,03)	1	1,08
10	Zn	SMEWW 3111B:2017	mg/l	KPH(0,015)	KPH(0,015)	3	3,24
11	Cu	SMEWW 3111B:2017	mg/l	KPH(0,04)	KPH(0,04)	2	2,16
12	Pb	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH(0,002)	KPH(0,002)	0,5	0,54
13	Cd	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,1	0,108
14	As	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH(0,003)	KPH(0,003)	0,1	0,108
15	Hg	SMEWW 3112B:2017	mg/l	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,01	0,0108
15	Dầu mỡ ĐTV	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	1,8	<1,0	-	-
17	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN /100ml	24x10 ⁴	1100	5000	5000

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Phòng thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận dự điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm.
- Chỉ những phép thử được thực hiện bởi nhà thử nghiệm.
- Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương.
- Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 15 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định.

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



(VILAS 437 - VIMCERTS 017)

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương * Tel: 0220.3898.198

Ghi chú:

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giá trị phát hiện

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giá trị báo cáo

-KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng mức B;

- Nt1: Mẫu nước thải trước xử lý

- Nt2: Mẫu nước thải sau xử lý;

- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải;

- C_{max} được tính toán như sau: $C_{max} = C \times K_q \times K_f$

Trong đó:

K_q: Hệ số theo lưu lượng dòng chảy của nơi tiếp nhận nguồn nước thải, đối với nơi tiếp nhận nguồn nước thải của Công ty có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$ nên lấy $K_q = 0,9$

K_f: Hệ số theo lưu lượng nguồn thải, đối với Công ty có lưu lượng nước thải ở mức $F \leq 50 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên lấy $K_f = 1,2$

Nhận xét:

Tại thời điểm lấy mẫu và phân tích 02 mẫu nước thải ở trên, kết quả cho thấy:

+ Đối với mẫu nước thải Nt1: Thông số COD, BOD₅(20°C), N_{tổng}, P_{tổng}, NH₄⁺ -N, Coliform có giá trị không đạt mức C_{max} QCVN 40:2011/BTNMT, áp dụng mức B, đã tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và lưu lượng dòng chảy nơi tiếp nhận. Các thông số phân tích còn lại có giá trị đạt quy chuẩn cho phép;

+ Đối với mẫu nước thải Nt2: Các thông số phân tích có giá trị đạt mức C_{max} QCVN 40:2011/BTNMT, áp dụng mức B, đã tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và lưu lượng dòng chảy nơi tiếp nhận./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PTMT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyển

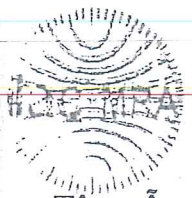
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3. 100% Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định.

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VILAS 437 - VIMCERTS 017)



Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương * Tel: 0220.3898.198

Số: 2863/2021/KQTN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 8 tháng 11 năm 2021

Tên mẫu : VILAS 437 Ống khói

Ký hiệu mẫu : OK

Ngày lấy mẫu : 25/10/2021

Ngày phân tích : 26/10 - 8/11/2021

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT

Địa chỉ : Xã Tứ Cường - Huyện Thanh Miện - Tỉnh Hải Dương

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả (OK)	QCVN 19: 2009/BTNMT (Mức B)	C _{max}
1	Lưu lượng	US-EPA 02	m ³ /h	2734	-	-
2	CO	HD-LM 58.2020	mg/Nm ³	39	1000	1200
3	CO ₂	HD-LM 77.2020	%	5,4	-	-
4	SO ₂	HD-LM 60.2020	mg/Nm ³	217	500	600
5	NO _x	HD-LM 59.2020	mg/Nm ³	49	850	1020
6	Bụi	US-EPA 5	mg/Nm ³	72,84	200	240

Ghi chú:

- OK: Ống khói lò hơi

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng mức B;

- C_{max} = C x K_P x K_V: Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp;

Trong đó:

- C: Nồng độ tối đa cho phép của chất ô nhiễm quy định trong quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, áp dụng mức B;

- K_P: Hệ số lưu lượng nguồn thải, áp với P < 20.000m³/h, K_P=1,0

- K_V: Hệ số vùng, đối với Công ty thuộc khu vực nông thôn nên lấy K_V= 1,2

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PTMT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyển

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Phương pháp thử đã được công nhận theo ISO IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
- (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Không được sao chép, tái phân phối kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương;
- Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./

SỞ ĐẠI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

(VILAS 437 - VIMCERTS 017)

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương. Tel: 0220.3898.198



Số: 2864/ 2021/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 8 tháng 11 năm 2021

Tên mẫu : Nước thải

Ký hiệu mẫu : Nt

Ngày lấy mẫu : 25/10/2021

Ngày phân tích : 26/10 - 8/11/2021

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT

Địa chỉ : Xã Tứ Cường - Huyện Thanh Miện - Tỉnh Hải Dương

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN40: 2011/BINMT (MứcB)	C _{max}
				Nt1	Nt2		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	8,5	7,4	5,5 - 9	5,5 - 9
2	TSS	SMEWW 2540D:2012	mg/l	63	KPH(5)	100	108
3	COD	SMEWW 5220D:2012	mg/l	208	<9	150	162
4	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	84	<3	50	54
5	N _{tổng}	TCVN 6638:2000	mg/l	88,2	4,2	40	43,2
6	P _{tổng}	SMEWW 4500PB&F:2017	mg/l	6,90	0,36	6	6,48
7	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 6179-1:1996	mg/l	71	0,3	10	10,8
8	Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,46	0,15	5	5,4
9	Mn	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,17	KPH(0,03)	1	1,08
10	Zn	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,05	KPH(0,015)	3	3,24
11	Cu	SMEWW 3111B:2017	mg/l	KPH(0,04)	KPH(0,04)	2	2,16
12	Pb	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH(0,002)	KPH(0,002)	0,5	0,54
13	Cd	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH(0,0003)	KPH(0,0003)	0,1	0,108
14	As	SMEWW 3113B:2017	mg/l	KPH(0,003)	KPH(0,003)	0,1	0,108
15	Hg	SMEWW 3112B:2017	mg/l	KPH(0,0003)	KPH(0,0003)	0,01	0,0108
15	Dầu mỡ ĐTV	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	2,3	KPH(0,3)	-	-
17	Coliform	TCVN 6187-2	MPN /100ml	93x10 ⁴	9	5000	5000

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm.

3. (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương.

5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày tra kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định.

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



(VILAS 437 - VIMCERTS 017)

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương. Tel: 0220.3898.198

Ghi chú:

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giá trị phát hiện

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giá trị báo cáo

-KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp áp dụng mức B;

- Nt1: Mẫu nước thải trước xử lý

- Nt2: Mẫu nước thải sau xử lý;

- C_{max} : Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải;

- C_{max} được tính toán như sau: $C_{max} = C \times K_q \times K_f$

Trong đó:

K_q : Hệ số theo lưu lượng dòng chảy của nơi tiếp nhận nguồn nước thải, đối với nơi tiếp nhận nguồn nước thải của Công ty có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$ nên lấy $K_q = 0,9$

K_f : Hệ số theo lưu lượng nguồn thải, đối với Công ty có lưu lượng nước thải ở mức $F \leq 50 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên lấy $K_f = 1,2$

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PTMT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyển

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử;

2. Phép thử đã được công nhận theo ISO IEC 17025:2017 mã hiệu VILAS 437 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;

3. (*): Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương;

5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: số 13 Đường Phạm Sư Mệnh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com



Số: 0338-KT01/2022.1000

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Shints BVT - Chi nhánh Thanh Miện
Địa điểm quan trắc : Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ : An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - Hải Dương
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 15/04/2022 - Ngày phân tích: 15/04/2022 - 26/04/2022
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : KT01/Khí thải sau xử lý của lò hơi

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT01	Cột B	Cmax
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	7.200	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	33,5	200	240
3	CO	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	184	1.000	1.200
4	CO ₂	%	QTHT 43/CLC	4,78	-	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	160	500	600
6	NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	75	850	1.020

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; áp dụng cột B;
- Cmax: Kp=1 và Kv=1,2;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

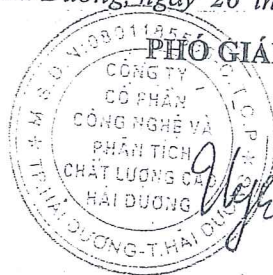
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Hải Dương, ngày 26 tháng 04 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hải

Nguyễn Bá Vương



Phan Thị Uyên



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: số 13 Đường Phạm Sư Mạnh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Số: 0338-NT01-02/2022.1001

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Shints BVT - Chi nhánh Thanh Miện
Địa chỉ : An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - Hải Dương
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 15/04/2022 - Ngày phân tích: 15/04/2022 - 26/04/2022
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/Nước thải trước xử lý
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT02/Nước thải sau xử lý

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT01	NT02	Cột B	Cmax
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	7,7	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	97	KPH (3)	100	99
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	293	<10	150	148,5
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	142	<4	50	49,5
5	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	108	<4,5	40	39,6
6	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	5,2	0,7	6	5,94
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	81,4	0,8	10	9,9
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,75	0,39	5	4,95
9	Mangan (Mn)	mg/L	EPA Method 200.8	0,122	0,012	1	0,99
10	Kẽm (Zn)	mg/L	EPA Method 200.8	0,079	0,019	3	2,97
11	Đồng (Cu)	mg/L	EPA Method 200.8	0,003	0,003	2	1,98
12	Chì (Pb)	mg/L	EPA Method 200.8	0,009	0,006	0,5	0,495
13	Cadimi (Cd)	mg/L	EPA Method 200.8	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,1	0,099
14	Asen (As)	mg/L	EPA Method 200.8	<0,003	<0,003	0,1	0,099
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	EPA Method 200.8	KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,01	0,0099
16	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<1	<1	-	-
17	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1,1x10 ⁶	2,4x10 ²	5.000	5.000

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh).
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: số 13 Đường Phạm Sư Mệnh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220.3638298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; áp dụng cột B;
- Cmax: Kq=0,9 và Kf=1,1;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

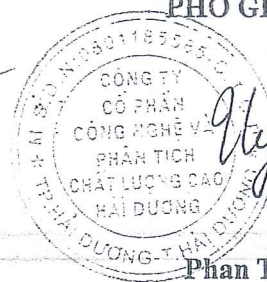
Hải Dương, ngày 26 tháng 04 năm 2022

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hải

Nguyễn Bá Vương



Phan Thị Uyên

I. T

Đơn

Địa c

Loại

Ngày

Tên

II. M

TT

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 13 Đường Phạm Sư Mệnh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com



Số: 0338-NM01/2022.1002

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Shints BVT - Chi nhánh Thanh Miện
Địa chỉ : An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - Hải Dương
Loại mẫu : Nước mặt
Ngày quan trắc : 15/04/2022 - Ngày phân tích: 15/04/2022 - 26/04/2022
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NM01/Mẫu nước mặt lấy tại sông tiếp nhận nước thải

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
				NM01	Cột B1
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,07	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2005	5,6	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	25	50
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	39	30
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	15
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,08	0,9
7	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (0,01)	0,05
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	2,38	10
9	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,5	1,5
10	Chì (Pb)	mg/L	EPA Method 200.8	0,005	0,05
11	Cadimi (Cd)	mg/L	EPA Method 200.8	KPH (0,0003)	0,01
12	Asen (As)	mg/L	EPA Method 200.8	0,003	0,05
13	Dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	KPH (0,3)	1
14	Coliform	MPN/ 100 mL	TCVN 6187-2:1996	1,5x10 ³	7.500

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, áp dụng Cột B1;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 26 tháng 04 năm 2022

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Phạm Văn Hải

Nguyễn Bá Vương



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Thị Uyên

PHỤ LỤC V
CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ KHÁC LIÊN QUAN
ĐẾN DỰ ÁN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1269 /QĐ-UBND

Thanh Miện, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Chi nhánh Công ty TNHH SHINTS BTV tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 122/TTr - KTHT ngày 27 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Chi nhánh Công ty TNHH SHINTS BTV tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện (kèm theo các bản vẽ và thuyết minh quy hoạch do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Minh Hải HD lập) với những nội dung chủ yếu như sau:

I- Hồ sơ:

1- Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Chi nhánh Công ty TNHH SHINTS BTV tại xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện.

2- Chủ đầu tư: Công ty TNHH SHINTS BTV.

3- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Minh Hải HD.

4- Thành phần hồ sơ gồm: Tờ trình, thuyết minh, các bản vẽ điều chỉnh quy hoạch chi tiết và một số văn bản khác có liên quan.

II- Điều chỉnh quy hoạch:

1- Địa điểm, vị trí điều chỉnh quy hoạch: Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện.

Phía Tây Bắc giáp Cơ sở gia công phun sơn và lắp ráp sản phẩm đồ chơi;

Phía Đông Nam giáp Công ty TNHH Hoàng Anh;

Phía Đông Bắc giáp hành lang sông Cửu An;

Phía Tây Nam giáp đường thôn.

(Ranh giới cụ thể của vị trí thể hiện trên bản vẽ điều chỉnh quy hoạch)

2- Chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch:

Stt	Loại đất	Đơn vị	Diện tích (đã phê duyệt theo Quyết định số 298/QĐ- UBND ngày 18/3/2015)	Tăng (+) Giảm (-)	Diện tích điều chỉnh QH	Tỷ lệ (%)
I	Đất dự án	m²	6.445,0	+7.900,8	14.345,8	100,0
1	Đất xây dựng công trình	m ²	3.743,5	+4.609,0	8.352,5	58,2
1.1	Đất công trình hiện có	m ²			6.664,5	
1.2	Đất công trình quy hoạch mới	m ²			1.688,0	
2	Đất cây xanh	m ²	650,0	+854,0	1.504,0	10,5
3	Đất sân, đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật	m ²	2.051,5	+2.437,8	4.489,3	31,3
II	Đất hành lang giao thông	m²	0	+36,2	36,2	
	Tổng cộng (I+II)	m²	6.445,0	+7.937,0	14.382,0	

3- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Tuân thủ hệ thống giao thông hiện có của khu vực. Chỉ giới đường đỏ cách tim đường 10,0m; đảm bảo đúng hồ sơ quy hoạch và các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và các quy định khác có liên quan trước khi đầu tư xây dựng các hạng mục công trình mới.

- Cấp, thoát nước: Nước sinh hoạt cấp từ nguồn nước sạch trong khu vực. Nước mưa và nước thải phải được gom lại qua xử lý đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định trước khi đưa vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Cấp điện: Trong khu đất có quy hoạch trạm biến thế đầu nối với đường điện có sẵn trong khu vực, việc đầu nối và sử dụng nguồn điện phải đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện và quy định của ngành điện.

- Quy hoạch cây xanh: Trồng theo các vị trí quy hoạch đảm bảo cảnh quan, kiến trúc không ảnh hưởng đến các công trình kiến trúc chung khu vực.

- Vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ: Ngoài việc bố trí hệ thống cứu hỏa như trong hồ sơ quy hoạch; trước khi đầu tư xây dựng công trình phải được cơ quan chức năng thẩm duyệt về phòng, chống cháy nổ theo quy định. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường; rác thải phải được thu gom và đưa về khu xử lý đảm bảo đúng quy định và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

(Các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch và chi tiết hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo như nội dung thuyết minh và thiết kế điều chỉnh quy hoạch chi tiết kèm theo).

4- Dự toán kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch:

- Kinh phí quy hoạch xây dựng: 50.215.000 đồng (Năm mươi triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí lập quy hoạch: 34.660.000 đồng
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 4.436.000 đồng
- Thuế VAT: 3.910.000 đồng
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: 3.882.000 đồng
- Chi phí quản lý lập quy hoạch: 3.327.000 đồng

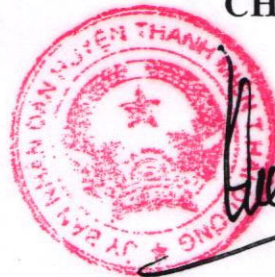
Điều 2. Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã Tứ Cường phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện tổ chức công bố quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND xã Tứ Cường; Giám đốc Công ty TNHH SHINTS BTV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT(02b). *vev*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nhữ Văn Cúc



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 954 /GXN-UBND

Thanh Miện, ngày 21 tháng 10 năm 2016

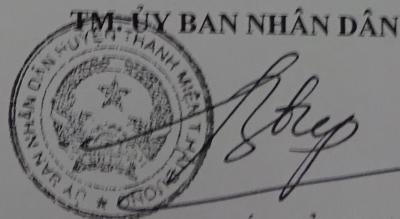
**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

UBND huyện Thanh Miện xác nhận Công ty TNHH Shints BVT đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án chi nhánh công ty TNHH Shints BVT (địa điểm thực hiện dự án tại thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện) tại UBND huyện Thanh Miện vào ngày 21 tháng 10 năm 2016

Công ty TNHH Shints BVT có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Khi có thay đổi về chủ dự án, chủ cơ sở thì chủ dự án, chủ cơ sở mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận đăng ký.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án chi nhánh công ty TNHH Shints BVT (địa điểm thực hiện dự án tại thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện) kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Shints BVT để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.



PHÓ CHỦ TỊCH
BÙI HỮU TIẾP

Số: 2168 /GP- UBND

Hải Dương, ngày 15 tháng 7 năm 2017

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp phép tài nguyên nước;
Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH SHINTS BVT ngày 07 tháng 4 năm 2017 và hồ sơ kèm theo;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1049/TTr-TNMT ngày 24 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH SHINTS BVT; địa chỉ: Phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Nguồn nước mặt sông Cửu An.
2. Vị trí nơi xả nước thải:
 - Địa danh hành chính: Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
 - Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 6°):
X(m): 2298 745 Y(m): 629 094
3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy vào nguồn tiếp nhận.
4. Chế độ xả nước thải: Không theo chu kỳ.
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
6. Chất lượng nước thải: (Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải tại phụ lục kèm theo)
7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Yêu cầu đối với Công ty TNHH SHINTS BVT:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Khi có thay đổi nội dung quy định trong giấy phép phải được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện chế độ quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải theo tần suất quan trắc và các thông số quan trắc quy định tại Bản kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và môi trường có liên quan.

3. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

5. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo tất cả nước thải sau khi xử lý và thải vào nguồn tiếp nhận đều phải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cmax mức B với hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,1$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cmax mức B với hệ số $K=1,0$.

Điều 3. Công ty TNHH SHINTS BVT được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chậm nhất 90 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH SHINTS BVT còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH SHINTS BVT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Thanh Miện;
- Lưu: VT. Ô.Đông. (7b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

Phụ lục: Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải
(ban hành kèm theo Giấy phép số 2168/GP-UBND ngày 25/7/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	PH	-	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt-Co	150
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	49,5
5	COD	mg/l	148,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99
7	Asen	mg/l	0,099
8	Thủy ngân	mg/l	0,0099
9	Chì	mg/l	0,495
10	Cadimi	mg/l	0,099
11	Crom (VI)	mg/l	0,099
12	Crom (III)	mg/l	0,99
13	Đồng	mg/l	1,98
14	Kẽm	mg/l	2,97
15	Niken	mg/l	0,495
16	Mangan	mg/l	0,99
17	Sắt	mg/l	4,95
18	Tổng xianua	mg/l	0,099
19	Tổng Phenol	mg/l	0,495
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9
21	Sunfua	mg/l	0,495
22	Florua	mg/l	9,9
23	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	9,9
24	Tổng Ni tơ	mg/l	39,6
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94
26	Clorua	mg/l	990
27	Clo dư	mg/l	1,98
28	Hoá chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	0,099
29	Hoá chất bảo vệ thực vật: photpho hữu cơ	mg/l	0,99
30	Tổng PCB	mg/l	0,0099
31	Coliforonn	MPN/100 ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
34	Tổng chất rắn hòa tan(TDS)	mg/l	1.000
35	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50
36	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
37	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
38	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 02.05/HĐ2018/MP-BVT

“Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 /01/2015;

- Căn cứ vào Nghị định Số: 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ Quy định về quản lý chất thải và phế liệu

- Căn cứ thông tư số: 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý CTNH số 1-2-3-4-5.052.VX của Công ty Cổ phần Môi Trường Tinh Thương (Nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc)

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Shints BVT và khả năng của Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc.

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2018 tại Công ty Cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT (Gọi tắt là bên A)

Người đại diện: Ông Kim Yong Hwan

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Địa chỉ: phường Thạch Khê - TP. Hải Dương - Tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 02203.861.727

Mã số thuế: 0800006025

Tài khoản ngân hàng: 4601 000 112 4094 (VND) tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hải Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC (gọi tắt là bên B)

Người đại diện: Bà Hoàng Thị Kim Huê

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu 6 - thị trấn Kẻ Sặt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương – Việt Nam

Điện thoại: 0220.3773 669

Mã số thuế: 0800533462

Số tài khoản 1: 46010001179234 tại: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Dương

Tài khoản số 2: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “*Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại*” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU

1. *Vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Công ty TNHH Shints BVT (gồm nhà máy F1 và nhà máy F2 của công ty)*

2. Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

3. Vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt

4. Vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Kho lưu giữ chất thải của Công ty TNHH Shints BVT (F1) tại phường Thạch Khôi - TP. Hải Dương - Tỉnh Hải Dương và kho lưu giữ chất thải của chi nhánh công ty TNHH Shints BVT (F2) tại Thôn An Nghiệp – Tứ Cường – Thanh Miện – Hải Dương.

2. **Địa điểm lưu giữ, xử lý:** Công ty cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc tại khu 6 thị trấn Kê Sặt, Bình Giang, Hải Dương.

3. **Thời gian phương thức giao nhận:** Chuyển giao khi có sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên.

4. **Số lượng chất thải:** Tuỳ theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B .

5. **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. **Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải:**

- Đơn giá có phụ lục kèm theo
- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT

2. **Phương thức thanh toán**

- Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi bên A nhận được những hoá đơn, chứng từ hợp lệ từ bên B (chậm nhất 07 ngày).

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi bên B nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên A (nếu có) (chậm nhất 07 ngày).

- Bên B sẽ trả bên A các liên chứng từ CTNH (nếu có) sau khi bên A thanh toán hoá đơn đầy đủ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. **Trách nhiệm bên A**

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

- Hỗ trợ bên B phương tiện bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển (Nếu có xe nâng)

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi

trường, yêu cầu ghi rõ tên, số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho bên B các liên còn lại.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý CTNH để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- Đảm bảo không có bên thứ 3 tham gia vào việc thu gom và xử lý chất thải.

- Phải có trách nhiệm đến cùng với chất thải đã bàn giao, phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước.

2. Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

- Thanh toán đầy đủ tiền mua phế liệu cho bên A (nếu có) theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên B nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên A.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

- Hợp đồng được thanh lý khi bên A báo trước cho bên B một tuần hoặc ngược lại.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Dương để giải quyết.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
KIM YONG HWAN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Huệ

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số: 02.05/HĐ2018/MP-BVT)

- Căn cứ theo hợp đồng số: 02.05/HĐ2018/MP-BVT ngày 02 tháng 05 năm 2018 giữa Công ty TNHH Shints BVT và Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

- Căn cứ theo nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2018, tại văn phòng công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm có:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT (Gọi tắt là bên A)

Người đại diện: Ông Kim Yong Hwan

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Địa chỉ: phường Thạch Khôi - TP. Hải Dương - Tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 02203.861.727

Mã số thuế: 0800006025

Tài khoản ngân hàng:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC (gọi tắt là bên B)

Người đại diện: Bà Hoàng Thị Kim Huê

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu 6 - thị trấn Kê Sặt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương – Việt Nam

Điện thoại: 0220.3773 669

Fax:

Mã số thuế: 0800533462

Số tài khoản 1: 460 1000.1179234 tại: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Dương

Tài khoản số 2: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi thoả thuận hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các điều khoản sau:

I. Đơn giá mua phế liệu như sau:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
1.	Bìa Carton	Kg	3.000
2.	Nilon mềm	Kg	8.000

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Giá thu mua phế liệu có thể biến động tùy theo số lượng và chất lượng của từng đợt mua hàng

II. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:

Đơn vị tính: Tiền đồng Việt Nam

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá (VND)
1	Bao bì nhiễm TPNH	18 01 01	Kg	4.000
2	Giẻ lau dính dầu, chất hấp thụ, vật liệu lọc dính nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	4.000
3	Bóng đèn huỳnh Quang	16 01 06	Kg	4.000
4	Dầu thải	17 02 03	Kg	2.000
5	Chất thải y tế	13 01 02	Kg	4.000
6	Chất thải Công nghiệp (Các loại)		Kg	2.000
7	Chất thải sinh hoạt		Tháng	8.000.000

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT

III. Đơn giá vận chuyển, bốc xếp, xử lý rác công nghiệp như sau:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
1	Vận chuyển + Bốc xếp	Kg	800
2	Vận chuyển + Xử lý	Kg	2.000

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT

- Tất cả các đơn giá có thể biến động theo giá cả thị trường.

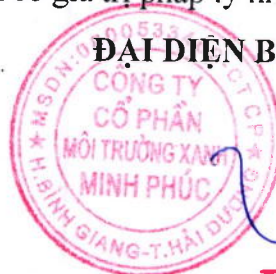
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc số: **02.05/HĐ2018/MP-BVT** ký ngày 02 tháng 05 năm 2018.

- Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
KIM YONG HWAN**



ĐẠI DIỆN BÊN B

**TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Huệ**

SHINTS  BVT
CÔNG TY TNHH SHINTS-BVT

SỔ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

2016

Hải Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2016

SỞ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 30.000126.T
(Cấp lại lần 02)

Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ văn phòng: Phường Thạch Khê, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 03203.861.727

Fax: 03203.861.730

Số chứng nhận đầu tư số: 041043000020 chứng nhận lần đầu ngày 21/6/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 05/11/2014.

Cơ cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại địa điểm kèm theo.

1. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 38/2015/NĐ - CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

7. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và kể từ Sổ đăng ký có mã số QLCTNH:30.000126.T cấp lại lần 01 ngày 25/3/2013.

Nơi nhận:

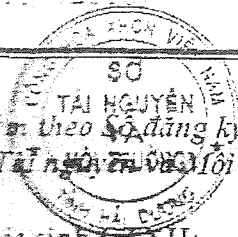
Công ty TNHH Shints BVT;

Lưu VT, Chi cục BVMT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tạ Hồng Minh



Phụ lục

(Kèm theo **Sổ đăng ký chủ nguồn thải** có mã số **QLCTNH: 30.000126.T**
do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương** cấp lại lần 02 ngày 11/7/2016)

Cơ sở phát sinh CTNH:

L. Cơ sở 1:

Tên Công ty TNHH Shints BVT

Địa chỉ: Phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.861.727

Fax: 03203.861.730

Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	Chất tẩy rửa, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại (giẻ lau dầu, lau mực in, lau mỡ máy, lau bàn...)	Rắn	1.400	18 02 01
C	Bóng huỳnh quang thải	Rắn	250	16 01 06
B	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	500	17 02 03
	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (hộp dầu, hộp mực in, hộp cùn, bao chứa hóa chất xử lý màu thải...)	Rắn	300	18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04
	Tổng		2.450	

2. Cơ sở 2:

Tên: Chi nhánh Công ty TNHH Shints BVT

Địa chỉ: Thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.735.882

Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại (giẻ lau dầu, lau mực in, lau mỡ máy, lau cùn...)	Rắn	130	18 02 01
2	Bóng huỳnh quang thải	Rắn	80	16 01 06
3	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	55	17 02 03
4	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (hộp dầu, hộp mực in, hộp cùn, bao chứa hóa chất xử lý nước thải...)	Rắn	40	18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04
	Tổng		350	


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
 Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương
 Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

Mẫu số: 01GKT0/001
 Ký hiệu: AA/21E
 Số: 2720248

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
 (Bản thể hiện hóa đơn điện tử)
 Tháng 2 năm 2022

Tên khách hàng:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

Thôn An Nghiệp Xã Tứ Cường Huyện Thanh Miện

Mã khách hàng:

TM00-0009

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Khối lượng (m3)
60681	59998	683 (Kỳ chốt số: Tháng 1/2022)
Đối tượng	Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)
Nước sạch		Thành tiền (đ)
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên	
	- Từ 10 - 20m3	
	- Từ 20 - 30m3	
	- Trên 30 m3	
Hành chính sự nghiệp		
Sản xuất vật chất	683	14.500
Kinh doanh dịch vụ		9.903.500
Cộng	683	9.903.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)		495.175
Dịch vụ thoát nước	683	0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 10%)		0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH		
Tổng số tiền thanh toán		10.398.675
<i>Bằng chữ Mười triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng chẵn</i>		
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG		Ngày ký: Ngày 3 Tháng 2 Năm 2022
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: AA/21E

Số: 2720245

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 2 năm 2022

Tên khách hàng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - HD

Mã khách hàng:

TM00-0095

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chi số mới	Chi số cũ	Khối lượng (m3)
6509	6366	143 (Ký chốt số: Tháng 1/2022)
Đổi tương	Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)
Nước sạch		Thành tiền (đ)
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên	
	- Từ 10 - 20m3	
	- Từ 20 - 30m3	
	- Trên 30 m3	
Hành chính sự nghiệp		
Sản xuất vật chất	143	14.500
Kinh doanh dịch vụ		2.073.500
Cộng	143	2.073.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)		103.675
Dịch vụ thoát nước	143	0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 10%)		0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH		
Tổng số tiền thanh toán		2.177.175
Bằng chữ Hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng chẵn		
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG Ngày ký: Ngày 3 Tháng 2 Năm 2022		
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549		


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

3/22

Mẫu số: 01GKT0/001

Ký hiệu: AA/21E

Số: 2948424

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 3 năm 2022

Tên khách hàng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

Thôn An Nghiệp Xã Tứ Cường Huyện Thanh Miện

Mã khách hàng:

TM00-0009

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chi số mới		Chi số cũ		Khối lượng (m3)
61263		60681		582 (Kỳ chốt số: Tháng 2/2022)
Đối tượng		Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
Nước sạch				
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên			
	- Từ 10 - 20m3			
	- Từ 20 - 30m3			
	- Trên 30 m3			
Hành chính sự nghiệp				
Sản xuất vật chất		582	14.500	8.439.000
Kinh doanh dịch vụ				
Cộng		582		8.439.000
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)				421.950
Dịch vụ thoát nước		582		0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)				0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH				
Tổng số tiền thanh toán				8.860.950
<i>Bằng chữ Tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng chẵn</i>				
Ngày ký: Ngày 3 Tháng 3 Năm 2022				
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG				
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549				

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

Mẫu số: 01GKT0/001

Ký hiệu: AA/21E

Số: 2948420

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 3 năm 2022

Tên khách hàng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - HD

Mã khách hàng:

TM00-0095

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chi số mới		Chi số cũ		Khối lượng (m3)
6790		6509		281 (Kỳ chốt số: Tháng 2/2022)
Đối tượng		Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
Nước sạch				
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên			
	- Từ 10 - 20m3			
	- Từ 20 - 30m3			
	- Trên 30 m3			
Hành chính sự nghiệp				
Sản xuất vật chất		281	14.500	4.074.500
Kinh doanh dịch vụ				
Cộng		281		4.074.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)				203.725
Dịch vụ thoát nước		281		0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)				0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH				
Tổng số tiền thanh toán				4.278.225
Bằng chữ Bốn triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng chẵn				
Ngày ký: Ngày 3 Tháng 3 Năm 2022				
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG				
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549				

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: AA/21E

Số: 3158868

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 4 năm 2022

Tên khách hàng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

Thôn An Nghiệp Xã Tứ Cường Huyện Thanh Miện

Mã khách hàng:

TM00-0009

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chi số mới		Chi số cũ		Khối lượng (m3)
61942		61263		679 (Kỳ chốt số: Tháng 3/2022)
Đối tượng		Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
Nước sạch				
- Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên			
	- Từ 10 - 20m3			
	- Từ 20 - 30m3			
	- Trên 30 m3			
Hành chính sự nghiệp				
Sản xuất vật chất		679	14.500	9.845.500
Kinh doanh dịch vụ				
Cộng		679		9.845.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)				492.275
Dịch vụ thoát nước		679		0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)				0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH				
Tổng số tiền thanh toán				10.337.775
Bằng chữ Mười triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng chẵn				
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG Ngày ký: Ngày 3 Tháng 4 Năm 2022				
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549				

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số TK: 46010002622801 tại NH Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 * Điện thoại: 0220.3739252

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: AA/21E

Số: 3158864

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 4 năm 2022

Tên khách hàng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

Địa chỉ:

An Nghiệp - Tứ Cường - Thanh Miện - HD

Mã khách hàng:

TM00-0095

Mã số thuế: 0800006025-002

Số TK:

Chỉ số mới		Chỉ số cũ		Khối lượng (m3)
6939		6790		149
Đối tượng		Khối lượng (m3)	Đơn giá (đ)	(Kỳ chốt số: Tháng 3/2022) Thành tiền (đ)
Nước sạch				
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10 m3 đầu tiên			
	- Từ 10 - 20m3			
	- Từ 20 - 30m3			
	- Trên 30 m3			
Hành chính sự nghiệp				
Sản xuất vật chất		149	14.500	2.160.500
Kinh doanh dịch vụ				
Cộng		149		2.160.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)				108.025
Dịch vụ thoát nước		149		0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)				0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH				
Tổng số tiền thanh toán				2.268.525
Bằng chữ Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng chẵn				
Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG				Ngày ký: Ngày 3 Tháng 4 Năm 2022
Giải pháp Hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Công ty TNHH Giải pháp Việt - MST: 3301475002 - ĐT: (84-234) 3935549				



VỊ TRÍ QUY HOẠCH



PHÒNG
KINH TẾ
VÀ
HẠ TẦNG

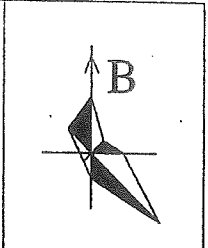


KS. LÊ NGỌC THIÊN

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD
 ĐỊA CHỈ: SỐ 81 ĐƯỜNG MẠC HIỂN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG
 TEL: 0915.843.757

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG
BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG - TỈ LỆ: 1/ 500



Kí hiệu:

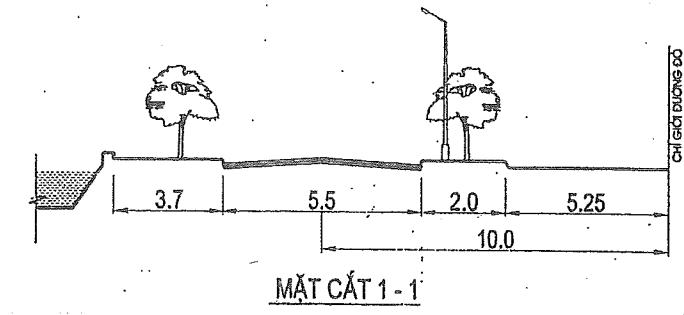
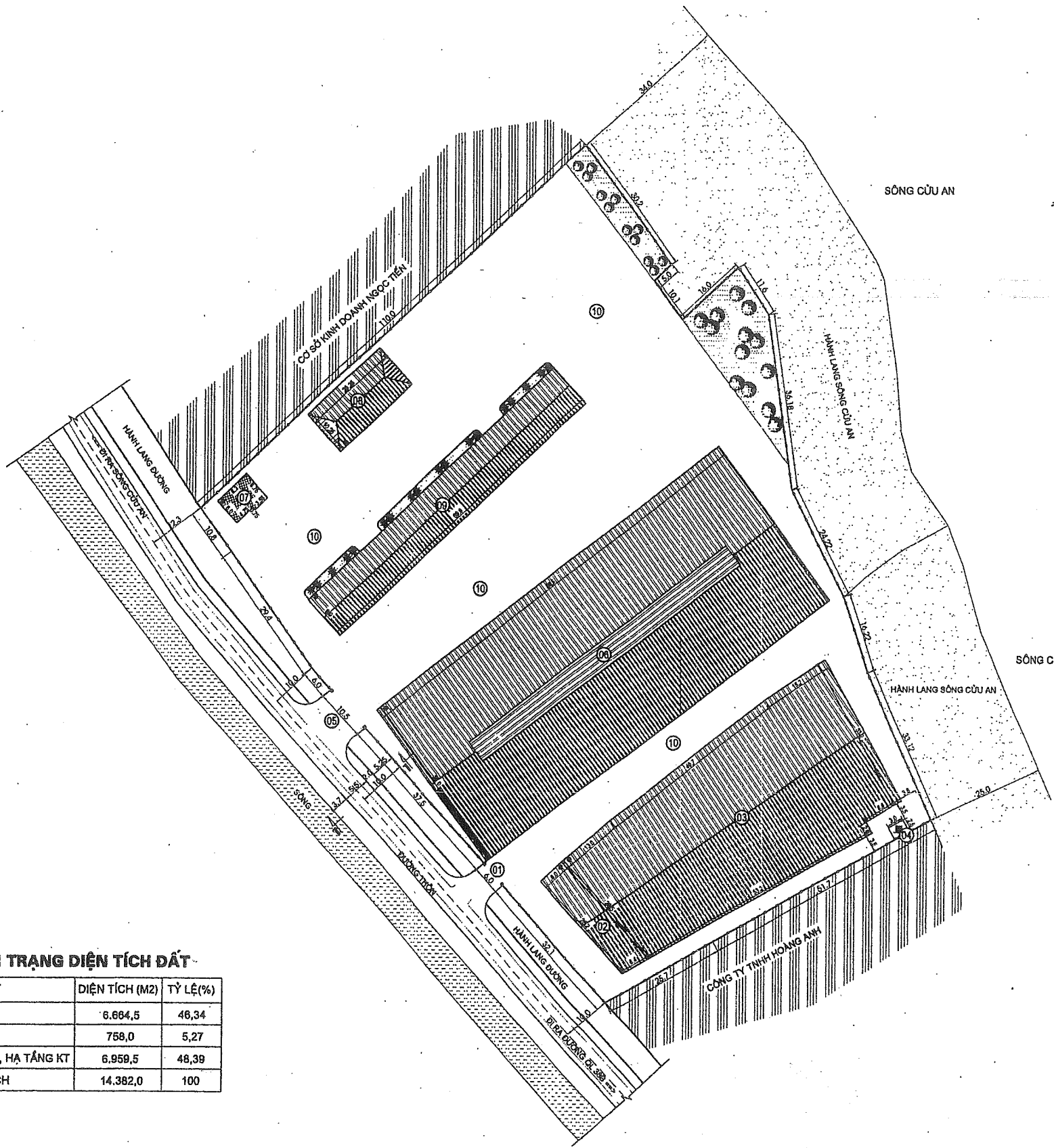
- Đất canh tác
- Đất HL sông Cầu An
- Đất doanh nghiệp
- Mặt nước
- Đất cây xanh
- Công trình
- Trạm biến áp
- Tường rào
- Nét hiện trạng

CHÚ THÍCH:

- 1 CỐNG PHỤ: 6,0 M
- 2 NHÀ ĐIỀU HÀNH: 155,0 M2
- 3 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 2.080,0 M2
- 4 TRẠM BIẾN ÁP (750 KVA): 7,5 M2
- 5 CỐNG CHÍNH: 10,5 M
- 6 NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 3.490,5 M2
- 7 NHÀ Y TẾ: 52,0 M2
- 8 NHÀ KHO SỐ 1: 207,5 M2
- 9 NHÀ KHO SỐ 2: 682,0 M2
- 10 SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

BẢNG HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH	6.664,5	46,34
2	ĐẤT CÂY XANH	758,0	5,27
3	SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ, HẠ TẦNG KT	6.959,5	48,39
TỔNG DIỆN TÍCH		14.382,0	100



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 12/2016, NGÀY 22-THÁNG 12, NĂM 2016
CHỦ TỊCH: NHỮ VĂN CỨC

CƠ QUAN THAM DỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH MIỆN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 12/2016, NGÀY 22-THÁNG 12, NĂM 2016
TRƯỞNG PHÒNG: BUI TRỌNG THUỘC

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
UBND XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN
CHỦ TỊCH: VŨ TIẾN LŨ

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 12/2016, NGÀY 22-THÁNG 12, NĂM 2016

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

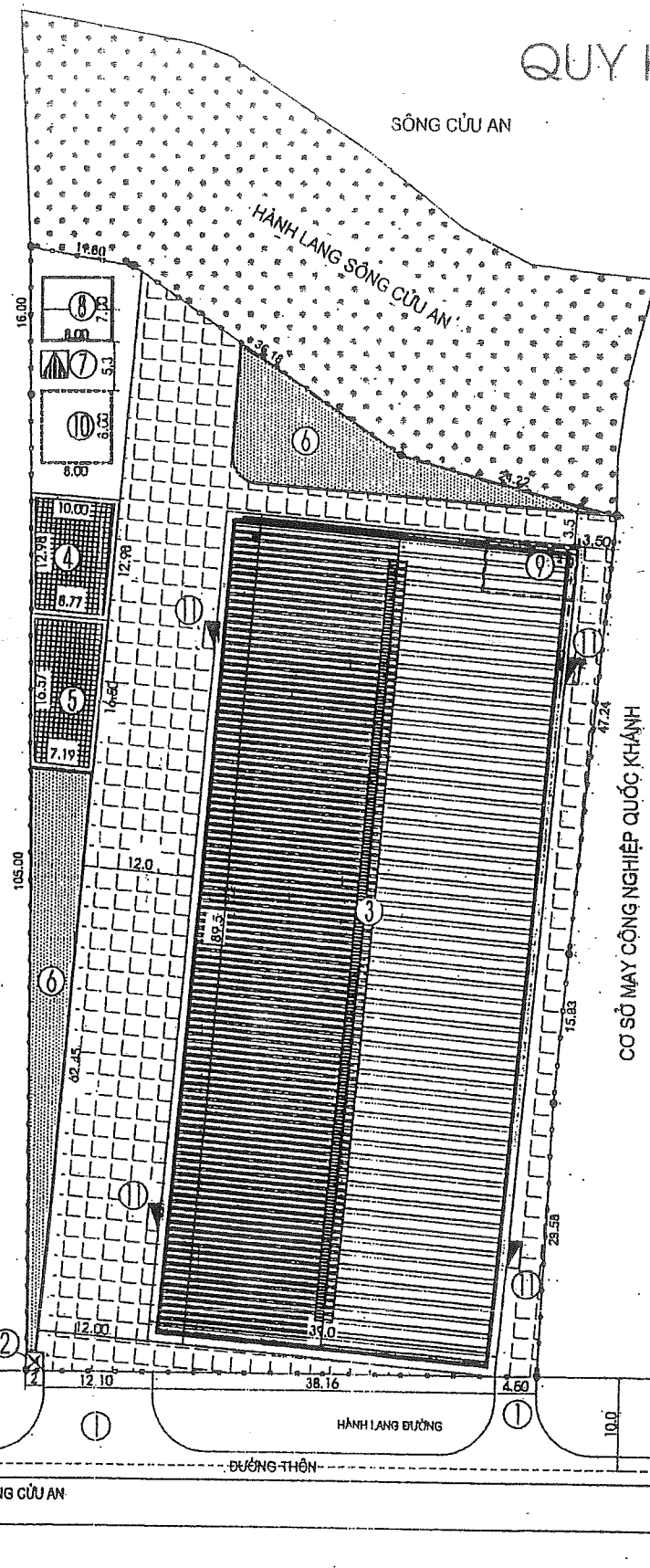
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG

BẢN VẼ: QH-02/07	GHÉP:	TỈ LỆ: 1/500	HT: /2016
THIẾT KẾ QH	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
CHỦ TRÌ TK	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
THIẾT KẾ HTKT	KS. NGUYỄN THÀNH LONG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. LÊ NGỌC THIÊN		

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD
NGUYỄN VĂN HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD
ĐỊA CHỈ: SỐ 81 ĐƯỜNG MẠC HIẾN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG
TEL: 0916.843.757

CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM INOX KÍNH VÀ CỬA KÍNH KHUNG NHÔM



QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN SAO

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI
- CÂY XANH
- ĐẤT HÀNH LANG SÔNG
- SÂN ĐƯỜNG
- RANH GIỚI ĐẤT XIN THUÊ

GHI CHÚ

- CỔNG RA VÀO
- NHÀ ẢO VỆ: 4M²
- NHÀ NHÀ XƯỞNG: 3490,5 M²
- NHÀ ĂN: 121,5M²
- NHÀ ĐỂ XE: 131,5M²
- CÂY XANH
- TRẠM BIẾN ÁP: 8M²
- KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI, RÁC THẢI
- NHÀ VỆ SINH: 40 M²
- BỂ NƯỚC NGẦM VÀ TRẠM BƠM
- HỒNG CỨU HỎA

BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH XD(M ²)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	3743,5	58,08
2	ĐẤT CÂY XANH	650	10,09
3	SÂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HTKT	2051,5	31,83
TỔNG CỘNG		6.445	100

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 60%
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT 0,6 LẦN

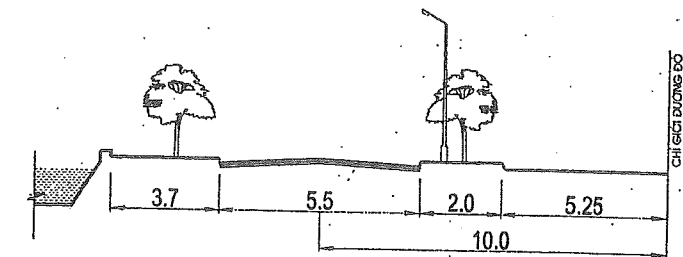
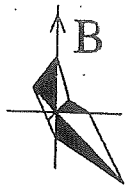


PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN THẮNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 8.4.32... Quyển số: B... SCT/BS
Ngày: 31 tháng 7 năm 2015

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	UBND HUYỆN THANH MIỆN	CHỦ TỊCH	ĐINH THẾ CHIỀU
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:	NGÀY	THÁNG	NĂM 2015
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG	CHỦ TỊCH	ĐỖ VĂN TOÀN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:	NGÀY	THÁNG	NĂM 2015
UBND XÃ TỨ CƯỜNG	CHỦ TỊCH	VŨ VĂN ĐĂNG	
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY TNHH SHINTS BVT	CHỦ ĐỐC	KIM KIEM SIK
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:	NGÀY	THÁNG	NĂM 2015
C.TRÌNH:	QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT		
ĐỊA ĐIỂM XD:	XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG		
BẢN VẼ:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN		
BẢN VẼ: QH-03	GHÉP 1A2	TỈ LỆ: 1/500	HT: NĂM 2015
THỂ HIỆN	ĐOÀN TIẾN NAM		
THIẾT KẾ QH	KTS. BUI LÊ BÌNH		
CHỦ TRÌ TK	KTS. BUI THỊ KIM MAI		
THIẾT KẾ HTKT	KS. PHẠM QUANG ĐỨC		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. BUI THỊ KIM MAI		
GIÁM ĐỐC	KTS. NGUYỄN ĐỨC		
HỘI K.T.S HẢI DƯƠNG	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG		
Địa chỉ: 36 88 Quang Trung, Thành phố Hải Dương - Tel: 0320.3846326			

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT - TỈ LỆ: 1/ 500**

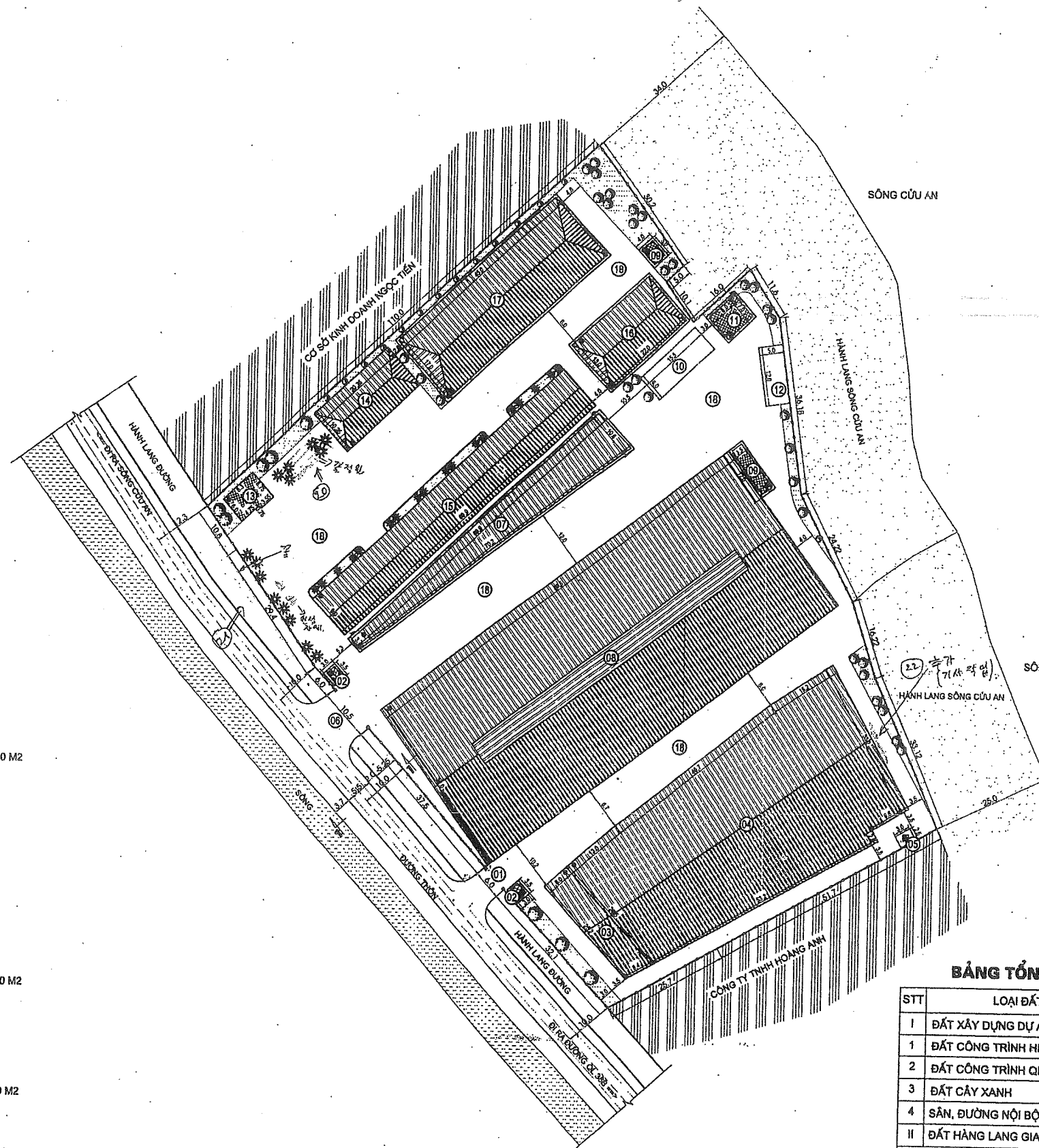


Kí hiệu:

- Đất canh tác
- Đất HL sông Cừ An
- Đất doanh nghiệp
- Mặt nước
- Đất cây xanh
- Công trình QH mới
- Công trình hiện có
- Trạm biến áp
- Tường rào
- Nét hiện trạng

CHÚ THÍCH:

- ① CỐNG PHỤ: 6,0 M
- ② NHÀ BẢO VỆ 02 NHÀ (QH MỚI): 21,0 M²
- ③ NHÀ ĐIỀU HÀNH: 155,0 M²
- ④ NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 2.080,0 M²
- ⑤ TRẠM BIẾN ÁP (750 KVA): 7,5 M²
- ⑥ CỐNG CHÍNH: 10,5 M
- ⑦ NHÀ ĐỂ XE (QH MỚI): 488,0 M²
- ⑧ NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 3.480,5 M²
- ⑨ NHÀ WC 02 NHÀ (QH MỚI): 62,0 M²
- ⑩ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI: 93,0 M²
- ⑪ NHÀ NỒI HƠI (QH MỚI): 56,0 M²
- ⑫ BỂ CHỨA NƯỚC NGÂM + PCCC: 60,0 M²
- ⑬ NHÀ Y TẾ: 52,0 M²
- ⑭ NHÀ KHO SỐ 1: 207,5 M²
- ⑮ NHÀ KHO SỐ 2: 892,0 M²
- ⑯ NHÀ KHO SỐ 3 (QH MỚI): 286,0 M²
- ⑰ NHÀ ĂN + CẢNG TIN (QH MỚI): 785,0 M²
- ⑱ SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

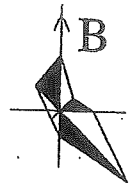


BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ(%)
1	ĐẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN	14.345,8	89,75
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH HIỆN CÓ	6.884,5	46,34
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH QH MỚI	1.688,0	11,73
3	ĐẤT CÂY XANH	1.504,0	10,46
4	SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ, HẠ TẦNG KT	4.489,3	31,22
II	ĐẤT HÀNG LANG GIAO THÔNG	36,2	0,25
TỔNG DIỆN TÍCH		14.382,0	100

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2016/QĐ-UBND NGÀY 23/THÁNG 12/ NĂM 2016 CHỦ TỊCH: KHUU VĂN CÚC			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH MIỆN KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 22/2016/TTr-UBND NGÀY 23/THÁNG 12/ NĂM 2016 TRƯỞNG PHÒNG: BÙI TRỌNG THUỘC			
CƠ QUAN THỎA THUẬN: BÙI TRỌNG THUỘC UBND XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN CHỦ TỊCH: VŨ TIẾN LƯU			
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 22/2016/TTr-UBND NGÀY 23/THÁNG 12/ NĂM 2016 			
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG			
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT			
BẢN VẼ: QH-04/07	GHÉP:	TỈ LỆ: 1/500	HT: /2016
THIẾT KẾ QH	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
CHỦ TRÌ TK	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
THIẾT KẾ HTKT	KS. NGUYỄN THÀNH LONG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. LÊ NGỌC THIÊN		
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN HẢI			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD ĐỊA CHỈ: SỐ 61 ĐƯỜNG MẠC HIỂN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG TEL: 0916.843.767			

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG BẢN ĐỒ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CẢNH QUAN - TỈ LỆ: 1/ 500

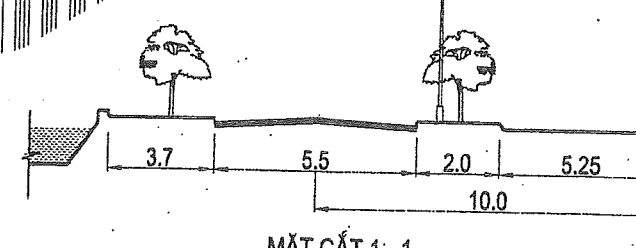
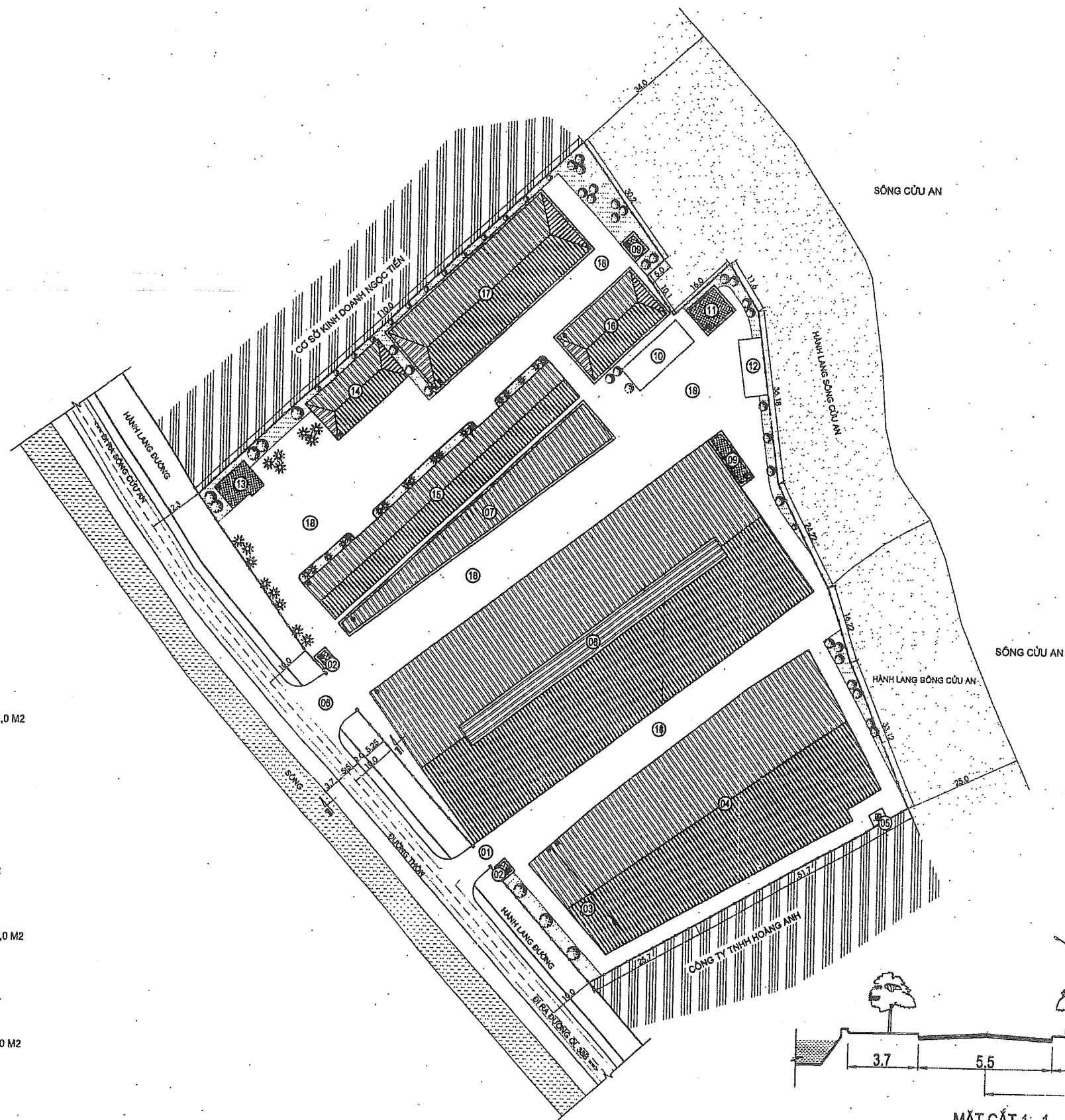


Kí hiệu:

- Đất cảnh tác
- Đất HL sông Cửu An
- Đất doanh nghiệp
- Mặt nước
- Đất cây xanh
- Công trình QH mới
- Công trình hiện có
- Trạm biến áp
- Tường rào
- Nét hiện trạng

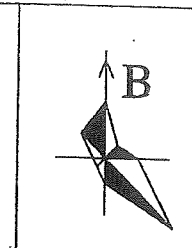
CHÚ THÍCH:

- 1 CỐNG PHỤ: 6,0 M
- 2 NHÀ BẢO VỆ 02 NHÀ (QH MỚI): 21,0 M²
- 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH: 155,0 M²
- 4 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 2.060,0 M²
- 5 TRẠM BIẾN ÁP (750 KVA): 7,5 M²
- 6 CỐNG CHÍNH: 10,5 M
- 7 NHÀ ĐỂ XE (QH MỚI): 498,0 M²
- 8 NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 3.490,5 M²
- 9 NHÀ WC 02 NHÀ (QH MỚI): 62,0 M²
- 10 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI: 93,0 M²
- 11 NHÀ NÓI HƠI (QH MỚI): 56,0 M²
- 12 BỂ CHỨA NƯỚC NGÂM + PCCC: 60,0 M²
- 13 NHÀ Y TẾ: 52,0 M²
- 14 NHÀ KHO SỐ 1: 207,5 M²
- 15 NHÀ KHO SỐ 2: 692,0 M²
- 16 NHÀ KHO SỐ 3 (QH MỚI): 288,0 M²
- 17 NHÀ ĂN + CĂNG TIN (QH MỚI): 765,0 M²
- 18 SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ... NGÀY 23/THÁNG 02, NĂM 2016 CHỦ TỊCH: NHỮ VĂN CÚC			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÁNG HUYỆN THANH MIỆN KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ... NGÀY 23/THÁNG 02, NĂM 2016 CHỦ TỊCH: BÙI TRỌNG THUỘC			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: UBND XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN CHỦ TỊCH: VŨ TIẾN LƯU			
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SHINTS BVT KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ... NGÀY.../THÁNG.../NĂM 2016			
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG			
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CẢNH QUAN			
BẢN VẼ: QH-05/07	GHÉP:	TỈ LỆ: 1/500	HT: /2016
THIẾT KẾ QH	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
CHỦ TRÌ TK	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
THIẾT KẾ HTKT	KS. NGUYỄN THÀNH LONG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. LÊ NGỌC THIÊN		
GIÁM ĐỐC: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD ĐIA CHỈ: SỐ 81 ĐƯỜNG MẠC HIẾN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG TEL: 0915.843.757 NGUYỄN VĂN HẢI			

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG & CẤP ĐIỆN - TỈ LỆ: 1/ 500**



Kí hiệu:

- Đất canh tác
- Đất HL sông Cừ An
- Đất doanh nghiệp
- Mặt nước
- Đất cây xanh
- Công trình QH mới
- Công trình hiện có
- Đường điện 35KVA
- Đường dây hạ áp
- Cáp ngầm chiếu sáng
- Đèn chiếu sáng
- Tủ điện
- Trạm biến áp
- Tường rào
- Nét hiện trạng

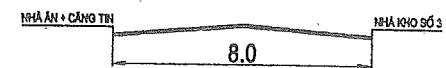
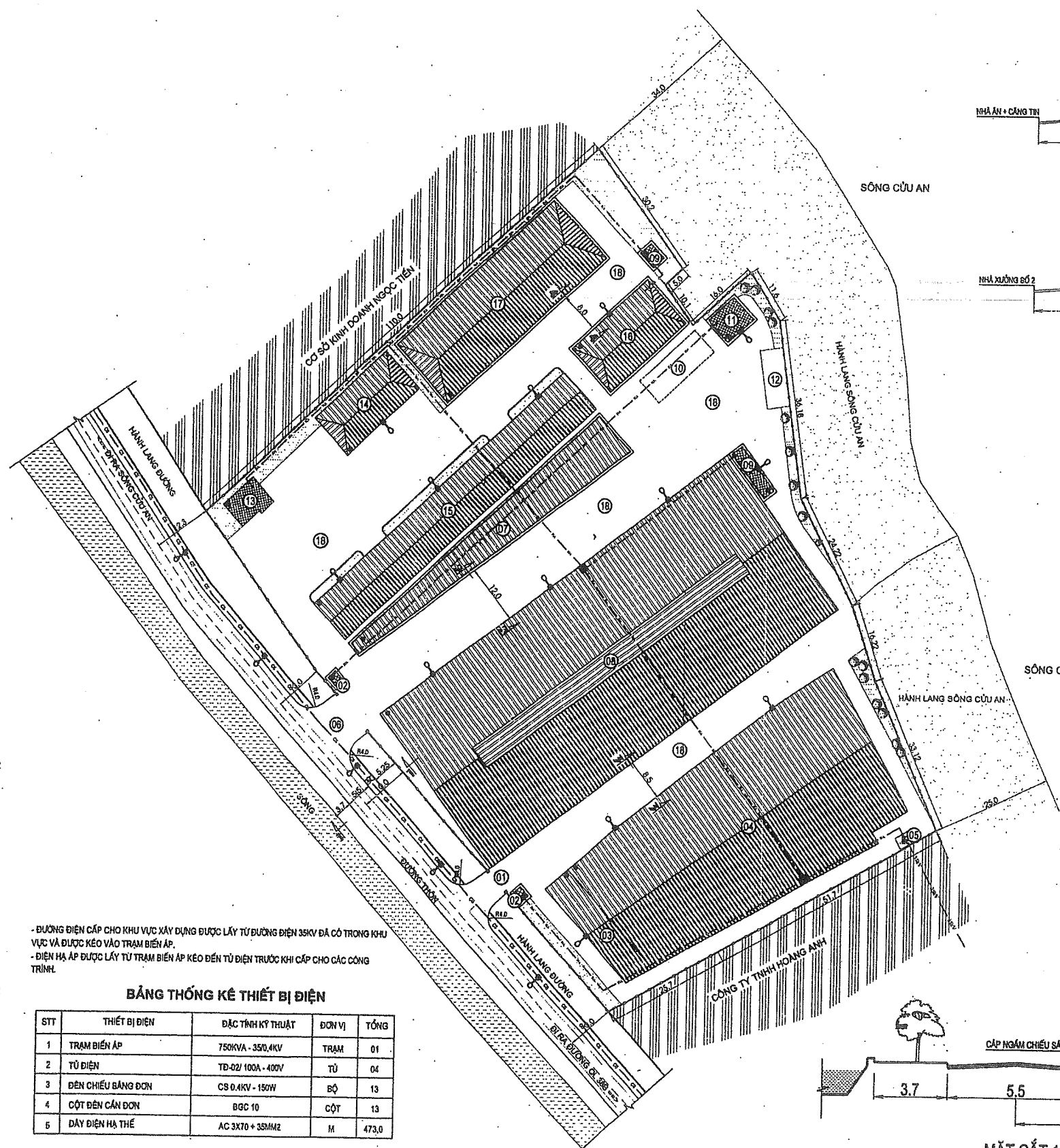
CHÚ THÍCH:

- 1 CỐNG PHỤ: 8,0 M
- 2 NHÀ BẢO VỆ 02 NHÀ (QH MỚI): 21,0 M2
- 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH: 155,0 M2
- 4 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 2.080,0 M2
- 5 TRẠM BIẾN ÁP (750 KVA): 7,5 M2
- 6 CỐNG CHÍNH: 10,5 M
- 7 NHÀ ĐỂ XE (QH MỚI): 498,0 M2
- 8 NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 3.490,5 M2
- 9 NHÀ WC 02 NHÀ (QH MỚI): 62,0 M2
- 10 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI: 93,0 M2
- 11 NHÀ NÓI HƠI (QH MỚI): 56,0 M2
- 12 BỂ CHỨA NƯỚC NGẦM + PCCC: 60,0 M2
- 13 NHÀ Y TẾ: 52,0 M2
- 14 NHÀ KHO SỐ 1: 207,5 M2
- 15 NHÀ KHO SỐ 2: 692,0 M2
- 16 NHÀ KHO SỐ 3 (QH MỚI): 288,0 M2
- 17 NHÀ ĂN + CĂNG TIN (QH MỚI): 765,0 M2
- 18 SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

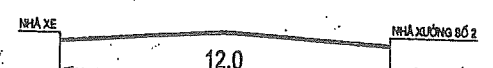
- ĐƯỜNG ĐIỆN CẤP CHO KHU VỰC XÂY DỰNG ĐƯỢC LẤY TỪ ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV ĐÃ CÓ TRONG KHU VỰC VÀ ĐƯỢC KÉO VÀO TRẠM BIẾN ÁP.
- ĐIỆN HẠ ÁP ĐƯỢC LẤY TỪ TRẠM BIẾN ÁP KÉO ĐẾN TỦ ĐIỆN TRƯỚC KHI CẤP CHO CÁC CÔNG TRÌNH.

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ ĐIỆN

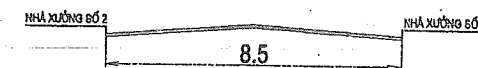
STT	THIẾT BỊ ĐIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	TỔNG
1	TRẠM BIẾN ÁP	750KVA - 350,4KV	TRẠM	01
2	TỦ ĐIỆN	TB-02/ 100A - 400V	TỦ	04
3	ĐÈN CHIẾU SÁNG ĐƠN	CS 0.4KV - 150W	BỘ	13
4	CỘT ĐÈN CÁN ĐƠN	BGC 10	CỘT	13
5	DÂY ĐIỆN HẠ THẾ	AC 3X70 + 35MM2	M	473,0



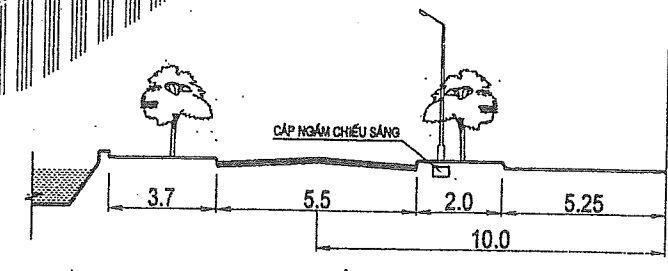
MẶT CẮT 4 - 4



MẶT CẮT 2 - 2



MẶT CẮT 3 - 3



MẶT CẮT 1 - 1

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... NGÀY 28. THÁNG 12. NĂM 2016
CHỦ TỊCH: NHƯ VĂN CÚC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH MIỆN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY 28. THÁNG 12. NĂM 2016
TRƯỞNG PHÒNG: BUI TRỌNG THỰC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
UBND XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN
CHỦ TỊCH: VŨ TIẾN LŨY

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY 28. THÁNG 12. NĂM 2016
CHỦ TỊCH: SK

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

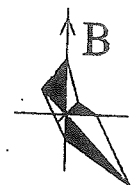
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG & CẤP ĐIỆN

BẢN VẼ: QH-08/07	GHÉP:	TỈ LỆ: 1/500	HT: /2016
THIẾT KẾ QH	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
CHỦ TRÌ TK	KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
THIẾT KẾ HTKT	KS. NGUYỄN THÀNH LONG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. LÊ NGỌC THIÊN		

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HẢI
NGUYỄN VĂN HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HẢI
ĐỊA CHỈ: SỐ 81 ĐƯỜNG MẠC HIẾN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG
TEL: 0915.843.757

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC - TỈ LỆ: 1/ 500



Kí hiệu:

- Đất canh tác
- Đất HL sông Cầu An
- Đất doanh nghiệp
- Mặt nước
- Đất cây xanh
- Công trình QH mới
- Công trình hiện có
- Rãnh thoát nước
- Ống thoát nước thải
- Ống cấp nước
- Ga thu nước
- Hộp cầu hòa
- Cửa xả
- Trạm biến áp
- Tường rào
- Nét hiện trạng

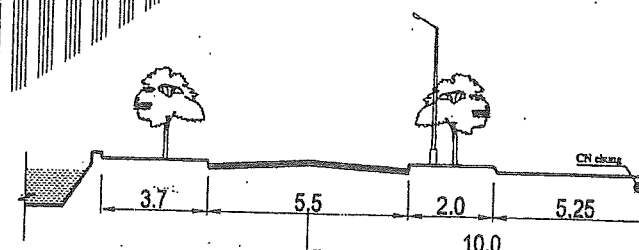
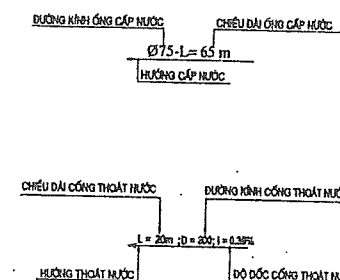
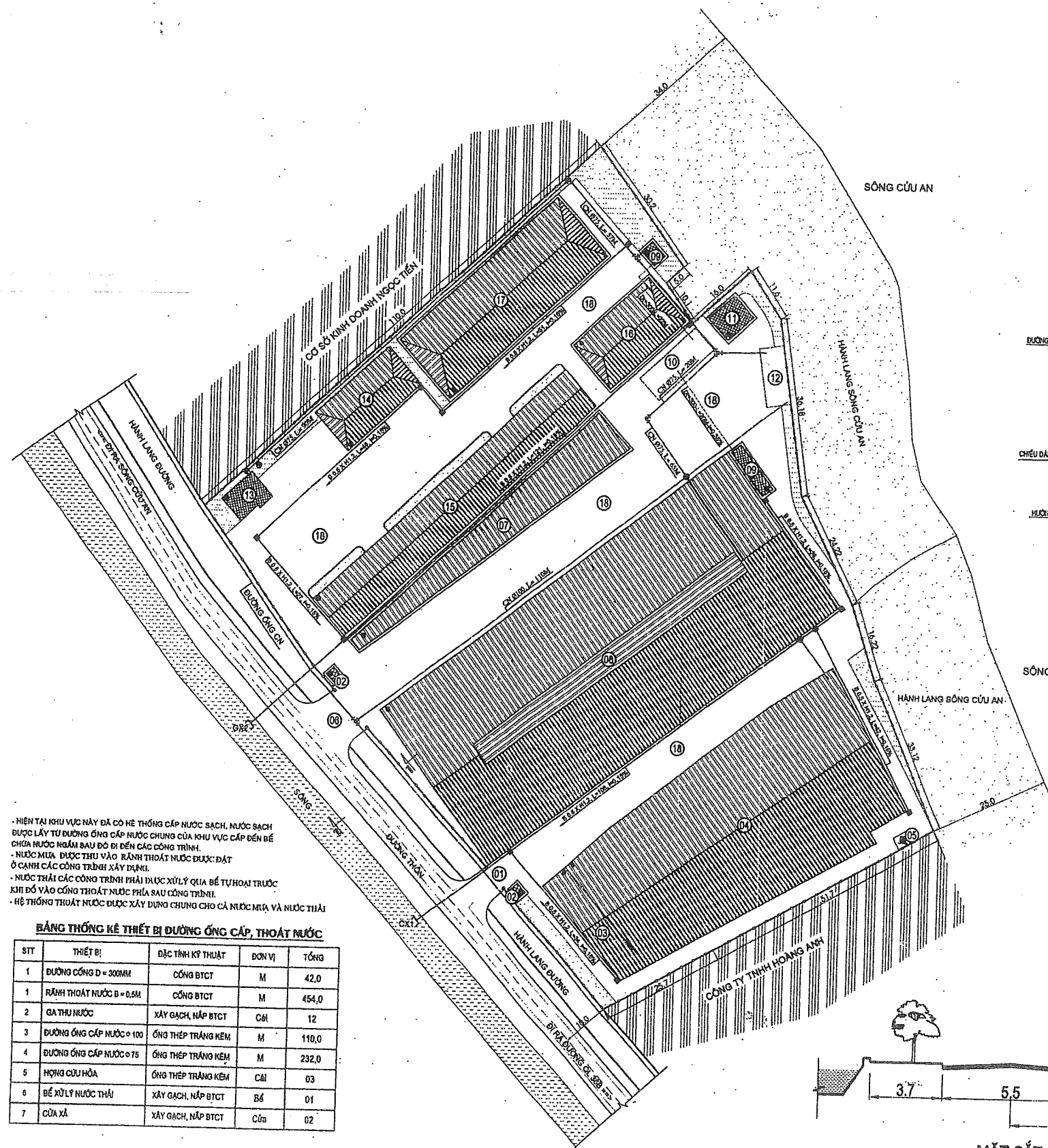
CHÚ THÍCH:

- 1 CỐNG PHỤ: 6,0 M
- 2 NHÀ BẢO VỆ 02 NHÀ (QH MỚI): 21,0 M2
- 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH: 155,0 M2
- 4 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 2.080,0 M2
- 5 TRẠM BIẾN ÁP (750 KVA): 7,5 M2
- 6 CỐNG CHÍNH: 10,5 M
- 7 NHÀ ĐỂ XE (QH MỚI): 498,0 M2
- 8 NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 3.490,5 M2
- 9 NHÀ WC 02 NHÀ (QH MỚI): 62,0 M2
- 10 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI: 93,0 M2
- 11 NHÀ NỒI HƠI (QH MỚI): 56,0 M2
- 12 BỂ CHỨA NƯỚC NGÂM + PCCC: 60,0 M2
- 13 NHÀ Y TẾ: 52,0 M2
- 14 NHÀ KHO SỐ 1: 207,5 M2
- 15 NHÀ KHO SỐ 2: 692,0 M2
- 16 NHÀ KHO SỐ 3 (QH MỚI): 286,0 M2
- 17 NHÀ ĂN + CẢNG TIN (QH MỚI): 785,0 M2
- 18 SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

- HIỆN TẠI KHU VỰC NÀY ĐÃ CÓ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SẠCH, NƯỚC SẠCH ĐƯỢC LẤY TỪ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CHUNG CỦA KHU VỰC CẤP ĐẾN BỂ CHỨA NƯỚC NGÂM BẬC ĐÓ ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH.
 - NƯỚC MƯA ĐƯỢC THU VÀO RÃNH THOÁT NƯỚC ĐƯỢC ĐẶT Ở CẠNH CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG.
 - NƯỚC TRẢI CÁC CÔNG TRÌNH PHẢI ĐƯỢC XỬ LÝ QUA BỂ TỰ HOẠI TRƯỚC KHI ĐỔ VÀO CỐNG THOÁT NƯỚC PHÍA SAU CÔNG TRÌNH.
 - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC ĐƯỢC XÂY DỰNG CHUNG CHO CẢ NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ ĐƯỜNG ỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC

STT	THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	TỔNG
1	ĐƯỜNG CỐNG D = 300MM	CỐNG BTCT	M	42,0
1	RÃNH THOÁT NƯỚC B = 0,5M	CỐNG BTCT	M	454,0
2	GÀ THU NƯỚC	XÂY GẠCH, NẮP BTCT	CÁI	12
3	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC Ø 100	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM	M	110,0
4	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC Ø 75	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM	M	232,0
5	HỘNG CẦU HÒA	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM	CÁI	03
6	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	XÂY GẠCH, NẮP BTCT	BỂ	01
7	CỬA XẢ	XÂY GẠCH, NẮP BTCT	CỬA	02



MẶT CẮT 1-1

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 12/2016/QĐ-UBND NGÀY: 22 THÁNG 12 NĂM 2016
 CHỦ TỊCH: NHỮ VĂN CÚC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
 PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH MIỆN
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 12/2016/TTr-UBND NGÀY: 23 THÁNG 12 NĂM 2016
 TRƯỞNG PHÒNG: ĐỖ TRỌNG THƯỜNG

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
 UBND XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN
 CHỦ TỊCH: VŨ TIẾN LŨ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 12/2016/TTr-UBND NGÀY: 23 THÁNG 12 NĂM 2016
 CHỦ ĐẦU TƯ: SK

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XD MỞ RỘNG CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SHINTS BVT
 XÃ TỨ CƯỜNG - HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC

BẢN VẼ: QH- 07/07 **GHEP:** **TỈ LỆ: 1/500** **HT: 12/2016**

THIẾT KẾ QH: KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ TK: KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

THIẾT KẾ HTKT: KS. NGUYỄN THÀNH LONG

Q.L. KỸ THUẬT: KS. LÊ NGỌC THIÊN

GIÁM ĐỐC:
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH HẢI HD
 ĐỊA CHỈ: SỐ 81 ĐƯỜNG MẠC HIẾN TÍCH, PHƯỜNG HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG
 TEL: 0915.843.757